

**BẢN LẠI
DIỆN MỤC
VÀ
ĐẠO LÀM NGƯỜI**

TÙNG THIÊN TỬ BẠCH HẠC

2018

MỤC LỤC

PHẦN MỘT

BẢN LAI ĐIỆN MỤC CỦA CON NGƯỜI

CHƯƠNG I

BẢN LAI ĐIỆN MỤC

TIẾT 1. PHÚT BAN ĐẦU HÌNH THÀNH CON NGƯỜI - PHÉP LẠ CỦA SỰ SỐNG

TIẾT 2. MẬT MÃ DI TRUYỀN

TIẾT 3. QUÁ TRÌNH THỤ THAI & SINH SẢN

TIẾT 4. TINH TRÙNG LÀ MỘT SINH VẬT

TIẾT 5. NHẬP THỂ

CHƯƠNG HAI

NGUỒN GỐC THIÊN LIÊNG CAO CẢ CỦA CON NGƯỜI

TIẾT 1. CON NGƯỜI THẬT SỰ VÔ HÌNH

TIẾT 2. CON NGƯỜI HỮU HÌNH (PHẠM NGÃ)

TIẾT 3. CÁC THỂ THANH CỦA CON NGƯỜI

TIẾT 4. NGUỒN GỐC THIÊN LIÊNG CAO CẢ CỦA CON NGƯỜI

TIẾT 5. TIÊU LINH QUANG XUẤT HIỆN ĐẦU TIÊN TỪ ĐÂU?

CHƯƠNG BA

BÁT HỒN VÀ LUẬT TIẾN HÓA

TIẾT 1. BÁT HỒN

I. KIM THẠCH HỒN

II. THỰC VẬT HỒN

III. THÚ CẦM HỒN

IV. NHÂN H

TIẾT 2. LUẬT TIẾN HÓA

I. BA PHÁP TIẾN HÓA

II. CÁC CHẶNG TÂM THỨC

TIẾT 3. LUẬT TAM THỂ

PHẦN HAI

LINH HỒN & THƯỢNG ĐẾ

CHƯƠNG MỘT

CÓ THƯỢNG ĐẾ KHÔNG? CÓ LINH HỒN KHÔNG?

TIẾT 1. CON NGƯỜI CÓ LINH HỒN

TIẾT 2. THƯỢNG ĐẾ LÀ SỰ SỐNG, LÀ ĐẠI TỬ PHỤ

TIẾT 3. TRÁI ĐẤT NÀY LÀ CỦA CHÚNG MÌNH

I. CÓ BA HẠNG NGƯỜI Ở THẾ GIẠN

II. THẾ GIẠN NHƯ LÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÓ 5 PHÂN KHOA

CHƯƠNG HAI

NHƠN ĐẠO HAY ĐẠO LÀM NGƯỜI

TIẾT 1. NHƠN NGHĨA LÀ TÔN CHỈ CỦA TÔN GIÁO CAO ĐÀI

I. Ý NGHĨA CHỮ NHƠN (NHÂN)?

II. NHƠN PHẨM & NHƠN CÁCH & NHƠN LUÂN LÀ GÌ?

III. NHÂN NGHĨA LÀ TÔN CHỈ CỦA TÔN GIÁO CAO ĐÀI

TIẾT 2. NHƠN ĐẠO & THIÊN ĐẠO

TIẾT 3. NHÂN ĐẠO VÀ VẤN ĐỀ TÌNH DỤC

CHƯƠNG BA

KHI PHẬT DẠY NHƠN ĐẠO

TIẾT 1. ĐỨC PHẬT THÍCH CA DẠY NHƠN ĐẠO

TIẾT 2. NGÀI PHẠM CÔNG TẮC DẠY NHƠN ĐẠO

PHẦN BA

TA ĐÃ LÀM CHI ĐỜI TA?

CHƯƠNG MỘT

BẠN ĐANG LÀM GÌ CUỘC ĐỜI MÌNH

TIẾT 1. TÌM GÌ? MUỐN GÌ?

TIẾT 2. ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI CÓ 5 MỤC ĐÍCH CHÍNH YẾU

CHƯƠNG HAI

PHƯƠNG PHÁP TU HỌC

TIẾT 1. TU HỌC NHƯ THẾ NÀO

I. THƯỢNG ĐẾ LÀ SỰ THƯƠNG YÊU

II. TẬP THƯƠNG YÊU

III. CHUYỂN HƯỚNG DỤC VỌNG & CẢM XÚC

IV. LUẬT NHÂN QUẢ-NGHIỆP (KARMA)

TIẾT 2. HỌC VÀ LÀM THEO LỜI DẠY CỦA ĐỨC CHÍ TÔN

CHƯƠNG BA

CÁI CHẾT TUY XA MÀ GẦN

TIẾT 1. CÁI CHẾT TUY XA MÀ GẦN

TIẾT 2. PHÉP XÁC CẮT ĐÚT 7 DÂY OAN NGHIỆT

TIẾT 3. CỒI TRẦN & CỒI ÂM

TIẾT 4. HỎA TÁNG

KẾT LUẬN

PHỤ LỤC 1

NỮ TIÊN ĐOÀN THỊ ĐIỂM DẠY GÌ VỀ ĐỜI SỐNG THẾ GIẠN?

PHỤ LỤC 2

CON THẦN LẦN CHỌN NGHIỆP



PHẦN MỘT

BẢN LAI ĐIỆN MỤC CỦA CON NGƯỜI

CHƯƠNG I

BẢN LAI ĐIỆN MỤC 本來面目

Từ “bản lai diện mục có hai nghĩa:

1. Mặt mắt xưa nay vẫn có; chỉ tâm tính cố hữu của người ta.
2. Hình dạng gốc của sự vật.

Muốn biết bản lai diện mục của chúng ta, chúng ta cần biết chúng ta là ai, xuất phát từ đâu?

Câu trả lời của Minh Triết Thiên Lương là tất cả chúng ta đều xuất phát từ Sự Sống Duy Nhất Đại đồng (One Universal Life). Chúng ta là một phần bất khả phân của Sự Sống Duy Nhất đó. Con người là một điểm Linh Quang và là một Tia lửa nhỏ bé của Ngọn Lửa Thiên Lương vĩ đại. Nói cách khác, con người là những sinh linh nhỏ bé được tạo nên từ sự sống bất diệt. Ngọn lửa thiêng hay sự sống bất diệt này được con người tôn kính gọi là Thượng Đế. Như vậy bản lai diện mục được chỉ chơn tánh của con người.

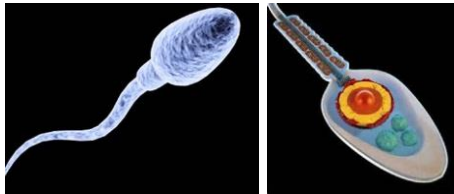
TIẾT 1. PHÚT BAN ĐẦU HÌNH THÀNH CON NGƯỜI - PHÉP LẠ CỦA SỰ SỐNG

Ở người phụ nữ, trước thời điểm trứng chín và rụng, hai kích thích tố Estrogen và Progesterone được tiết ra đáng kể. Chúng chảy qua dòng máu trong cơ thể, thúc đẩy cổ tử cung hình thành 1 lớp lót màu mỡ cho sự thụ tinh. Cùng lúc đó, trong buồng trứng, những quả trứng chín dần lên. Vào khoảng ngày thứ 14 trong chu kỳ kinh 28 ngày, một trứng sẽ nở ra từ nang và bị tách ra khỏi buồng trứng, đi vào ống dẫn trứng. Khi giao hợp, người đàn ông xuất ra khoảng 3,5 ml tinh dịch. Lượng tinh dịch này chứa khoảng 200 đến 300 triệu con tinh trùng. Trong suốt 12 cho tới 24 giờ tiếp theo, quả trứng đó sẽ được thụ tinh nếu 1 trong số 250 triệu tinh trùng đó đi qua cổ tử cung, bơi ngược lên dạ con tới ống dẫn trứng và "chui" được vào trong trứng. Ngay cả tinh trùng khỏe nhất đã tiến được tới ống dẫn trứng nhưng nếu không gặp đúng vào ngày rụng trứng cũng chẳng thể thụ thai, và tinh trùng chỉ có thể tồn tại thêm tối đa 72 giờ thì chết.

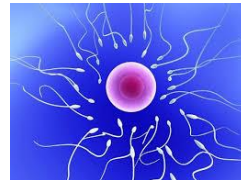
Tương tự với trứng, sau khi rụng trong vòng 12-24 giờ mà không có tinh trùng nào kết hợp thì kết quả là trứng cùng lượng máu bị đẩy ra hàng tháng gọi là kinh nguyệt. Mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh sản sẽ có khoảng 300.000 trứng, phần lớn mỗi tháng đến kỳ kinh nguyệt rụng một quả trứng. Nếu tinh trùng chui được vào trong trứng,

trứng sẽ tiết ra một vỏ bọc chắc chắn ngăn không cho tinh trùng thứ hai xâm nhập. Từ đó cả hai sẽ hợp thành tế bào gọi là “hợp tử” và tiếp tục phân bào.

Khi tinh trùng xâm nhập vào trứng, đuôi của nó sẽ rụng ra và nhân sẽ kết hợp gen (gene) với trứng, hình thành hợp tử. Nếu tinh trùng mang nhiễm sắc thể Y, đứa trẻ sẽ là bé trai. Nếu tinh trùng mang nhiễm sắc thể X thì chúng ta sẽ có 1 bé gái.



Hình con tinh trùng (sperm) có đầu và đuôi



Hình Trứng (hình tròn, có nhân), bị tấn công bởi rất nhiều con tinh trùng (hình internet)

TIẾT 2. MẬT MÃ DI TRUYỀN

Trong phần đầu của con tinh trùng có chứa phân tử DNA, MÃ TIỀN HÓA.

DNA (deoxyribonucleic acid) được tìm thấy trong các tế bào của cơ thể con người, nó chứa đựng mật mã di truyền và các phân tử ADN được truyền qua nhiều thế hệ trong một gia đình. DNA là một phân tử nucleic acid mang thông tin di truyền mã hóa cho hoạt động sinh trưởng và phát triển của các dạng sống bao gồm cả virus. DNA thường được coi là vật liệu di truyền ở cấp độ phân tử tham gia quyết định các tính trạng. Trong quá trình sinh sản, phân tử DNA được nhân đôi và truyền cho thế hệ sau. Cấu trúc phân tử ADN giống như một thang xoắn làm bằng hai sợi, được biết đến như là một 'hình xoắn'. Những sợi của DNA chứa các thông tin dưới hình thức một mã số, lần lượt xác định đặc điểm của mỗi cá nhân và đặc điểm của cơ thể mỗi người. Có bốn loại khối xây dựng nên ADN (A, T, G, C) và trật tự của chúng là mã di truyền của con người.

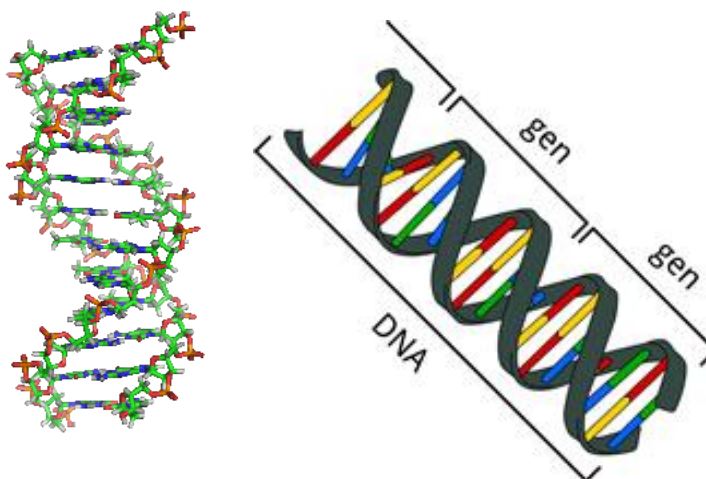
Một nửa ADN của một người được thừa hưởng từ mẹ, và một nửa là thừa kế từ người cha. Tuy nhiên, trong khi dấu vân tay không có giá trị cho thiết lập các mối quan hệ gia đình, các mật mã di truyền chứa trong chuỗi ADN lại có giá trị cho việc thiết lập mối quan hệ gia đình, bởi vì chúng được thừa hưởng từ thế hệ trước. Hầu hết mọi tế bào đều chứa ADN gồm các phân tử phức tạp giống như những thang xoắn dài. Trong gen người, tức bộ ADN hoàn chỉnh, các thang này chứa khoảng ba tỉ “bậc thang” hóa chất.

Còn bộ gen con người thì sao? “Nó giống như một thư viện chứa hàng ngàn bộ sách”. Văn bản trong ADN được ví như một ngôn ngữ. Như ngôn ngữ của con người, ngôn ngữ này có “văn phạm” quy tắc, chi phối mọi hướng dẫn cụ thể và chi tiết. Những “từ” và “câu” trong ADN hợp thành nhiều “công thức”. Công thức này hướng dẫn việc sản xuất protein và những chất khác để tạo các chất cơ bản trong các loại tế bào

giúp hình thành cơ thể. Chẳng hạn, “công thức” này có thể hướng dẫn việc sản xuất tế bào xương, tế bào cơ, tế bào thần kinh hoặc tế bào da. Nhà sinh vật học về tiến hóa tên Matt Ridley viết:

“Sợi ADN chứa thông tin, một thông điệp được viết dưới dạng mật mã bằng hóa chất, mỗi hóa chất tương trưng cho một ký tự. Thật khó tin đây là sự thật, nhưng mật mã này lại được viết theo cách chúng ta có thể hiểu”.

Nói cách khác, đối với thông tin về một con người, ADN không chỉ chứa di truyền học của một vài đời gần nhất (past lives), các mã gen nội, ngoại mà còn chứa các thông tin từ khởi thủy của cá thể và linh hồn, bao gồm các thông tin tiền kiếp trên Trái đất. Chứa các trải nghiệm của cá thể qua các cuộc đời, ADN là chìa khóa để mở cuốn sách của mỗi cá nhân tự viết nên trong thư viện nghiệp quả (Akashic record).



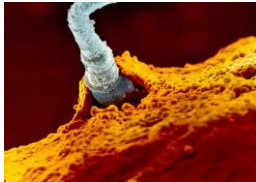
hình internet

TIẾT 3. QUÁ TRÌNH THỤ THAI & SINH SẢN

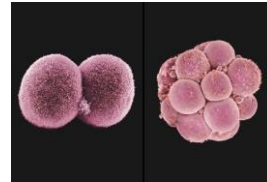
Quá trình thụ thai được tính từ khi tinh trùng kết hợp với trứng tạo thành hợp tử cho tới lúc phôi thai làm tổ được trong tử cung. Vòng tuần hoàn sinh mệnh bắt đầu từ đây. Sau khoảng 3-4 ngày, trứng đã thụ tinh, tức hợp tử bắt đầu di chuyển dần vào tử cung tìm chỗ làm tổ. Sau khi tìm được chỗ làm tổ thích hợp trong tử cung, phôi nang sẽ hình thành chân giả bám vào niêm mạc, hình thành nhau thai. Quá trình làm tổ mất từ 7 -10 ngày. Phôi thai sau khi được thụ tinh 6 tuần sẽ bước đầu hình thành vóc dáng người; đến tuần thứ 11 thì như ảnh ta nhìn thấy dưới đây. Đến tháng thứ 8, thai nhi thường di chuyển xung quanh. Da của em ít có nếp nhăn hơn do có một lớp chất béo bắt đầu hình thành dưới da. Đến tháng thứ 9, bé đã phát triển toàn diện và bắt đầu quay đầu xuống xương chậu mẹ để chuẩn bị ra ngoài. Vào ngày kết thúc tuần thứ 40,

một Sinh linh mới sẽ được chào đời. Khi trưởng thành, Sinh linh sẽ suy tư tự hỏi mình là ai, sống làm gì, chết đi về đâu... và có Đấng Sáng tạo hay không?

Ta là ai? hãy nên lắng đọng lại tâm hồn, để hiểu cuộc đời này là một điều gì đó có ý nghĩa thâm sâu lắm. Chúng ta không thể nào thành hình một cách quá kỳ diệu như vậy để rồi chỉ biết ăn, ngủ, rồi đi làm, rồi sanh con đẻ cháu, rồi chết... một cách vô nghĩa như vậy. Cuộc sống, phải là một hành trình thiêng liêng phi thường và ý nghĩa cao cả hơn nhiều.



Một tinh trùng phá vỏ của trứng để chui vào.



Tinh trùng kết hợp với trứng tạo thành hợp tử.



Bào thai



Một sinh linh mới sắp chào đời (hình internet)



Bạn lai diện mục. Ta là ai?

TIẾT 4. TINH TRÙNG LÀ MỘT SINH VẬT

Điều đáng lưu ý là khoa học đã cho chúng ta biết Tinh trùng là một sinh vật có đầu, mình và đuôi để bơi. Một lần người nam xuất tinh là sát sinh mấy trăm triệu con. Vì thế, chúng ta hiểu được vì sao các tôn giáo đều cấm SÁT SANH, CẤM TÀ DÂM. Đức Chí Tôn hằng nhắc nhở, dạy dỗ chúng ta như sau:

-Xác thân con người là một tổng hợp sự sống. “Phàm xác thân con người, tuy mắt phàm coi thân hình như một, chớ kỳ trung nơi bốn thân vốn một khối chất chứa vàn vàn, muôn muôn sanh vật. Những sanh vật ấy cấu kết nhau mà thành khối (La formation des cellules). Vật ấy có tánh linh, vì chất nuôi nấng nó cũng đều là sanh vật, tỹ như rau, cỏ, cây trái, lúa gạo, mọi lương vật đều có chất sanh. Các vật thực vào tỳ vị lại biến ra khí, khí mới biến ra huyết. Nó có thể huờn ra nhơn hình, mới có sanh sanh, tử tử của kiếp nhơn loại, vì vậy mà một giọt máu là một khối chơn linh”.

-Dâm dục quá độ là một trọng tội: “Nhu các con dâm quá độ là sát mạng chơn linh ấy. Khi các con thoát xác thì nó đến tại Nghiệt Đài mà kiện các con. Các con chẳng hề chối tội đặng. Vậy phải gìn giữ giới cấm ấy cho lắm”. (TNHT. QI. Tr 33-34)

-Có sự sống là có mặt Thượng Đế. “Các con đủ hiểu rằng: Chi chi hữu sanh cũng do bởi Chơn Linh Thầy mà ra, hễ có sống ắt có Thầy, Thầy là cha của sự sống, vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy không cùng tận”.

-Giết sự sống là chặn đường tiến hóa. “Cái sống của cả chúng sanh, Thầy phân phát khắp càn khôn thế giới, chẳng khác nào như một nhành hoa trong cội nó phải đủ ngày giờ Thầy nhứt định mới trở bông sanh trái đặng trông nữa, biến hóa ra thêm ; nếu như ai bẻ hoa ấy nửa chừng thì là sát một kiếp sanh không cho biến hóa”.

-Giết mạng sống phải chịu quả báo. “Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp dầu nguyên sanh hay hóa sanh cũng vậy, đến thế này lâu mau đều định trước, nếu ai giết mạng sống đều chịu quả báo không sai, biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên Phật bị đọa luân hồi mà ra đến đời ấy. Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ, các con gắng dạy nhơn sanh điều ấy.”
(TNHT. QII. Tr 62)

TIẾT 5. NHẬP THẾ

Khi bé khóc oa oa chào đời, đó là lúc linh hồn đến với bé và vừa làm bạn vừa làm thầy của bé suốt một đời người. Cái mầm phôi thai trải qua trọn sự tiến hóa chỉ trong một khoảng thời gian ngắn là chín tháng mười ngày. Việc khoác lấy thể xác cùng với sự phát triển ngũ quan giúp cho con người đi vào thế giới vật chất của trần gian (sự tiến hóa vật chất). Hai thế giới, vật chất và tinh thần, nay đã sẵn sàng cho các mục tiêu của con người.

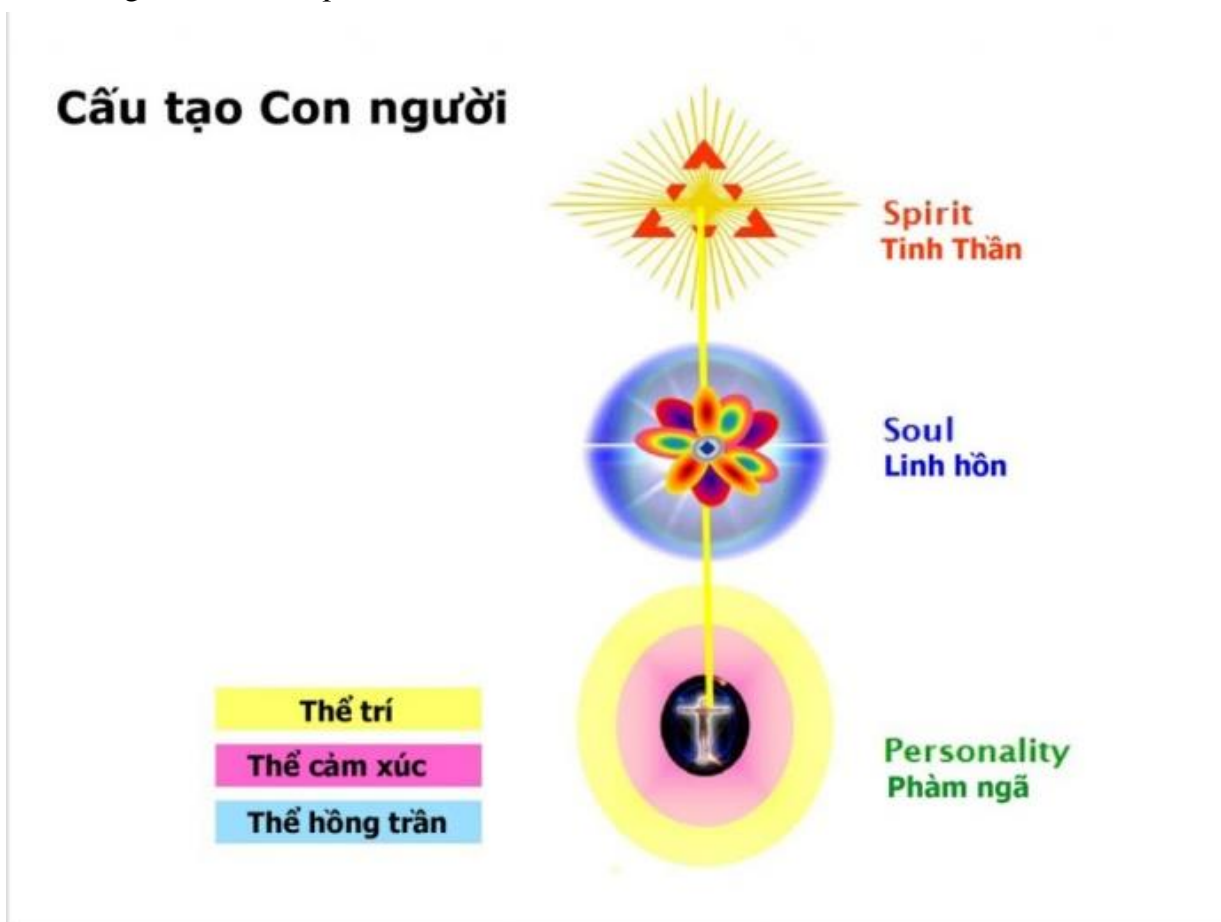


CHƯƠNG HAI

NGUỒN GỐC THIÊN LIÊNG CAO CẢ CỦA CON NGƯỜI

TIẾT 1. CON NGƯỜI TINH THẦN VÔ HÌNH

Điều quan trọng nhất, kỳ diệu nhất, đã có rất lâu trước khi con người khoác lấy xác thân vật chất trên địa cầu, là giai đoạn dài miên man của con người tinh thần vô hình. Đó là khoảng thời gian con người hiện hữu trong các thể thanh (kinh sách ví đó là quê xưa, cảnh cũ). Từ con người tinh thần, vận mạng buộc họ phải đầu thai, từ từ chìm sâu vào vật chất. Họ trở thành dân cư của địa cầu và từng chút một, họ làm chủ nơi đây theo nghĩa vật chất. Tuy bị giới hạn vào những điều kiện trên địa cầu, họ lần lượt trải qua nhiều cảnh sống với mức độ khác nhau trước khi hiểu được vũ trụ và các định luật mà Đấng Tạo hóa đã qui định.



TIẾT 2. CON NGƯỜI HỮU HÌNH (PHẠM NGÃ)

Cơ thể con người gồm có các thể thấp và các thể thanh. Các thể thấp gồm có:

- **Thể xác:** Là phần cơ thể hữu hình, bao gồm lục phủ, ngũ tạng, hệ thần kinh, hệ nội tiết và các giác quan.v.v..
- **Thể xúc cảm hay thể Vía, còn gọi là Chơn thần** (Perispirit). Đó là phần cơ thể nửa hữu hình, nửa vô hình. Mắt thường không thể nhìn thấy được nhưng có thể cảm nhận được vì thể vía chính là phần sinh nhiệt của cơ thể sống. Những xúc cảm như dục vọng, những cảm giác như lo sợ, vui, buồn, hi vọng, thương, giận, ghét ghen, ham muốn.v.v. Ngoài ra còn có thể Trí tuệ (mind), giúp chúng ta suy nghĩ, tư duy.
- **Thể hồn** (the lower soul): Đây là phần thâm sâu, vi diệu của cơ thể con người. Chính nhờ phần hồn này mà sự luân hồi, đầu thai, được thực hiện thuận lợi.

TIẾT 3. THỂ THANH CỦA CON NGƯỜI

Thể thanh của con người gồm có linh hồn cao cả (the higher soul). Chúng ta còn gọi đó là Chơn Linh (spirit, monad).

Ban đầu, chúng ta hoạt động như các phàm ngã vốn ích kỷ và thể hiện những phẩm tính tiêu cực, nhưng dần dần và chắc chắn, trải qua nhiều kiếp sống, các phẩm tính của linh hồn sẽ thể hiện, chúng ta trở nên vô kỷ, và biểu lộ các phẩm tính tích cực.

Phát triển Linh hồn giống như làm vườn, chúng ta từng bước loại bỏ cỏ dại là các tính xấu và vun bồi những tính tốt cao cả, cho đến khi chúng trở thành bản chất thứ hai của chúng ta. Hành trình này được gọi là tu luyện.

Mục đích của tham thiền là giúp hành giả nghe được tiếng nói của linh hồn, để Chơn linh chế ngự phàm tính (Chơn thần). Đây là mục tiêu trước mắt của người tu.

Các Phẩm tính Biểu hiện

Tính chất Phàm ngã	Phẩm tính Linh hồn
Thương thân xót phận	Từ ái
Vô minh	Thông hiểu và Minh triết
Chia rẽ	Bao gồm
Tự cao tri thức	Thông tuệ Sáng tạo
Giáo hoạt	Nhân ái
Ưu tranh cãi	Hòa giải
Tính khí thất thường	Điềm tĩnh
Tâm nhìn hạn hẹp	Chuyên gia/Chuyên viên
Nghi ngờ	Khám phá Chân lý
Nhắm mắt tin theo	Nhìn xa thấy rộng
Không thỏa hiệp	Tập trung
Không chịu thay đổi	Hợp tác
Chính chu quá mức	Tổ chức đúng Mục đích

TIẾT 4. NGUỒN GỐC THIÊN LIÊNG CAO CẢ CỦA CON NGƯỜI

Trong kinh sách xưa, Thượng đế thường được nói đến một cách biểu tượng như là Ngọn Lửa (The Flame), Ngọn Lửa Thiên (Divine Flame). Chơn Linh của chúng ta là các Tia lửa xuất phát từ Ngọn Lửa đó, có đầy đủ tính chất của Ngọn Lửa, và bất khả phân ly (Undetached) khỏi ngọn Lửa. Vô vàn tia lửa xuất phát từ cùng một Ngọn Lửa Thiên, nhưng trong bản chất các Tia lửa không tách rời nhau và cũng không tách rời khỏi Ngọn Lửa. Các nhà Huyền linh học trước đây dùng từ “Điểm Linh Quang” để dịch Spark of the Flame rất hay. Về bản chất, cái “mảnh tế vi” (a tiny fragment of Itself) đó “không tách rời” hay “bất khả phân li” khỏi “chủ thể đã phóng xuất nó ra, và nó có đầy đủ đặc tính của “Cha Mẹ”, nhưng ở dạng tiềm năng, để một ngày nào đó, sau vô vàn kiếp sống, những tiềm năng đó trở thành những quyền năng thật sự như “Cha Mẹ”.

Ta có thể tưởng tượng đó là một hạt giống mang đầy đủ tính chất của cái cây đã sinh ra nó, và đến một ngày, nó cũng phát triển trở thành cái cây đó. Sử dụng ngôn ngữ máy tính, linh hồn cao cả (the higher soul) cũng giống như các máy tính lớn. Nó có tâm thức của riêng của nó. Linh hồn giáng trần (the incarnated soul) cũng giống máy trạm cũng có một cuộc sống riêng của mình. Linh hồn giáng trần, biểu hiện như là bạn, là một phần nhỏ bé của linh hồn cao cả. Thật không may, khi các linh hồn thấp

giáng trần, trong nhiều trường hợp nó sống một cuộc sống đam mê không kiểm soát được. Do nó không biết bản chất thật sự của nó. Nó trải qua rất nhiều đau khổ vì nó đồng hoá bản thân với xác thân và cảm xúc.

Mỗi người đều có một tia lửa thiêng liêng còn được gọi Tiểu Linh Quang (The divine spark), là một phần của lửa Thượng Đế. Nó được tạo ra theo bản chất của Thượng Đế. Các tia lửa thiêng liêng là một với Thượng Đế và là một với tất cả. Các tia lửa thiêng liêng kéo dài một phần của bản thân nó “xuống,” biểu hiện như là linh hồn cao cả. Linh hồn cao cả này lại kéo dài một phần của bản thân “xuống,” biểu hiện như linh hồn giáng trần. Tuy cái Phạm Nhơn đó là một phần của Chơn Linh, tuy rằng sự sinh hoạt và quyền năng của nó cũng là Sự Sống và Quyền Năng của Chơn Linh, nhưng nó thường hay quên điều đó, và tự coi như là một cái gì hoàn toàn riêng biệt, chỉ hoạt động cho mục đích riêng của mình... Trong trường hợp đó, Phạm Nhơn hoàn toàn ngự trị, và Chơn Linh chỉ tự biểu lộ một cách rất hiếm và bất toàn.

Vậy thì Con người thực thụ là gì? **Con người xuất phát từ Đức Thượng Đế, là một Điểm Linh-Quang của Ngọn Lửa Thiêng.** Tinh Thần (Spirit) bên trong con người đồng bản thể với Thượng-Đế. Tinh Thần này khoác lên mình nó một Linh Hồn (soul, ego) cũng như người ta mặc một cái áo vậy. Linh Hồn giống như cái áo bao phủ Tinh Thần, nó cho Tinh Thần cá tính. Đối với sự hiểu biết thấp thỏi của chúng ta, tấm áo này hình như ngăn cách Tinh Thần trong một thời gian làm cho nó phải rời xa phần còn lại của Sự Sống Thiêng Liêng.

TIẾT 5. TIỂU LINH QUANG XUẤT HIỆN ĐẦU TIÊN TỪ ĐÂU?

Theo giáo lý của tôn giáo Cao Đài, Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ giảng giải về sự tiến hóa của Bát hồn, trong Luật Tam Thể, trích ra như sau:

"Từ lúc Hỗn Độn sơ khai, Âm Dương biến hóa, trong Khí Hư Vô đã sẵn các tế bào. Sau tiếng nổ, Âm Dương phân tách: Khí Dương quang là khí nhẹ nhàng bay lên trên, còn khí Âm quang là khí chất chứa các tế bào nên lóng xuống dưới.

- Sau một Chuyển, các chất khí trên liên đới với tế bào mà tụ lại và biến thành vạn vật. Khi chưa thành hình thể hữu vi, thì chất khí vẫn là một cục lửa do khí Dương quang đốt cháy. Sau đó, nơi Diêu Trì Cung mới biến khí Dương quang và chất khí làm Ngũ Hành. Đất, Nước, Sắt, Đá, và Lửa được sanh trước hết, tạo ra KIM THẠCH HỒN.

- Sau một Chuyển nữa, Nước, Đất, Đá, Sắt và Lửa mới tiêu ra một chất khí và liên đới với các tế bào lại mà tạo nên cây cỏ, đó là THẢO MỘC HỒN.

- Sau một Chuyển nữa, các cây cỏ chia tế bào mà liên đới với Ngũ Hành tạo nên bách thú, trong đó phần ở khô gọi là Cầm thú, còn phần ở nước gọi là Ngư thú, đó là THÚ CẦM HỒN.

- Sau một Chuyển nữa, Ngũ hành hiệp với Thảo mộc mà nuôi Thú cầm. Trong Thú cầm, chơn hồn đã bước vào Cơ Tấn hóa, tạo nên Thi Tổ loài người là La Hầu, tức là người khỉ đỏ. La Hầu lần lần sanh hóa và nhờ điểm Linh quang của Chí Tôn mà lần đến loài người như hiện giờ, đó là NHƠN HỒN..."

Lời dạy của Đức Cao Thượng Phẩm rất phù hợp với sự khám phá của các nhà khoa học và khảo cổ với chứng tích là các bộ xương hóa thạch của vượn-người (có hình dáng hao hao giống người), rồi người-vượn (có hình dáng còn hao hao giống vượn), và tiến hóa dần thành người nguyên thủy. Nhiều người phủ nhận nguồn gốc con người là sự tiến hóa từ La Hầu, cho rằng như vậy là hạ thấp phẩm giá của con người, nhưng đây là sự thật đúng theo luật Tiến hóa của Càn Khôn, đúng theo Luật Tiến Hóa của Bát Hồn. Đức Phật Thích Ca, Giáo chủ Phật giáo, có thuật lại cho biết rằng Ngài có những tiền kiếp là thú cầm như: voi, thỏ, nai, sư tử, không tước, rùa, ngựa, cá ông, ...

Chú thích: Loài Vượn và Loài Người có cùng chung một tổ tiên trong tộc Homininae. Kể từ đó, cách đây trên 4 triệu năm, tổ tiên Loài Người tách riêng ra khỏi Loài Vượn vốn sống trên cây trong rừng, ra sống ngoài đất trống (savannah) hay thảo nguyên không còn cây lớn. Sau đó, loài người qui tụ lại thành nhóm lớn để sinh sống và chống lại các thú dữ.



HÌNH VƯỢN NGƯỜI
(hình của vượn quốc gia Cúc Phương)



KHỈ HỈ MŨI?

CHƯƠNG BA

BÁT HỒN VÀ LUẬT TIẾN HÓA

TIẾT 1. BÁT HỒN

Tất cả Chơn linh trong Càn khôn vũ trụ, gọi là Vạn linh, được chia làm 8 bậc tiến hóa cao thấp khác nhau, gọi là Bát hồn hay Bát phẩm Chơn hồn, kể từ thấp tiến hóa dần lên cao:

- | | |
|-------------------|---------------|
| 1. Kim thạch hồn. | 5. Thần hồn. |
| 2. Thảo mộc hồn. | 6. Thánh hồn. |
| 3. Thú cầm hồn. | 7. Tiên hồn. |
| 4. Nhơn hồn. | 8. Phật hồn. |

- Sự Tiến hóa trong giai đoạn đầu từ Kim thạch hồn lên đến Nhơn hồn là sự Tiến hóa tự nhiên, do sự thúc đẩy của Luật Tiến hóa, và sự tiến hoá đi lên dần dần theo từng cấp bậc, không có sự nhảy cấp và cũng không có sự thoái cấp.
- Sự Tiến hóa trong giai đoạn tiếp theo, từ Nhơn hồn lên đến Phật hồn là do sự tu luyện của Nhơn hồn, nên Nhơn hồn có thể tiến hóa rất nhanh, một kiếp tu có thể vượt lên vài cấp, để đến Phật hồn; nhưng cũng có thể thoái hóa xuống loài Cầm thú khi Nhơn hồn không tu mà lại phạm nhiều tội đại ác, không biết hối cải.

Trước khi con người xuất hiện, trái đất đã có nhiều loài sinh sống, chúng là: Kim thạch, thảo mộc, thú cầm và các loài tinh linh khác mà chúng ta chưa rõ. Tất cả hình dạng và đặc tính của các loài này đã tăng trưởng theo với sự phát triển của người.

I. KIM THẠCH HỒN

Thế giới khoáng vật là tập hợp của những tập hợp tương đồng. Nhìn hạt cát các bạn không thấy nó cử động thì cho rằng vô tri giác, nhưng thực ra những phản ứng hoá học bên trong nó vẫn hoạt động liên tục. Từ than đá mà biến thành Kim cương thì sao đây? khi bạn đeo vòng cẩm thạch lâu ngày, nó đổi màu, trở nên đẹp hơn, vì sao? Đó là những biểu hiện sự tiến hóa của kim thạch hồn. Rồi còn những dãy núi hùng vĩ nữa, chúng ta nghĩ sao?...



Hình tinh thể nước



Hình vân đá

II. THỰC VẬT HỒN

Thế giới sinh vật là tập hợp của những tập hợp các phần tử tương đồng như bông cải, bông hoa, con sò, con công ...

Mỗi phần tử chứa toàn bộ và có thể tái tạo nên toàn bộ.

Một lát cắt trên thân cây mang lịch sử của cả cây cổ thụ.

Một hạt cây sẽ tạo ra cả một cái cây giống như cây mẹ đã sinh ra cái hạt.

Một nhánh cây hay một cành cây có phát triển thành cả cái cây



Hạt nảy mầm thành cây



Cây nắp ấm ăn thịt



Cây trinh nữ

Loài Thảo mộc ở cấp cao có lá biết khép lại khi đêm xuống hay khi bị đụng chạm, như cây so đũa, cây trinh nữ (mắc cở); vài loại Thảo mộc có những cánh hoa tiết ra mùi thơm để dụ côn trùng bay đến rồi khép những cánh hoa ấy lại đặng bắt côn trùng mà hút thịt và máu. Như thế, chúng đã có chút ít tri giác nhưng rất thô sơ, gần như chỉ là những phản xạ tự nhiên. Như cây nắp ấm là một loại thực vật ăn thịt có nguồn gốc từ Đông Nam Á. Phần đuôi lá hình thành một bầu phễu nhỏ, chứa dịch nhầy tỏa hương thơm, thu hút côn trùng. Loài cây này thậm chí có thể “ăn hết” cả một con chuột. (Ảnh: Alicdn.com)

Muốn biết cây cỏ có...”linh hồn” không? Thử trồng một cái cây rồi nói chuyện với nó, nâng niu nó thì nó sẽ tốt tươi hơn tất cả những cây khác trong vườn. Chúng ta tưởng cây cối là vật vô tri giác sao? Loài thực vật còn có thể sống tới cả ngàn năm đó.



Cây sồi nằm trong Công viên Angel Oak thuộc quần đảo Johns, Nam Carolina có tuổi thọ 400 – 500 năm. Nó có chiều cao 20m, đường kính 8,5m và độ che phủ lên tới 1.600 m². Cây tạo nên những mái vòm tuyệt đẹp. (Ảnh: Nicki's Random Musings)

Cây Sequoia – vị sứ giả tiêu biểu của loài cây họ thông – nổi tiếng với tuổi thọ hàng nghìn năm tuổi. Chúng là loài cây cao nhất nhì trong giới thực vật. Con người sẽ quá nhỏ bé khi đứng cạnh loài cây này.

III. THÚ CÀM HỒN

Đặc điểm chung của động vật là :

- Có hệ thần kinh giác quan.
- Có khả năng di chuyển.
- Sống dị dưỡng (khả năng dinh dưỡng nhờ chất hữu cơ có sẵn)

Một quả trứng sẽ phát triển thành con vật đã sinh ra nó. Một mẫu của con giun hay một cái cánh của con sao biển sẽ tạo thành cả con giun và cả con sao biển. Một tế bào sẽ phát triển nên một sinh vật hoàn chỉnh trong điều kiện cho phép.

Ví dụ 1: San hô, sao biển

Nhiều người vẫn lầm tưởng san hô là thực vật, thực tế, san hô lại là động vật ăn thịt. San hô không có não, cơ thể chúng phát triển dựa vào phần thân dạng xương và chúng tiết chất độc từ các xúc tu để bắt các loại ấu trùng, động vật nhỏ trôi nổi. Dù sở hữu đầy đủ các cơ quan cảm thụ như khứu giác, thị giác nhưng sao biển lại không hề có não bộ. Chúng dùng xúc tu để cảm nhận thế giới xung quanh và tìm kiếm thức ăn.



Ví dụ 2: thú đẻ trứng, trứng nở ra con như gà, vịt, ngỗng...

Ví dụ 3: Những loại thú thượng đẳng tiến hóa cao có xương sống và có vú; đẻ ra con, cho con bú như chó, mèo, khỉ, ngựa, voi ...



Việc phát triển trí não của các loài động vật thì khoa học đã kết luận. Nhưng những loài thú nào có thể được biệt ngã hóa thành người? Theo Giám mục C.W. Leadbeater, người mở được huệ nhãn, chỉ có một số loài thú nhà mới có thể biệt ngã hóa thành người và sự biệt lập ngã tính thường chỉ xảy ra ở một vài loài thú vật, nhất là thú nhà. Trong những loài thú này, ta được biết chắc chắn vài loại như voi, khỉ, chó và mèo. Loài ngựa có thể là loài thú thứ năm có thể biệt lập ngã tính. Vì Hồn Thế Giới (Thượng đế tính) thấm nhuần trọn cả Vũ trụ cho nên ngay cả những con thú cũng có nơi mình một điều gì đó thiêng liêng, hiểu biết, tình cảm quyến luyến với chủ nuôi, v.v... mà chúng ta tạm gọi là **giác hồn**.

IV. NHÂN HỒN

Thường thường chúng ta nói một cách hết sức tự nhiên rằng: “Con người có một Linh-Hồn; phải cứu rỗi Linh-Hồn chúng ta,” v.v... Nói như vậy chẳng khác nào con người thiết thọ là Xác Thân, còn Linh-Hồn chỉ là một vật phụ thuộc mơ hồ của Xác Thân. Một số người tự hỏi như vậy: “Không biết cái mà người ta gọi là Linh-Hồn ấy có thật không?”

Thánh “Paul (Phao lô)” đã nói rằng có một xác-thân làm bằng xương thịt và một xác-thân thiêng liêng, ngoài ra Ngài còn nói về Linh Hồn con người (Soul) và Chơn-Linh của người đó (Spirit); hai danh từ này Ngài không dùng như những chữ đồng nghĩa. Vậy thì bản thể con người phức tạp hơn là ta thường nghĩ. Con người là một Chơn-Linh trong Linh Hồn, và Linh Hồn đó do Chơn-Linh điều-khiển. Linh Hồn này có nhiều lớp vỏ nặng nhẹ khác nhau, mà xác-thân là lớp vỏ cuối cùng và dày đặc nhất.

(St. Paul remarks that “there is a natural body, and there is a spiritual body,” and that he furthermore refers to both the soul and the spirit in man, by no means employing the two synonymously. It speedily becomes evident that man is a far more complex being than is ordinarily supposed; that not only is he a spirit within a soul but that this soul has various vehicles of different degrees of density, the physical body being only one, and the lowest of them).

TIẾT 2. LUẬT TIẾN HÓA

I. BA PHÁP TIẾN HÓA

Theo lời giảng của Đức Chí Tôn trong quyển Đại thừa Chơn giáo, có ba Pháp tiến hóa:

“Luật Tấn hóa của Thảo mộc, Thú cầm, Nhơn loại, nó từ từ tăng tiến mãi, nhưng nó cũng có thoái hóa vậy. Các con nghe: Như loài Thảo mộc cũng có thọ nơi Thầy một điểm nguyên hồn. Nó cũng sống, nhưng trí hóa khờ ngây. Các con coi đó, từ Thảo mộc bắt đầu lên cho chí loài người, có 3 cái Pháp:
-Như Thảo mộc, cái gốc trở xuống, ngọn day lên. (Gốc là đầu, ngọn là chơn).
-Rồi nó tấn hóa lên đến bậc Thú cầm thì cái đầu với cái đuôi ngang nhau.
-Thú cầm qua Nhơn loại thì cái đầu trở lên, cái chơn xuống dưới.
Ấy là ba Pháp.

Vậy từ Thảo mộc có một phần Hồn. Thảo mộc tấn hóa mãi, muôn vàn kiếp mới bước sang qua Thú cầm đã đặng hai phần Hồn. Thú cầm mới dần dần tấn hóa mãi, trăm muôn ngàn kiếp, lên đặng làm Người, thiệt là trăm đặng ngàn cay, muôn thảm vạn sầu, biết bao nhiêu là công phu khổ hạnh, xả thân giúp đời một cách khó khăn cực nhọc, nhưng cũng vui lòng, mãn kiếp nọ sang kiếp kia, cứ lập công quả mãi. Vần vàn muôn muôn lần đầu thai mới qua đặng phẩm bậc loài người. Khi tấn hóa đến loài người thì đủ Tam Hồn, Thất Phách.

Những con thú mới qua làm người thì còn khờ khạo ngu ngây, tánh tình độc hiểm, nếu biết khôn xá thân giúp đời thì chuyển kiếp đôi ba chục lần cũng đặng mình mẫn khôn ngoan.”

Tóm lại:

- Loài Thảo mộc chỉ có sự sống (sinh hồn) mà chưa có tri giác.
- Tiến hóa lên là loài Động vật, được Thượng Đế ban thêm cho một điểm nguyên hồn nữa để làm Giác hồn, tạo ra sự hiểu biết, như đau đớn biết rên la, sợ hãi biết chạy trốn, biết đi tìm thức ăn thích hợp, biết tìm chỗ ẩn trú an toàn, biết nuôi con, có chút ít trí nhớ nhưng rất sơ sài.
- Tiến lên đến phẩm Nhơn loại, được Thượng Đế ban thêm một điểm nguyên hồn nữa để làm Linh hồn, lúc đó sự hiểu biết mới được hoàn toàn. Con người có được sự hiểu biết, sự suy nghĩ, sự phán đoán, biết được lẽ phải trái và có tánh linh. Đến đây, con người có đủ tam hồn: **Sanh hồn, Giác hồn và Linh hồn.**

II. CÁC CHẶNG TÂM THỨC

Các tính chất trên của sự sống thiêng liêng biểu lộ khác nhau qua các loài. Mỗi loài phát triển một đặc tính nổi bật và những thiên tính khác đóng vai trò phụ thuộc cho đặc tính chính ấy.

1. Kim thạch có đặc tính là hoạt động với hai thái cực là sự tĩnh hay bản chất trì trệ (tamasic) của đất đá, và tính phóng xạ. Mục đích của mọi nguyên tử kim thạch là đi tới tính phóng xạ, có khả năng xuyên qua được mọi chất liệu giới hạn và bao quanh. Khi đó nó bước vào trạng thái giải thoát, và **tính phóng xạ là hình thức chứng đạo cho kim thạch.**

2. Thảo mộc có đặc tính thu hút, biểu lộ bằng màu sắc, và sự giải thoát hay hình thức sinh hoạt cao nhất của nó thấy qua hương thơm. Hương thơm có liên hệ với đời sống tình dục, ở loài này hoạt động ấy có mục đích nhóm, với sự trợ giúp của gió và thể giới côn trùng. Bản chất của hương thơm, mục đích và dụng ý của nó là với sự trợ giúp này nó sẽ làm lan tràn và tiếp tục sự sống của loài thảo mộc. **Cây cỏ tiến hóa nhất có sự mỹ lệ và hương thơm.**

3. Thú cầm có đặc tính là bản năng tăng trưởng dần, hình thức cao nhất của nó biểu lộ qua các thú vật nhờ được người nuôi dạy nên đã tiến xa, và có lòng tận tụy với người. Tâm thức của thú hướng về sự hiểu biết, và là điều mà con người tuôn tràn lên chúng khi đem con vật vào thân cận với mình. Con người là tác nhân chứng đạo cho loài thú cầm, và con người được giao phó công việc **đưa loài thú tới sự giải thoát, tức bước sang làm người** vì đó là bước đường tiến hóa kế tiếp của chúng.

Hiểu như vậy, con người không nên sát sinh, nhất là sát sinh hàng loạt như trong các lò giết mổ, săn bắn...

**“Nó cũng muốn như mình được sống,
Nỡ lòng nào tuyệt giống, dứt nòi...”**

Sự đau đớn, uất hận khi thú vật bị giết sẽ kết thành khối oan khiên khiến con người chém giết lẫn nhau. Vì thế, các bậc giáo chủ đều khuyên không sát sanh, trừ trường hợp bất khả kháng nguy hiểm đến tính mạng con người.

KHÔNG SÁT SANH, KHÔNG CHIẾN TRANH

4. Nơi nhân loại, đặc tính đang lộ dần là trực giác, đây là một tính chất của trí tuệ; con người cũng trở thành 'phóng xạ' theo nghĩa hương thơm của đời sống; đạo hạnh sẽ lan tỏa, thu hút những bậc Cao Cả thiêng liêng giúp ta giải thoát. Ba đặc tính phóng xạ (thấy nơi kim thạch), hương thơm (của thảo mộc), lòng dâng hiến (biểu lộ qua thú nhả) dẫn tới con đường phụng sự nhân loại nơi loài người, cho thấy con người tổng hợp trong đời mình các ước nguyện và sự thành đạt của ba loài thấp hơn.

TIẾT 3. LUẬT TAM THỂ

Giáo lý của Đạo Cao Đài dạy rằng, một cách tổng quát, con người có BA THỂ CHÍNH:

1. **Thể xác**, thuộc về vật chất hữu hình; còn gọi là đệ nhất xác thân
2. **Chơn thần**, thuộc về bán hữu hình, làm trung gian cho Linh hồn và Thể xác; còn gọi là đệ nhị xác thân
3. **Chơn Linh** thuộc về vô vi, còn gọi là đệ tam xác thân

I. THỂ XÁC: Đệ nhất Xác thân (Physical body).

Thể xác con người được gọi là Đệ nhất Xác thân, do tinh cha huyết mẹ ở thế gian tạo nên, lớn lên và được nuôi dưỡng bằng thực phẩm vật chất. Đến khi chết, thể xác thúỉ rã biến thành cát bụi vật chất trở lại.

II. CHƠN THẦN: Đệ nhị Xác thân, Xác thân thiêng liêng (Spiritual body)

- “Nơi Ao Diêu Trì có một đài phát hiện Âm quang, đài ấy thấu lặn Sanh quang của ngôi Thái Cực, rồi đem Dương quang hiệp với Âm quang mà tạo nên Chơn thần cho vạn linh trong Càn Khôn Vũ Trụ” (Bát Nương dạy trong Luật Tam Thể).
- “CHƠN THẦN là gì? Là Nhị Xác thân (Périsprit), là Xác thân thiêng liêng. Khi còn ở nơi xác phàm thì rất khó xuất riêng ra đặng, bị xác phàm níu kéo. Cái Chơn thần ấy của các Thánh, Tiên, Phật, là huyền diệu vô cùng, bất tiêu bất diệt. Bậc chơn tu, khi còn xác phàm nơi mình, như đắc đạo, có thể xuất ra trước buổi chết mà vân du Thiên ngoại. Cái Chơn thần ấy mới đặng phép đến trước mặt Thầy.” (TNHT. I. 6)
- “Thầy nói: Cái Chơn thần là Nhị xác thân các con, là khí chất (Sperme évaporé); nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậy, nơi trung tim của nó là óc, nơi xuất nhập của nó là mỏ ác, gọi tiếng chữ là **Vi Hộ**.” (TNHT. I. 85)

III. CHƠN LINH: Linh hồn, Điểm Linh quang, Đệ tam xác thân.

- “Thầy đã nói ra, nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một CHƠN LINH gìn giữ cái Chơn mạng sanh tồn. Thầy tưởng chẳng cần nói, các con cũng hiểu rõ rằng: Đấng Chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng phép giao thông cùng cả chư Thần Thánh Tiên Phật và các Đấng Trọn Lành nơi Ngọc Hư Cung, **nhứt nhứt điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng vào Tòa Phán xét. Bởi vậy, một mảy không qua, dữ lành đều có trả; lại nữa.** Cái Chơn linh ấy có tánh Thánh nơi mình, đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi, mà còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi lộn Lương tâm là đó”
(TNHT. II.66)
- "Các con đừng vì tư lợi mà làm mất nhơn cách thì rất uổng cái Điểm Linh quang của Thầy để vào Xác thân của các con lắm. Các con nghe à!"
(TNHT. I. 102)

Tóm lại, **con người tinh thần có hai thể: Chơn thần và Chơn linh.** Còn đối với một người sống nơi cõi trần thì ngoài hai thể trên, còn thêm xác phàm nữa là ba thể tất cả.

Con thú chỉ khác con người ở hình dạng bên ngoài, chứ chất liệu cấu tạo nên hình hài cả hai đều như nhau. Con thú cũng có Chơn thần, tuy rằng chưa phát triển. Tiềm năng trí tuệ của thú và người khác nhau một trời một vực, giống như con đom đóm và Mặt trời. Vậy, cái gì tạo nên sự khác biệt đó?

Sở dĩ có sự khác biệt đó vì **Con người là một con thú cộng với một đấng thần linh sống động bên trong hình hài vật chất đó** (*an animal plus a living god within his physical shell*).



PHẦN HAI

LINH HỒN & THƯỢNG ĐẾ

CHƯƠNG MỘT

CÓ THƯỢNG ĐẾ KHÔNG? CÓ LINH HỒN KHÔNG?

TIẾT 1. CON NGƯỜI CÓ LINH HỒN

TNHT: “Cái tình cảm hóa của con người là tình thường ứng hiệp với Trời Đất, cho nên khi tâm tịnh thường cảm hoài, hằng tìm nơi u huyền mà nghĩ nghị trong trí khôn, ấy là kẻ có sẵn tình ý thiên nhiên tạo hóa. Còn một hạng người cũng có tánh thiêng liêng ấy, nhưng không để trí thông minh vào lối cao thượng, mà cứ quen thói hung hăng, nghĩ những việc bạo tàn, làm những điều tội lỗi, ấy là những kẻ nghịch Thiên, không biết luân hồi chi cả. Chúng nó lại tưởng rằng, kiếp người là kiếp sống chỉ có giây giờ rồi tiêu mất, nên tìm những chước sâu kế độc cho được của nhiều, no lòng sướng dạ, trối kệ luân hồi.

Thầy hỏi: Vậy chớ **cái trí khôn của con người biết thương ghét, vui buồn, mà toàn trong như loại đều có, khi rất cuộc thì trí khôn ấy đi đâu?** Không lẽ cái trí khôn ngoan dường ấy mà cũng mất đi đặng sao các con? Thầy hỏi như vậy đặng cho các con mỗi đứa về suy nghĩ mà trả lời cho mình.

Hễ trả lời phù hợp thì dễ biết Đạo, còn ngu xuẩn thì cũng hườn ngu xuẩn”.

(TNHT. I.101)

TIẾT 2. THƯỢNG ĐẾ LÀ SỰ SỐNG, LÀ ĐẠI TỬ PHỤ

Hồn của con người và Hồn Thượng Đế có một sự gắn bó nhau vô cùng mật thiết.

Sự khác biệt giữa người sống và một xác chết đủ nói lên linh hồn là gì. Sự suy nghĩ trong đầu liên tục không ngừng từ lúc con người chào đời đến lúc kết thúc; phần đó không bao giờ chết, nó bất tử. Người vô thần là người đang chối bỏ chính mình. Điều đó thật là ngược ngạo.

Nói về vật chất thôi, chúng ta hãy nhìn thế giới chúng ta đang sống. Từ loài người cho đến các thú vật, cây cỏ, côn trùng đều có trật tự trong mỗi tổ chức. Nhỏ nhất là con vi trùng, nó cũng có khối chỉ huy để điều hành sự làm việc của nó. Chúng cũng có chủ trương, chỉ đạo, để bành trướng hay thu hẹp hoạt động. Một Tế Bào cũng có Vua (nhân) trong đó. Rồi tới con Ong, con Kiến, con Mối cũng vậy, đều có Ong Chúa, Kiến Chúa, Mối Chúa. Rồi đến các loài Thú ngoài rừng, mỗi loài đều có một con Đầu Đàn. Rồi con người, bên trong chúng ta có phần Hồn là chủ của thể xác. Khi hồn là

xác thì thể xác sẽ cứng đờ như khúc gỗ vô tri rồi theo thời gian sẽ tan rã dần thành cát bụi.

Trong xã hội loài người, gia đình thì có gia trưởng, trường học thì có Hiệu trưởng, mỗi Bộ tộc đều có Tộc Trưởng; mỗi quốc gia đều có Vua, Tổng Thống. Thái Dương Hệ có Mặt Trời làm chủ xoay chuyển 9 hành tinh, rồi ra đến dãy Ngân Hà, nơi trung tâm của nó là một Nhân cực sáng, phát ra năng lực để nuôi dưỡng hàng tỷ ức tinh cầu trong đó. Cả một sự tinh vi trật tự từ nhỏ nhất đến lớn nhất đều có chủ... Vậy thì cả vũ trụ càn khôn này không có Chủ sao? Ý chí nào vận hành cả vũ trụ với muôn ức tinh cầu không đụng nhau? Ý chí nào sắp xếp an bài rất trật tự cho sự sống trong mỗi Ngân hà, mỗi tinh cầu, trong mỗi thể xác, mỗi sự sống, mỗi tế bào, mỗi vi khuẩn?

Đối với vũ trụ, xác thân chúng ta nhỏ hơn con vi trùng; thế mà trong cơ thể ta còn hàng hà ức ức sinh linh trong đó. Mỗi một tế bào của chúng ta là một vũ trụ bé nhỏ. Bạn lấy một tế bào ra mà xem, trong đó nó có cái Nhân là chủ rồi quanh nó là vô số các vi sinh đang sinh hoạt để nuôi dưỡng tế bào này. Vậy chứ các vi sinh bên trong tế bào đó còn gì không? chắc chắn là còn ức ức những con nhỏ hơn để nuôi nó sống, mà mỗi con như vậy lại hàm chứa muôn ức những con nhỏ hơn nữa... Tóm lại, thân xác ta đang chứa muôn ức chúng sanh! Tức là một vũ trụ trong vũ trụ lớn hơn, và vũ trụ này lại ở trong một vũ trụ lớn hơn và cứ thế...

ADN trong gene là một program rất linh động, một siêu program của ông Trời. Trong đó nó gom gọn tất cả quá khứ, tương lai mình sau khi ra đời. Ngay trong program của ADN một cá nhân cho biết là mình có thể bỏ túc nó. Một người có thể sửa đổi ADN qua năng lực của Tâm. Cho nên cái câu “Tướng tùy Tâm sanh, Tướng tùy Tâm diệt” nói lên sự liên hệ mật thiết giữa các tế bào và tư tưởng. Từ hạt nguyên tử li ti, cho đến tế bào, cỏ cây, muôn thú, đến núi sông, những đợt thủy triều, quỹ đạo tinh tú, các ngân hà, vũ trụ, đến vị trí địa cầu để con người có thể sống được... tất cả đều vận hành êm ả, trật tự. Ngoài ra, còn có rất nhiều luật thiên nhiên tinh vi như luật hấp dẫn, luật tiến hóa, luật nhân quả v.v.. tất cả đều hoà điệu ăn khớp không một ly sai sót.

Theo tác giả Starboy, nếu đọc tới đây mà vẫn cho rằng con người, sinh vật, địa cầu, và vũ trụ đều tự nhiên mà có, vẫn không tin là có một Thần Lực đã tạo dựng và điều khiển tất cả nguyên một hệ thống vĩ đại siêu diệu này, thì sự suy nghĩ của người đó hẳn có vấn đề. Đây là một sự chối bỏ Tạo Hóa, phủ nhận công ơn ban cho sự sống và công lao nuôi dưỡng bảo bọc của Ngài. **Những ai không tin Thượng Đế, những ai phỉ báng Thượng Đế sẽ mất linh hồn**, sẽ là miếng mồi ngon cho ma quỷ.

Đối với Thượng Đế, thể xác chúng ta chỉ là cát bụi. Hạt nguyên tử bất diệt thì phần hồn chúng ta cũng bất diệt. Thời kỳ Hạ ngươn, ngươn điều tàn sắp chấm dứt để đến thời kỳ Thượng ngươn thánh đức. Chúng ta sẽ bị vô vàn đau khổ trong sự huỷ diệt sắp đến vì đại tội nghịch tử: một bày con phản loạn bất hiếu bất nghĩa. Thượng Đế đã không ngăn cấm chúng ta bày ra hai lần chiến tranh thế giới thì Ngài sẽ để cho chúng ta bày ra thêm một lần nữa!

Khi đau khổ, có người còn trách sao Ông Trời ác quá? Họ không biết thức tỉnh mà còn trách ngược ngạo. Thượng đế đã phái nhiều Đấng Thiêng liêng xuống thế gian mở Đạo. Các Đấng giáo chủ dạy gì? Điều trước tiên là LÀM LÀNH, LÁNH DỮ. Nhưng con người không nghe theo, không làm theo. Con người chỉ biết theo Danh, Lợi, Quyền; say mê theo vật chất và sẵn sàng gây vô số tội ác để có nó! Dạy bằng lời nói không hiệu quả, nhìn vô số hồn thác rồi vào chỗ u ám tối tăm nên Đấng ĐẠI TỬ PHỤ phải dùng biện pháp mạnh. Thế thôi!

Kết luận: Từ đó suy ra con người cần có một đời sống tâm linh và biết tôn thờ Thượng Đế. Vào lúc khởi thủy, cơ thể con người có bản chất bán tinh anh; loài người thoải mái giao tiếp với vũ trụ (giống dân Lemurie, Atlantic). Giờ đây không còn ai nhìn thấy hay liên hệ với vũ trụ được nữa. Vật chất đã trở thành hàng rào khủng khiếp ngăn cách chúng ta với thế giới tinh thần. Nhưng nếu biết ăn năn sám hối, con người có thể thay đổi để tiến hóa hơn về tinh thần. Tiên, Phật là ai? Các vị đó vào thời xa xưa cũng là người như chúng ta nhưng giác ngộ và tu luyện. Khi đắc đạo, quyền phép trong tay, các vị chu du khắp càn khôn vũ trụ. Vài vị hy sinh trở xuống thế gian để lập tôn giáo dạy dỗ và cứu vớt loài người. Phần lớn, chư vị ở trên cõi Thiêng liêng Hằng sống để cùng điều khiển cơ bảo tồn và cơ hủy diệt khi cần, để duy trì sự sống của địa cầu và vũ trụ.

Nơi con người, Đấng Sáng Tạo đã ban cho DNA là một program rất linh động, một siêu program của ông Trời. Trong đó nó gom gọn tất cả quá khứ tương lai của một người sau khi ra đời.. Một người có thể sửa đổi DNA qua năng lực của TÂM. Phần đó chính là bạn, là người quyết định mọi tư tưởng và việc làm. Quyết định sống đạo đức hơn, làm lành lánh dữ, hướng về thiện nghiệp, hết lòng tin Chúa, tin Phật, và sống theo lời dạy của Chúa, của Phật dạy thì tự nhiên DNA của bạn sẽ ra lệnh cho các tế bào thay đổi. Tương lai của bạn và con cháu của bạn sẽ đổi khác. Trái đất này sẽ trở thành địa đàng khi con người biết thương yêu và chia sẻ nhau phúc lộc từ Mẹ Thiên nhiên. Tất cả loài người đều là con của Thượng Đế và Thượng Đế muốn loài người biết nhìn nhau là anh em.

TIẾT 3. TRÁI ĐẤT NÀY LÀ CỦA CHÚNG MÌNH

Con người được tạo ra sống trên cõi trần vì thế gian này là TRƯỜNG HỌC, trường **Tiến Hóa** và cũng là **Trường công quả** để trả nợ tiền khiên; biết tu mới thoát khỏi luân hồi. Nếu còn nợ với nhau thì phải luân hồi trong vòng sanh tử vay trả lẫn nhau. Con người trong giai đoạn đầu của cuộc tiến hóa làm những điều sai quấy và chuốc lấy hậu quả theo luật Nhân quả. Sự đau khổ sẽ giúp con người từ từ biết điều chỉnh trở thành tốt hơn để thể hiện những phẩm chất của linh hồn. Nó phát triển thông qua kinh nghiệm ở các kiếp sống trần gian. Nó được sinh ra trên cõi trần, là một cá thể thật sự,

nhưng vẫn còn như một em bé, vẫn là một cái ngã còn thơ (an infant ego), và nó phải trải qua vô vàn thời gian để thể hiện quyền lực của mình trên xác thể hồng trần.

TNHT: *Thầy dạy cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong nơi vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm, loài người phải chịu chuyển kiếp ngàn năm muôn muôn lần mới đến địa vị Nhơn phẩm. Nhơn phẩm nơi thế này lại còn chia ra phẩm giá mỗi hạng. **Đứng bậc đế vương nơi trái địa cầu này, chưa đứng vào bậc chót của địa cầu 67.** - (Trang 68-Q.1)*

I. CÓ BA HẠNG NGƯỜI Ở THẾ GIAN

Nhơn loại trên Địa cầu này có ba hạng:

- **NGUYÊN NHON:** từ cõi Trời, được Thượng Đế cho giáng sanh xuống làm người nơi cõi trần.
- **HÓA NHON:** từ Thú cầm tiến hóa lên phẩm Người.
- **QUI NHON:** Những Hóa nhơn và những Nguyên nhơn ác hành, vi phạm Thiên điều, linh hồn bị đọa vào Qui vị. Các Qui hồn đầu kiếp lên làm người nơi cõi trần để trả quả, được gọi là Qui nhơn.

Phần lớn trong nhơn loại đều là Hóa nhơn. Số Nguyên nhơn hiện nay còn lại nơi cõi trần là 92 ức tức là 9.200.000 người. Số Qui nhơn trong nhơn loại rất nhiều, vì đây là thời Mạt Kiếp sắp kết thúc nên Đức Chí Tôn cho **đóng cửa địa ngục, tất cả các qui nhơn được đầu thai**. Vì thế, chúng ta thấy hiện nay tội ác khắp nơi. Tất cả oan trái nghiệp chướng sẽ trả hết trong thời kỳ này để bước vào thời thượng nguyên thánh đức. Những linh hồn không theo kịp sự tiến hóa sẽ bị bỏ lại rất lâu trong cõi u ám, tối tăm đến mấy trăm ngàn năm!

II. THẾ GIAN NHƯ LÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÓ 5 PHÂN KHOA

Con người phải trải qua năm cấp tiến hóa: NHƠN ĐẠO, THẦN ĐẠO, THÁNH ĐẠO, TIÊN ĐẠO, PHẬT ĐẠO.

Trong năm cấp tiến hóa đó, Nhơn đạo là cấp căn bản. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mở ra kỳ này là Đức Chí Tôn dựng lên một cái thang 5 nấc để cho người từ từ tu tiến mà đoạt vị. Hễ công đức tu hành đạt đến mức nào thì Đức Chí Tôn chấm cho mức ấy.

*“Buông trôi ví chẳng tròn Nhơn đạo,
Còn có mong chi đến đạo Trời”.*
*“Rằng ở đời thì Nhơn đạo trọn,
Trọn rồi Thiên đạo mới hoàn toàn”.* (TNHT)

CHƯƠNG HAI

NHƠN ĐẠO HAY ĐẠO LÀM NGƯỜI

TIẾT 1. NHƠN NGHĨA LÀ TÔN CHỈ CỦA TÔN GIÁO CAO ĐÀI

I. Ý NGHĨA CHỮ NHƠN (NHÂN)

Theo Hán tự, chữ NHƠN (NHÂN) có ba nghĩa:

1. NHƠN: 人 Người (Humain). Td: Nhơn đạo, Nhơn luân.
2. NHƠN: 仁 Lòng thương người mền vật. Td: Nhơn đức, Nhơn nghĩa.
3. NHƠN: 因 Nguyên do, cái có, bởi vì, do đó. Td: Nhơn danh, Nhơn quả.

Con người là giống khôn nhất trong loài động vật; con người là đức lớn của trời đất, sự giao hợp của âm dương.

- Một phết bên trái (J) biểu thị cho dương

- Một nhân bên phải (\) biểu thị cho Âm.

Kinh Hôn phối dạy rằng:

**Cơ sanh hóa Càn khôn đào tạo,
Do Âm dương hiệp đạo biến thiên.
Con người nắm vững chủ quyền,
Thay Trời tạo thế giữ gìn nhơn luân.**

Con người được tạo hóa sanh ra đầy đủ cả thể xác và linh hồn, nhưng ý-thức tâm linh mỗi người không giống nhau. Có người sinh ra là hiểu biết ngay, có người cần phải học hỏi mới hiểu biết được. Có nhiều chữ NHÂN, tuy đồng âm nhưng khác nghĩa:

Chữ nhân 人 là người, có hai nét là do Âm Dương hòa hợp; nét trái là chân Âm, nét phải là chân Dương. Nếu chữ nhân 人 (người) hợp với chữ nhị 二 (là hai) thành ra chữ thiên 天. Trong chữ Nhị thì nét nhứt trên chỉ trời, nét nhứt dưới chỉ đất, giữa là chữ nhân đặt vào, như vậy chỉ có người mới được dự vào chuyện của trời đất để hoàn thành Tam tài: Thiên- Nhân- Địa.

Chữ Nhân 仁 là lòng nhân, hào hiệp, phóng khoáng giúp đỡ người khác.

Chữ nhân này 仁 do hai chữ: Nhân là người 人 và nhị 二 là hai, ghép lại mà thành, là nói lòng nhân của người, biết thương người mền vật, thể hiện đức hạo sanh của Thượng Đế. Người linh hơn vạn vật là ở đức Nhân.

NHÂN 仁 là đức hạnh cao nhất trong tư tưởng của KHỔNG TỬ.. nó kết hợp các đức tánh khác, bao gồm: HIẾU, NGHĨA, LỄ, TRÍ, TÍN.

Tùy theo mức độ mà nó sẽ mang tên lànhân từ, nhân ái, nhân đạo, nhân văn...nói tổng quát là “chân thiện” (true goodness). **NHÂN không phải là đức tin trau dồi khi sống tách biệt. Nó tồn tại và biểu hiện trong mỗi quan hệ và ứng xử với người khác.** Đức Nhân đòi hỏi một trách nhiệm gìn giữ suốt đời và chỉ kết thúc khi chết đi mà thôi.

II. NHON PHẨM & NHON CÁCH & NHON LUÂN LÀ GÌ?

Nhon phẩm là bực người, bực nhon loại. Nhon phẩm cũng có nghĩa là phẩm cách của con người. Nhon cách hay Nhân cách là tư cách và phẩm chất của con người. Đức Chí Tôn dạy: *Các con đừng vì tư lợi mà làm mất nhon cách thì rất uổng cái điểm linh quang của Thầy để vào xác thân của các con lắm* (TNHT).

Còn nhon luân (the moral laws) là những phép tắc ở đời mà con người phải tuân theo để giữ cho nhon cách và phẩm giá được cao trọng. Nhon luân, theo Nho giáo, bao gồm 5 cách cư xử của con người trong quan hệ gia đình và xã hội. Thầy dạy:

“Các con phải biết trong trời đất, nhon sanh là con quý của Thầy, nên Thầy hằng để ý lo lường cho chúng con biết hồi ngộ, hầu chung hưởng phúc lành. Nhon luân giữ trọn, ấy là mối đạo nhân, lo Thánh đức trau lòng là phương thoát tục”.

Kinh Di Ra Đường có câu:

**“Thân vận-động trong trường thế sự,
Đạo nhân luân cư xử cùng đời.
Đòi phen lúc biến khi dời,
Thân như bèo bọt giữa vời linh đình.”**

III. NHÂN NGHĨA LÀ TÔN CHỈ CỦA TÔN GIÁO CAO ĐÀI

Hai chữ NHÂN NGHĨA đặt ở mặt tiền Tòa Thánh, trên lầu Hiệp-Thiên-Đài nói lên tôn chỉ của nền tôn giáo Cao Đài. Phía bên dưới có đôi liên giải thích:

- NHÂN bố tứ phương Đại Đạo dĩ Nhân hưng xã tắc,
- NGHĨA ban vạn đại Tam Kỳ trọng Nghĩa chấn sơn hà.

仁佈四方大道以仁興社稷
義頒萬代三期重義振山河

Câu 1: Lòng Nhân đem rải khắp bốn phương, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ lấy đức Nhân làm hưng thịnh nước nhà

Câu 2: Điều Nghĩa ban cho muôn đời, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ xem trọng điều Nghĩa để làm hưng khởi nước nhà.

Tôn chỉ của Nho giáo là NHÂN và NGHĨA. Đạo Cao Đài, với chủ trương Nho Tông Chuyển Thế, nên lấy hai chữ NHÂN NGHĨA làm tiêu chuẩn cho công cuộc chuyển thế, biến đời hung dữ bạo tàn thành đời thuần lương Thánh đức. Nói đến Tôn-giáo là nói đến Nhân-Nghĩa; đã là Nhân nghĩa thì Nhân Nghĩa của nhà Phật không thể khác với Nhân Nghĩa của Cơ Đốc, mọi con đường Nhân-Nghĩa đều giống nhau. Đối nghịch của Nhân-Nghĩa là sự bất Nhân, bất Nghĩa. Kinh Sám Hối có câu:

**“Làm người Nhơn Nghĩa giữ tròn,
Muôn năm bóng khuất, tiếng còn bay xa”**

Trong cửa Đại-Đạo Tam-kỳ Phổ-Độ, chủ-trương NHÂN-NGHĨA được chọn làm phương-châm phụng-sự. Thế nên Vấn-đề Nhân-Nghĩa là điều tối yếu, tối trọng trong việc tu nhập thế của người Cao-Đài. Đức Phạm Hộ-Pháp giảng:

“...Tổ-phụ chúng ta biết trọng sanh mạng con cái của Trời, biết nhận nhân-loại là anh em, là cốt-nhục đồng chung mà ra, biết nhìn câu “Tứ-hải giai huynh-đệ”. Tổ-phụ ta biết thương yêu nhân-loại bất kỳ là một sắc dân nào. Một nòi giống nào có trí thức cao-minh làm cho loài người đặng hạnh phúc thì Tổ-phụ ta kính trọng tôn thờ vậy. Một nền Tôn-giáo nào đến nước Việt-Nam ta đều được kết-quả mỹ mãn. Lòng mộ đạo của Tổ-phụ ta trước kia lấy lương-thiện làm căn-bản, lấy NHÂN-NGHĨA làm môi-giới. Cái sự tôn-nghiêm của Tổ-phụ ta từ thử, hiển nhiên chúng ta đã ngó thấy. Trong nước hiện giờ có các Đạo-giáo thanh-liêm chánh-trực đang làm cha mẹ cho dân, có tinh-thần tạo hạnh-phúc cho dân, một trang anh dũng biết bảo-trọng nền quốc-túy, nâng đỡ nước nhà, biết tôn sùng Nhân-Nghĩa. Chúng ta đã ngó thấy Đạo-giáo của chúng ta đem cái Nhơn-Nghĩa làm hườn thuốc liệm vào tâm-lý của loài người là có thể trị đặng cái tinh thần bạo-ngược của họ.

Nhơn loại vì quá ý tài ý sức, nương theo cái tinh-thần hóa-học mà làm mất cái tinh-thần căn bản nhơn-luân, nên nay ta đem cái đạo Nhơn-Nghĩa mà thức tỉnh loài người đặng cho họ nhìn với nhau vì danh Nhơn-Nghĩa hầu thương yêu nhau, dắt nhau đi đến Chủ-nghĩa Đại-Đồng! Cái nền Nhơn-Nghĩa của chúng ta, nó có thể làm môi-giới cho các chủng-tộc thế-giới. **Đạo Nhơn-Nghĩa của chúng ta là một căn-bản quốc-thể của nước Việt-Nam và có thể thành Quốc-Đạo được**” (14.4.MậuTý).

TIẾT 2. NHƠN ĐẠO - THIÊN ĐẠO

(Doctrine of Sages, the Holy doctrine of God)

- Nhơn đạo là đạo làm người, đạo ở đời, nên cũng được gọi là Thế đạo (Thế là đời). Đó là những nguyên tắc và bổn phận mà con người phải tuân theo trong

đời sống đối với gia đình và xã hội. Nhờ Nhơn đạo mà con người mới xứng đáng phẩm người, mới có giá trị là loài thượng đẳng chúng sanh.

- Thiên đạo là đạo Trời, tức là con đường để người tu theo đó thì được trở về cõi Trời, giải thoát khỏi luân hồi để được hiệp nhập vào Thượng Đế. Người là Tiểu linh quang, Trời hay Thượng Đế là Đại linh quang; nên con người là một phần tử nhỏ của Thượng Đế. Thượng Đế cho con người đầu kiếp xuống cõi trần là để học hỏi và tiến hóa, học hỏi mãi mãi và tiến hóa mãi mãi, tới mức cùng tột thì trở thành Thượng Đế và hiệp nhập vào Thượng Đế.

TIẾT 3. NHƠN ĐẠO VÀ VẤN ĐỀ TÌNH DỤC

Có phải lập gia đình, sanh con nối dõi tông đường là làm tròn nhơn đạo? Không, không phải thế. Luật lệ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không cấm các tu sĩ lập gia đình, như vậy nhân sinh quan của Cao Đài giáo đối với vấn đề này ra sao?

Câu mở đầu bài Kinh hôn phối đã viết:

“Cơ sanh hóa càn khôn đào tạo
Do âm dương hiệp Đạo biến thiên
Con người nắm vững chủ quyền
Thay Trời tạo thế giữ gìn nhơn luân”

Từ khi lập Đạo cho đến nay, chưa hề thấy có một lần nào Đức Chí Tôn hoặc các Đấng Trọn Lành giảng dạy chúng ta rằng, bổn phận về nhơn đạo phải ràng buộc trong hôn nhân của hai người nam và nữ. Sự ăn ở giữa vợ chồng với nhau là một phép của Đấng Hóa Công, để tiếp nối cơ sanh hóa là đầu mối của sự luân hồi triền miên, vay rồi trả, trả rồi vay, chồng chất thêm mãi những sung sướng và khổ đau, vinh nhục luôn luôn đi kèm nhau... Đức Khổng Tử có lần nào buộc tội Đức Thích Ca không tròn câu nhơn đạo chưa, khi vị Thái Tử từ chối không chịu tiếp nối sống chung với người vợ để cương quyết ra đi tìm chơn lý? Phải chăng Đức Thích Ca đã có tội khi Ngài không chịu làm công việc thường tình của bao nhiêu kẻ khác đã làm? Phải chăng tất cả những vị Linh Mục Thiên Chúa Giáo đã phạm tội vì không làm bổn phận lập gia đình? Phải chăng tất cả những tăng ni Phật Giáo đã mang trọng tội vì không chịu tìm một người khác phái mình để hợp hôn và sinh con đẻ cháu? Không, không phải thế.

Vậy thì nhơn đạo trong Nho giáo là cái gì, là sự ràng buộc nào? Đó là sự ràng buộc trong mỗi giao tế thường nhật giữa cá nhân con người này đối với cá nhân con người khác chứ không phải là sự ràng buộc về sinh lý giữa một nam một nữ? Nếu như con người mất hẳn quyền tự chủ để định phận lấy mình theo những mối tương quan nhân quả thì cơ giải thoát cũng chẳng còn nữa. Bởi thế cho nên trong giáo lý Cao Đài, Đức Chí Tôn không hề bắt buộc cũng không bao giờ cấm đoán sự kết nghĩa vợ chồng giữa hai người nam nữ trên mặt đất.

Cái quyền tự chủ để định phận lấy mình Ngài đã giao trọn nơi tay chúng ta.

Ngài yêu thương con cái Ngài đang sống trong trầm luân khổ hải nên mới đến chỉ đường dẫn lối, cho rõ cảnh thặng cảnh đọa rồi tự chúng ta phải lập vị lấy. Sức một làm theo một, sức mười làm theo mười, tùy tài tùy lực, cái trí não tinh thần của mỗi cá nhân vốn chẳng đồng nhau nên chẳng có sự buộc ràng nào. Trong quyển Phương Tu Đại Đạo, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc khi luận về đạo vợ chồng Ngài đã công khai nhắc nhở thanh niên nam nữ rằng, liệu như hoàn cảnh mình không đủ sức đùm bọc đời sống cho nhau thì đừng nên tạo thêm vòng oan trái :

“ Hễ làm người phải biết lo xa,
Nếu thiếu sức chẳng thà đừng có vợ.
Biết thiếu thôn thoi đừng gây nên nợ,
Phận yếu hèn mong đỡ nâng ai”

Tạm gác ra ngoài phần tinh thần nơi mỗi cá nhân, hình hài nhục thể này của chúng ta được kết thành từ sự giao hợp của hai thể xác nam và nữ, nên trong bản chất của nó đã chứa sẵn mầm tình dục. Theo thời gian, mầm ấy sẽ trưởng thành, thôi thúc chúng ta đi tìm và gây thêm oan trái. Vòng lẩn quẩn lại bắt đầu. **Đức Chí Tôn đến khai Đại Đạo, Ngài chỉ rõ cho chúng ta thấy diễn trình cuộc sống, lại đem cả huyền linh đặt sẵn ngay trên mặt đất này, kêu gọi và chờ đợi chúng ta biết nhận lấy mà giải thoát chính mình.**

Ngài sẵn sàng đảo lộn đời sống sinh lý trong nội thân chúng ta, xây chuyển ngược vòng nhơn dục, để đem chúng ta ra khỏi bánh xe luân hồi chuyển kiếp thì có lý do nào ở một nơi khác, Ngài lại cho phép chúng ta thay hình ảnh Ngài, nhơn danh Ngài mà trói buộc con cái Ngài vào vòng sanh tử, gọi là cái " nhơn đạo" của Ngài hay sao? Nền tảng siêu hình của học thuyết Cao Đài vẫn là sự hườn nguyên tam bửu, tức là trụ cả khối TINH, KHÍ, THẦN, nuôi dưỡng những món quý báu đủ điều kiện kết thành đệ nhị xác thân, bắt tiêu bắt diệt mà nhập vào cảnh hằng sống thì chữ nhơn đạo dù bị giới hạn trong phần hình nhi hạ, cũng không thể nào được phép mâu thuẫn với chính nền tảng siêu hình của nó.

Vòng thê tử luôn luôn có cái nhân của nó, cái nhân ấy do chính chúng ta gây ra nhưng chúng ta lại sợ hãi quả nghiệp nên cái trí tinh ranh, xảo quyệt của mình mới tìm ra những luân lý sắc bén để trấn an tâm thức, rằng đó là cái đạo làm người, rằng Đức Chí Tôn muốn thế. Cái trí xảo quyệt của con người còn tìm cách xuyên tạc Thánh Giáo, đại ý nói rằng nhơn đạo tròn mới bước qua Thiên đạo, như là một điều kiện bắt buộc ai ai cũng phải có vợ có chồng rồi mới có thể đi tu được. Buổi mới Khai Đạo, có biết bao người vừa thức tỉnh giấc mộng trần ai lại toan tìm đường lên non luyện thuốc trường sanh, phé bỏ việc làm ăn sinh sống của gia đình, trút hết gánh nặng của mình đã tạo ra, bỏ mặc cho xã hội, tìm đường chạy trốn cho được yên thân gọi là tu hành. Ngài thấy vậy biết chắc kết quả chẳng đi đến đâu, bởi luật công bình không dung thứ

cho kẻ trốn nợ nên mới có lời khuyên như trên, tuyệt nhiên Ngài không hề khuyến khích tiếp tục cuộc ân ái chẵn gối mà cũng không hề cấm đoán. Nếu Thái Tử Sĩ Đạt Ta không cương quyết dừng lại chuyện gối chẵn thì giờ này nhân loại chưa có một Thích Ca Mâu Ni Phật.

Cho hay cơ Tạo Hóa tuy im lìm mà rất nên mắc mỏ! Chìa khóa giải thoát vẫn ở nơi tay mình vậy. Đức Chí Tôn trao cho thì chúng ta phải biết vận lấy, nếu chúng ta chỉ cầm lấy mà ngấm thì cái chìa khóa trở thành vô dụng.

Chữ khô là bài học của trường đời. Đức Chí Tôn cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đã chỉ cho chúng ta phương cách để giải quyết nó. Đó là Thiên Đạo, là đường lối của ông Thầy Trời đến để giải quyết cuộc đời, trong đó có những bổn phận của một con người hành sự ra sao trong toàn bộ kế hoạch giải quyết. Cho nên không có một Thiên Đạo khác với Nhơn Đạo, cũng không có một khoảng cách nào giữa Nhơn Đạo và Thiên Đạo. Thế thường người ta vẫn quan niệm mặc được Đạo phục, đi làm việc truyền giáo gọi là Thiên Đạo, còn không làm được việc ấy thì còn ở trong vòng Nhơn Đạo. Thử hỏi chức sắc được coi như kẻ đã tròn câu nhơn đạo, nghĩa là đã xong rồi, dứt hết, tại sao luật lệ Tam Kỳ không buộc ly gia cắt ái? Vậy thì nhơn đạo trong giáo lý Cao Đài không nằm trong sự ràng buộc gối chẵn. Trên bình diện thu hẹp giữa một cặp vợ chồng, nhơn đạo đồng nghĩa với những bổn phận tương trợ cùng nhau, còn chuyện gối chẵn là một nhu cầu sinh lý của thể xác, cũng như nhu cầu ăn, ngủ, cư trú vậy. Thỏa mãn nhu cầu ấy, không ít thì nhiều chúng ta sẽ gây nên những ràng buộc khác nữa. Tính cách máy móc nói chằng chịt ấy được diễn tả qua câu kinh:

**“ Khỏi trái chủ nhặng lo vay trả.
Mới gây nên nhân quả nợ đời.”**

Giáo lý Cao Đài không chủ trương từ chối cuộc sống hiện tiền, trái lại vẫn coi cuộc sống này như là một phần trong đời sống vĩnh cửu. Đây là một giai đoạn tiếp nối và cũng là khởi đầu của những giai đoạn khác trong toàn bộ diễn trình cuộc sống, khi thì hiện thực trên mặt đất này, lồng trong mảnh hình hài của một phàm nhân; khi thì hiện thực trong những cảnh giới khác, trong những thực thể linh diệu hơn.

Nói cách khác, ý niệm về thời gian trường cửu và hiện tại vẫn là một, con người đang sống trong hiện tại và cũng là đang sống cho trường cửu. Cho nên chữ nhơn đạo không phải chỉ xây dựng trên nền tảng giá trị của một lần thác sinh, mà nó phải được nhìn thấy một cách bao quát từ một ý niệm phi thời gian. Có như vậy, thì nhơn đạo tròn mới bước qua thiên đạo được, bằng chẳng vậy nghĩa là còn ngó thấy sự cách biệt giữa những bổn phận về Nhơn Đạo và Thiên Đạo, thì chắc rằng chẳng ai dám tự nhận mình đã làm tròn câu Nhơn Đạo.

Việc kết nghĩa vợ chồng là một món nợ do mình gây ra. Chơn linh Bà Đoàn Thị Điềm trong một lần giảng cơ minh định như sau:

“Toan để bút ngăn vòng chồng vợ,
Thì lại e nghịch nợ tiền khiên.”

Nếu coi đó như một món nợ phải trả, phải chấp nhận và trong khi trả lại gây ra những nợ khác song hành thì cái vòng lẩn quẩn vẫn còn lẩn quẩn. Như vậy, thế mở của Chánh Pháp Cao Đài ở đâu? Làm sao có thể giải thoát được con người, câu trả lời vẫn nằm ở sự hiểu Đạo và hành Đạo. Sự hiểu Đạo rất khác xa cái khả năng thuộc lòng kinh kệ, giáo lý. Khi tâm thức được bừng sáng đến đâu chúng ta sẽ có những hành động thích ứng đến đó, đại để là những công việc như sau:

- **Phổ độ**
- **Làm phước**
- **Tu thân luyện kỹ, thiền định**

Tức là lập công, bồi đức và định phận cho chính mình theo đúng luật công bình của Tạo Doan. Đó là một sự trả nợ của chính mình, một lối mở đường giải thoát, công nghiệp phụng sự vạn linh trong sự sáng suốt của tâm linh. Tinh thần ấy hoàn toàn tự do và cá nhân mỗi người có được trọn quyền quyết định. Tuyệt nhiên nhân sinh quan Cao Đài Giáo không hề trói buộc ai vào vòng thế tử. Nhơn Đạo chỉ buộc mình phải có những bổn phận đối với những phần tử trong gia đình khi đã tạo lập mà thôi.

Tâm thức bừng sáng với ánh Đạo đến đâu chúng ta sẽ có những hành động thích ứng đến đó và đây là tinh thần ngũ chi hiệp nhất. Tưởng cũng nên nhắc lại rằng quan niệm chung về hạnh phúc của người Đông Phương thời xưa, ngoài những ước vọng về tiền tài và trường thọ, còn có một ước vọng sinh được nhiều con cháu. Quan niệm ấy đề cao sự truyền chủng tốt độ, đến nỗi việc không có con nối dõi tông đường bị xem như là một tội bất hiếu. Nếu chịu khó đi sâu vào lãnh vực xã hội học, chúng ta sẽ thấy rằng quan niệm ấy có lý do để sinh tồn trong chế độ xã hội xưa là vì muốn bảo vệ quyền lợi của gia tộc.

Tuyệt nhiên **Đức Chí Tôn không hề xác nhận rằng việc nối dõi tông đường là một bổn phận về nhơn đạo mà Ngài chỉ cho phép nếu chúng ta muốn**. Đây là một điểm quan hệ vì nếu điều luật này được hiểu một cách máy móc thì học thuyết Cao Đài sẽ có những điểm mâu thuẫn nội tại.

(theo tác giả NGUYỄN LONG THÀNH)

CHƯƠNG BA

ĐỨC PHẬT DẠY NHƠN ĐẠO

TIẾT 1. ĐỨC PHẬT THÍCH CA DẠY NHƠN ĐẠO

Theo Sigalaka Sutra, một Phật tử phải chu toàn những bổn phận cần yếu đối với gia đình và xã hội:

I. CHA MẸ ĐỐI VỚI CON CÁI.

Đức Phật dạy: “Này gia chủ tử, cha mẹ có lòng thương tưởng đến con theo năm cách:

- Khuyến khích con làm điều thiện.
- Ngăn chặn con làm điều ác: *They will restrain him from evil.*
- Dạy con nghề nghiệp: *They will teach him some skill.*
- Cưới vợ xứng đáng cho con: *They will find him a suitable wife.*
- Trao của thừa tự cho con đúng thời điểm: *In due time, they will hand over his inheritance to him.*

II. CON ĐỐI VỚI CHA MẸ

Con cái phải hết lòng hiếu kính với cha mẹ,

- phải giữ danh dự gia đình, gánh vác công việc nhọc nhằn, săn sóc cha mẹ khi ốm đau.
- không nên vì vợ con mà bỏ rơi cha mẹ. con mà bất hiếu với cha mẹ thì không còn một việc xấu xa nào mà không làm được.

Theo Sigalaka Sutra, bổn phận của con cái đối với cha mẹ như sau:

Được nuôi dưỡng, tôi sẽ nuôi dưỡng lại cha mẹ: *He should think having been supported by them, I will support them.*

- Tôi sẽ làm bổn phận đối với cha mẹ: *I will perform their duties for them.*
- Tôi sẽ gìn giữ gia đình và truyền thống: *I will keep up the family tradition.*
- Tôi bảo vệ tài sản thừa tự: *I will be worthy of my heritage.*
- Tôi sẽ làm tang lễ khi cha mẹ qua đời: *After my parents' deaths, I will distribute gifts on the their behalf.*

III. BỔN PHẬN CỦA CHỒNG ĐỐI VỚI VỢ

Chồng đối với vợ phải tương kính, phải là người cột trụ có tinh thần trách nhiệm cao độ, gánh vác những việc nặng nề khó khăn, không to tiếng nặng lời, cư xử nghiêm túc, không keo bần, không ngoại tình.

Trong Kinh Sigalaka Sutra, Đức Phật dạy: “Này gia chủ tử, có các cách mà người chồng phải đối xử với vợ như sau:

- Không bắt kính đối với vợ: *By not disparaging her.*
- Trung thành với vợ: *By not being unfaithful to her.*
- Giao quyền hành cho vợ: *By giving authority to her.*
- Sắm đồ nữ trang cho vợ: *By providing her with adornments.*

IV. BỔN PHẬN CỦA VỢ ĐỐI VỚI CHỒNG

Vợ đối với chồng phải kính nể, dịu dàng, chân thật, không đòi co lớn tiếng, nhà cửa gọn gàng, chi tiêu cần kiệm, giữ gìn tiết hạnh, bảo vệ gia phong, giáo dục con cái, là hiền mẫu của con cái, vui vẻ với bà con quyến thuộc, và bạn bè

Trong Sigalaka Sutra, Đức Phật dạy: “Này gia chủ tử, được chồng đối xử như vậy, người vợ có lòng thương tưởng chồng theo năm cách.”

- Thi hành tốt đẹp bổn phận của mình: *By properly organising her work.*
- Khéo tiếp đón bà con: *By being kind to the relatives.*
- Trung thành với chồng: *By not being unfaithful.*
- Khéo gìn giữ tài sản của chồng: *By protecting husband's property.*
- Khéo léo và nhanh nhẹn làm mọi công việc: *By being skilful and diligent in all she has to do.*

V. ĐỐI VỚI ANH CHỊ EM, BÀ CON, THÂN THÍCH, VÀ LÁNG GIỀNG

Thương yêu và hòa thuận với anh chị em, biết làm điều lợi ích chung cho gia đình, xã hội, tránh sự ganh tỵ, óc đố kỵ, gây chia rẽ làm không khí gia đình thiếu đầm ấm an vui.

Giúp đỡ thân thích nghèo, kẻ đau yếu, người nạn tai tật nguyên, không cố chấp giận hờn dù có ý kiến bất đồng, tránh dữ làm lành, cần giao thiệp hòa nhã với láng giềng, nhờ cậy nhau lúc tắt lửa tối đèn

VI. CHỦ ĐỐI VỚI CÔNG NHÂN

Chủ phải chăm sóc sức khỏe người làm, công bình mà phân công việc, trả lương thích đáng. Nếu người làm phạm lỗi, phải xét do cố ý hay vô tình mà thưởng phạt; khi họ tích cực làm việc đưa đến lợi lộc thêm phải thưởng đúng mức, không keo kiệt

Trong Sigalaka Sutra, Đức Phật dạy: Này gia chủ tử, có năm cách một vị chủ nhân đối xử với hạng nô bộc:

- Giao công việc đúng theo sức của họ: *By arranging their work according to their strength.*
- Lo cho họ ăn uống và tiền lương: *By supplying them with food and wages.*
- Điều trị cho họ khi bệnh hoạn: *By looking after them when they are ill.*
- Chia xẻ các mỹ vị đặc biệt cho họ: *By sharing special delicacies with them.*
- Thỉnh thoảng cho họ nghỉ phép: *By letting them off work at the right*

VII. BỔN PHẬN CỦA CÔNG NHÂN ĐỐI VỚI CHỦ:

Người làm phải cố gắng phục vụ sao cho công việc được tốt hơn; phải chuyên cần, lương thiện, không làm hư hao, phí tổn và không nên chỉ trích hay nói lén, nói xấu chủ nhân với người ngoài. Trong Sigalaka Sutra, Đức Phật dạy: “Này gia chủ tử, các hạng nô bộc được chủ nhân đối xử với năm cách kia, có lòng thương đối với vị chủ nhân theo năm cách như sau

- Dậy trước khi chủ thức dậy: *They will get up before him.*

- Đi ngủ sau khi chủ đi ngủ: *They will go to bed after him.*
- Tự bằng lòng với các vật đã cho: *Take only what they are given.*
- Khéo làm các công việc: *Do their work properly.*
- Dem lại danh tiếng tốt đẹp cho chủ: *Be bearer of his praise and good repute.*

VIII. CÁC THỨ CHI TIÊU

Trong Kinh Pattakamma, Đức Phật nhắc nhở một người nên chi tiêu của cải của mình như sau :

- Chi tiêu về thực phẩm, quần áo và các nhu cầu khác: *Expenditure on food and clothing and other needs.*
- Nuôi cha mẹ, vợ con và người làm: *Maintain of parents, wife and children and servants.*
- Chi tiêu về thuốc thang và những trường hợp khẩn cấp khác: *For illness and other emergencies.*
- Chi tiêu về mục đích từ thiện: *For charitable purposes.*
- Chi tiêu vào những việc với khách và họ hàng
- Cúng dường để tưởng nhớ đến những người đã khuất- *Offering alms in memory of the departed.*
- Trả thuế và lệ phí nhà nước đúng kỳ hạn- *Payment of state taxes and dues in time.*

TIẾT 2. NGÀI PHẠM CÔNG TẮC DẠY NHƠN ĐẠO

Trong quyển PHƯƠNG TU ĐẠI ĐẠO, tác giả đã viết phần dẫn lời như sau:

Phương tu của anh em bốn đạo mình, nếu tùy theo tôn chỉ của Tam giáo, thì phải làm thế nào cho gồm trọn cả tinh thần của ba đạo: Nho, Đạo, Thích, mới phải; nhưng xét sự khó khăn thì chẳng thế nào làm ba đạo một lượt cho đặng hoàn toàn. Vậy thì chúng ta cứ lần lượt luyện tinh thần rồi tập buộc mình hằng ngày sửa tánh tu thân, từ từ lần bước đến cho tận nẻo đạo của Thầy đã khai ra quảng đại, đẹp đẽ, quang minh, trước mắt chúng ta đó.

Tục ngữ nói: Tu hành.

Tu là trau giồi lấy tinh thần mình.

Hành là luyện tập thân mình phải biết từng phục tinh thần sai khiến mà làm đạo.

Đạo chẳng phải nơi lời nói, mà lại nơi kết quả sự mình làm; chẳng phải nói câu kệ câu kinh mà tại cuộc hành vi người giữ đạo. Cái khó khăn của đạo chẳng ở nơi sự giảng dạy mà ở tại sự thực hành. Cái hay của đạo chẳng phải ở tại yếu lý mà ở nơi cuộc kết quả sự giáo truyền. Tôi nhớ có một phen kẻ nghịch Đạo để lời dèm

pha biếm nhẽ rằng văn từ của Thầy xem rất thương tình. Tôi chấp bút phân phiến cùng Thầy. Thầy dạy rằng:

Con ôi, trong anh em của con phần dốt nhiều hơn phần hay chữ, đũa ám muối đông hơn đũa thông minh; Thầy đến chăm nom dạy dỗ đũa ngu dốt hơn là đũa hay giỏi; thà là đũa sáng khôn quá hiểu mà chê Thầy hơn đũa dốt nghe đạo Thầy không rõ lý. Thầy cười rồi tiếp nữa rằng: Thầy muốn đạo của Thầy làm thế nào cho trẻ con lên ba tuổi cũng hiểu đặng, con nghĩ sao con? Lại cười nữa.

Tôi hiểu lòng nhơn từ quá lẽ của Thầy cũng bắt tức cười theo.

Tôi chủ ý tỏ Thánh tứ ra đây cho chư đạo hữu làng văn hiểu, đặng từ đây tùy ý muốn của Thầy, dầu gặp phải vấn đề khó khăn, cũng gắng chí luận bàn cho giản dị. Ôi, phương tu cũng lại là một vấn đề khó giải lắm chút, nhưng may tôi nhờ ơn Đại Từ-Phụ thương dạy dỗ nên mượn điệu văn thô kịch mà viết ra đây. Ước giúp ích công tu chư đạo hữu đôi chút, là thỏa nguyện. Luận lý dầu thô sơ, xin chư đạo hữu nam nữ nghĩ tình tha lời dị nghị.

Tôi chỉ luận hình thể trước đã, rồi sau sẽ luận đến tinh thần. Bỏ phân người tu đối với Trời, đối với Đạo, đối với Trời ra thế nào? Ai ai, đã mang mảnh xác phàm này rồi thì cũng tùng theo ba cái luật thiên nhiên là: Luật đời, luật đạo, và luật Trời.

Ba luật ấy tương tự như phù hợp với luật điều của Tam-Giáo.

I. LUẬT ĐỜI

Mới thọ sanh lòng mẹ thì đã mang lấy phụ mẫu ân rồi. Tinh cha, huyết mẹ, tình thâm trọng là dường nào. Công chín tháng cưu mang biết bao nghĩa nặng. Lọt lòng ra toàn vẹn, còn hơi hóp, thì cha mẹ đã mừng, chăm nom, săn sóc, vú sữa, búng com; lo lo, sợ sợ trong cơn sốt mảy, nóng mình. Cha nuôi, mẹ dưỡng, ơn sông biển sánh tài. Ôi, cái ân đức ấy trả biết mấy cho vừa, một mối nợ dưỡng sanh tương sống trả ngàn năm còn khó đủ. Mang mối nợ thân sanh, với kẻ có đạo, dầu thịt nát xương mòn, đền đáp chưa thỏa dạ. Sách Thánh nhơn có câu:

Dưỡng tử phương tri phụ mẫu ân.

Người hiểu hạnh, hãy nhìn đến con, dầu tóc bạc da mồi nhớ đến câu ấy, không khô nước mắt. .

Hại nỗi, đời thường chịu cái khổ tâm nặng nề này: Buổi nhỏ đại ngơ ngơ ngáo ngáo không thấu đáo nghĩa thâm ân; chùng lớn khôn thân đã nên thân, toan báo hiếu thì mẹ mẫn phần cha thoát tục. “Cây muốn lặng mà gió chẳng dừng, con muốn nuôi mà cha mẹ lại không còn”.

II. PHẬN LÀM CHA MẸ (trích đoạn)

**“Cha mẹ rũi sanh con hung bạo,
Tội dưỡng nhi bất giáo đã đành.
Với hình hài mình đã sanh thành,**

Thì chữ đạo chữ tình cân đúng giá.

Cơ chuyển thể nơi tay đã quả,
Thay mặt cho Tạo Hóa dựng đời.
Vật tôi linh thiên hạ là người,
Cha mẹ vốn là Trời phần xác thịt...

Phận nuôi dưỡng tuy vẫn cần ích,
Phải dạy răn kẻ nghịch lòng Trời.
Đã lập đời ắt phải dạy đời,
Đừng dưỡng ác hại người mang nghiệp chướng.

Khá nhớ đạo như luân là trượng,
Phép gia đình có ảnh hưởng đến nhưn quần.
Hễ biết mình trọng trách thân dân,
Thì phải biết ân cần bề giáo dục...

THAI GIÁO

“Dạy con trẻ còn trong bụng mẹ.
Phải tiếp dưỡng vợ thường mạnh khỏe,
Kiếm phương làm vui vẻ hằng ngày.
Lựa chuyện xưa tích cũ cho hay,
Điều mở trí thường hay luận biện.
Coi chừng lựa sách, thơ, tuồng, truyện,
Những phong tình đừng khiến cho coi.
Sự uống ăn xem sóc hẳn hòi,
Trong đi đứng chơi bời cho phải cách.

..

Dạy vợ chữa tức thời dạy trẻ.
Những trí thức tinh thần có lẽ,
Nhiễm vào tâm chữa để trọn tinh thần.
Có tinh thần mới có xác thân,
Biến thân đủ tinh thần quán chúng.
Trí cao thượng nhiễm từ trong bụng,
Con đẻ ra chắc đúng bực thông minh.
Tỷ khác nào tấm kiếng chụp hình,
Có bóng chói đã in mọi vật.
Đầu mới tượng óc còn thiếu chất,
Phân thông minh lật đặt bỏ vào.
Cây hưởng phân quý sẽ đường bao,

Thì óc trẻ lại nào có khác.

Tính cha đã thông minh mẫn đạt,
Con chắc là bác lăm quần thi.
Thần mẹ thêm cách vật trí tri,
Con ắt đặng quảng tri thế sự...
Dầu vợ dốt hay là hay chữ,
Nghe điều hay cư xử gia đình.
Phép truyền thần dầu chẳng đặng linh,
Việc dạy dỗ vợ mình còn chế sửa.

Đề ý thấy trẻ thơ nhiều đũa,
Tánh thông minh từ thuở mới lên ba.
Ấy là nhờ tánh chất mẹ cha,
Gặp phải phép hiệp hòa sanh đặng vậy...
Hễ dạy dỗ dùng lời nhỏ nhẹ,
Tập nói năng nhậm lệ khôn ngoan.
Mỗi tiếng nào con nói ngang tàng,
Thì đề ý vội vàng cải sửa.
Dạy đi đứng nghiêm trang bộ tịch,
Dạy nói năng cho lịch cho ngoan.
Dạy biết điều luận luận bàn bàn,
Dạy cho cạn suy suy xét xét...
Mình biết Đạo hằng ngày gặp dịp,
Đặng dạy con nề nếp làm người.
Hễ làm người thì biết hổ người,
Lấy gương trẻ trâu cười con xét phận.
Cha chẳng phép để lòng hờn giận,
Mà lấy đương bỏ lẫn con hư.
Đành lòng nào lại chối lại từ,
Mình dở dạy tội qui ư trưởng...

Dạy cho hiểu mảnh thân dầu sống,
Cũng nhờ nương dưới bóng Hóa công.
Thường cho xem vẻ đẹp non sông,
Đặng con trẻ thề lòng thương tưởng.
Hay chi kiếp sứng xin vui mượn,
Mà phòng tham toan vướng nợ trần.
Hễ có thân âu biết thương thân,
Lấy trí thức định phân cho cạn...

Một câu sách nơi đây nên để,
Đặng làm phương truyền kể tông môn.
Chứa vàng nhiều để lại cho con,
Con chưa ắt giữ còn bèn lộc.
Chứa sách để cho con sau học,
Chưa chắc con biết đọc cùng chằng.
Chứa đức kia bền vững không ngần,
Con cháu hưởng lâu bằng Trời Đất.

III. PHẬN LÀM CON (trích đoạn)

...
Nhỏ chạy manh quần tẩm áo,
Lớn khôn lo học lo hành.
Mẹ cả đời chịu phận cử canh,
Cha mãi kiếp lao thân, thuê mướn.
Hể bản cùng thì vay mượn,
Phải phận vương nợ nần.
Đày đọa cha phải chịu khổ thân,
Khổ khác mẹ chịu phần tôi tớ.
Chẳng lẽ khó, đem con ra đợ,

Một miệng ăn núi lở non mòn.
Dầu cháo rau cũng nhịn miệng nuôi con,
Để một trẻ lại thon von thêm phận mẹ,
Đến ăn uống cũng mua vật rẻ,
Cho đặng nhiều lại nhẹ đồng tiền.
Nấu trách canh đổ nước nổi thuyên,
Kho trã mắm nát nghiền xương cá.
Chẳng hiểu mùi ngon vật lạ,
Măn đời ăn chạ mặc thô.
Miễn âm cất vải bô,
Nào biết sô với tổ.
Khi khôn lớn phải lo đôi lo bạn.
Cả cha mẹ phải thức khuya dậy sớm,
Làm lụng ra tiền đặng để đôi chút lại cho con.
Thân thể phải gầy mòn, tinh thần ngày hao kém.

Đừng nhạo già thờ cha cúng tổ,
Già ngậm ngủi nhớ thuở giỗ rau dưa.

Lại đừng giận cha hay rầy nói cù cưa,
Vì sợ trẻ mắc lừa đời xảo quyệt.
Đừng giận mẹ cần nhằn mắng nhiếc,
Vì lo con chẳng biết thế gian hùng.
Gái lớn lên giữ chữ phụ tùng,
Trai chớ khá buông lung theo chúng bạn...

Muốn cách mặt xú xa định bạn,
Đừng để già những mảng phạp phòng lo.
Gái nời cơm bát nước đói no,
Trai thang thuốc ngày lo an vấn.
Thường nhớ lúc mẹ cha lận đận,
Đủ khôn ngoan gắng phận lo lường.
Thế nhọc công giúp đỡ thung đường,
Để cha mẹ dựa nương như con gậy...

Phải nhớ hiếu đút mỗi loài ô thược,
Đặng đền bồi cho được nghĩa cù lao.
Dầu lớn khôn tước cả quyền cao,
Cũng nhớ thưở thai bào công chín tháng.
Dầu mình có giàu sang ức vạn,
Nhớ lúc cha bạc thánng tiền ngày.
Dầu mình sang ngự điện ngòì ngai,
Cũng nhớ thưở mẹ chằm gai cha kết lá.
Dầu mình có thiếp hầu trăm ả,
Cũng nhớ nơi chòi lá mẹ ru con.
Dầu mình vinh kẻ cúi người lòn,
Cũng nhớ thưở cha ẵm con ngòì đợi mẹ...

Hiếu thảo khi cha mẹ còn sống chưa đủ. Trong tư tưởng của Khổng Tử, nghĩa vụ HIẾU chưa kết thúc khi cha mẹ qua đời mà lòng hiếu thật sự đòi hỏi đưa con phải sống lương thiện, cư xử hòa thuận, đàng hoàng như cha mẹ mong muốn và không làm gì ô danh gia đình. Đó là vì gia đình là một thành tố chủ yếu để xây dựng một xã hội tốt đẹp.



PHẦN BA

TA ĐÃ LÀM CHI ĐỜI TA?

CHƯƠNG MỘT

BẠN ĐANG LÀM GÌ CUỘC ĐỜI MÌNH

*“Ôi ta đã làm chi đời ta?
Ai đã làm chi lòng ta?
Cho đời tàn tạ lòng băng giá.
Sương mong manh quạnh chớm thu già”*

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã viết bốn câu thơ trên để tự vấn về cuộc đời; Ta đã làm chi đời ta? Sao đời ta ra thế này? Định mệnh chỉ là hình bóng của nghiệp. Nghiệp là kết quả của cái tạo ra trước đó, trong một kiếp nào đó. Thượng đế cho ta tự do ý chí tận dụng khả năng thay đổi cuộc sống của ta ngay trong kiếp sống này. Nghiệp do chính mình tạo ra qua hành động, qua tư tưởng, lời nói của mình.

Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa (Nguyễn Du).

TIẾT 1. TÌM GÌ? MUỐN GÌ?

Hầu hết chúng ta đang đi tìm gì? Mỗi người trong chúng ta muốn được gì? Nhất là giữa thời thế tao loạn này, mọi người đều muốn tìm một thứ an bình nào đó, một thứ hạnh phúc nào đó, nơi trú ẩn nào đó. Chúng ta cần phải biết đang đi tìm cái gì, chúng ta đang cố gắng khám phá ra điều gì trong cuộc đời này?

Từ tuổi nhỏ, chúng ta được cha mẹ dạy ráng học giỏi để sau này có một cái nghề nuôi thân. Miệt mài lo học đến khi có một cái nghề trong tay thì ngoài nuôi thân, còn nuôi chồng, nuôi vợ, nuôi con, nuôi cha mẹ già...Chúng ta làm việc ngày đêm vẫn không thấy đủ vì chúng ta thích đủ thứ, muốn đủ thứ. Cho đến một ngày tử thần lên tiếng. Trước khi dứt hơi thở cuối cùng mỗi người sẽ có phút giây phản chiếu toàn bộ cuộc đời; và rồi ta sẽ tự hỏi: ta đã làm chi đời ta? kiếp sống ta sao chỉ có trả vay, tạo thêm nghiệp xấu; còn nghiệp tốt ít quá, tâm thức ta còn tâm tối quá; con đường giải thoát ở đâu sao ta không chịu tìm kiếm; biết bao giờ mới được đầu thai làm người lần nữa?

Cả một kiếp sống quý giá nhưng chúng ta chỉ đi tìm sự thỏa mãn của xác thân; còn linh hồn của ta đâu? Chơn Linh mới thực sự là TA, nhưng trong lúc còn sống con

người chỉ nhớ đến xác thân, làm thỏa mãn cái xác thân với những đòi hỏi của lục dục, thất tình!

Sự thỏa mãn và hạnh phúc hoàn toàn khác nhau. Mục tiêu của người giác ngộ là giải thoát mình càng nhiều càng tốt ra khỏi sự đô hộ của thể xác. Hãy dẫn thân vào việc nuôi dưỡng linh hồn, quan tâm tới những vấn đề có ích lợi thân thiết cho linh hồn chẳng hạn như sự thật, đức hạnh v.v. Khi làm như thế, người giác ngộ đã tách rời mình khỏi thể xác.

Chính vì đã từ bỏ mọi sự bám víu vào những khoái lạc do thể xác cung cấp cho người ta, cho nên sự chết chẳng qua chỉ là việc thoát ra qua một cánh cửa mở rộng. Người giác ngộ tập trung vào đức hạnh và minh triết cho nên mới tẩy trừ được trí tuệ của mình. Chính việc tẩy trừ này mới mang lại sự độc lập tâm linh cho mình, đó chính là sự tự do chân thực, tức giải thoát.

Trước khi tinh thần con người hòa nhập được vào Thượng Đế thì con người phải giải thoát mình khỏi những xiềng xích hoặc ràng buộc của xác thân. Socrate mới dạy rằng **nếu người ta đã tận hiến đời mình cho đức hạnh và minh triết thì họ có thể giữ vững niềm hi vọng là điều thiện lành tốt nhất sẽ chào đón mình bên kia cửa tử.**

Điều này cũng nhắc ta nhớ tới một câu trong quyển Chí Tôn Ca: “*Người minh triết không phiền não cho kẻ còn sống mà cũng chẳng khóc thương người đã chết*”. Điều này có nghĩa là có khả năng đạt tới một tình huống nội tâm tức một tâm trạng trong đó cho dù ta sinh hoạt trong thể xác – vốn đã bị gọi là nhà tù – hoặc sinh hoạt bên ngoài nhà tù ấy thì cũng thế thôi. **Linh hồn dùng thể xác làm một dụng cụ mà không cần bám víu vào đấy.**

Đức Phật đã để lại cho chúng ta một tấm gương ngay thẳng mà ta phải noi theo, Ngài vẫn sống chứ không trốn chạy khỏi cuộc sống. Giáo lý của Ngài cho thấy điều ác không nội tại trong vật chất – vật chất vốn vĩnh hằng – mà **điều ác ẩn khuất trong những hão huyền do vật chất gây ra.** Những điều ác ấy chẳng những không thể tránh được mà còn là tất yếu nữa. Đó là vì nếu ta muốn phân biệt thiện với ác, ánh sáng với bóng tối, trân trọng điều thiện và ánh sáng thì ta chỉ có thể làm được như vậy nhờ sự tương phản giữa đôi bên. Trong khi triết lý của Phật xét theo nghĩa đen chỉ vạch ra cái khía cạnh đen tối của sự vật trên cõi hão huyền này thì giáo lý bí truyền của ngài tức cái linh hồn ẩn tàng trong triết lý đã vén bức màn lên để khai thị cho bậc La hán mọi sự vinh diệu của SỰ SỐNG VĨNH HẰNG

TIẾT 2. ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI CÓ 5 MỤC ĐÍCH CHÍNH YẾU

- 1. HỌC HỎI TRIẾT LÝ, GIÁO LÝ:** Học sao cho thông hiểu tất cả những gì mà Đức Chí Tôn đã bày ra nơi cõi trần để làm nấc thang tiến hóa cho các đẳng chơn hồn.

2. **LẬP CÔNG QUẢ:** Nhìn thấy các bạn đồng sanh đang sống lạc hướng, lặn ngụp trong sông mê bể khổ, chìm đắm trong danh lợi quyền, mãi miết đi trên đường vật dục, thì ta làm thế nào giúp cho các bạn ấy thức tỉnh và giác ngộ, hiểu biết như ta, để trở lại con đường chơn chánh, đi đúng mục tiêu tiến hóa. Ta phải đem hết khả năng của mình ra để giúp đỡ và dẫn dắt họ như cứu khổ về xác thịt (đói cho gạo, bệnh cho thuốc...), cứu khổ về tinh thần (in ấn và phổ biến kinh sách, truyền giáo...)
3. **VUI LÒNG TRẢ QUẢ:** Nếu trong các kỳ du học trước, ta đã gây ra nhiều nợ nần oan trái, thì trong kỳ du học này, nhứt định ta phải lo trả cho xong các món nợ cũ dù phải đau khổ hy sinh. Vui lòng trả quả có nghĩa khi gặp cảnh ngộ khó khăn, chúng ta tìm cách vượt qua chứ không oán trời trách đất.
4. **KHÔNG GÂY NGHIỆP MỚI:** Kinh nghiệm về sự trả nợ rất đau khổ, ta không nên gây thêm một món nợ oan nghiệt nào khác. Các điều răn cấm, các giới luật tôn giáo là những rào chắn rất hiệu quả để ngăn chặn ta không gây thêm nợ bằng cách làm lành, lánh dữ, khoan dung, tha thứ.

5. TU HỌC ĐỂ QUAY TRỞ VỀ

Con người sống trên thế gian phải chịu luật Luân hồi và luật Nhân quả. Luân hồi là chết rồi đầu thai lại; khoảng cách giữa hai thời kỳ thông thường từ trăm năm đến cả ngàn năm. Luân hồi còn có nghĩa kiếp này làm người, nhưng kiếp sau có thể là thực vật, động vật, thậm chí là vật vô giác vô tri nếu linh hồn đó gây quá nhiều tội lỗi mà không biết hối cải, không xứng đáng với phẩm người nữa. Cũng giống như biển xanh theo thời gian thành ruộng cạn, dầu kiếp này là anh hùng tướng soái, là những nhà lãnh đạo quyền uy hét ra lửa nhưng nào ai biết chết rồi sẽ đi về đâu? kiếp sau có được mang thân người hay không hay phải mang lông đội sừng? Đời người là bể khổ, khổ vì mê. Con người sống trong mê nên mới chìm đắm trong danh lợi vật chất mà quên mất bản nguyện của mình là phải quay trở về.

Câu hỏi đặt ra là: làm thế nào để trở về? Đó chính là tu luyện! Nhưng tu luyện không phải là vứt bỏ hết thảy mọi vật chất, không phải là chối bỏ người thân, cũng không phải chui vào hang động trong núi, cách xa khỏi nơi xã hội con người. Bản chất của tu hành thực sự, chính là tu tâm sửa tánh, lập công bồi đức. Tu luyện là việc thiêng liêng, vậy mà người đời hễ nghe đến “tu luyện” lại lắc đầu trề môi coi như điều u mê ngu muội!

Thiên cơ đã lộ lúc khai Trời.

Kêu khách phàm trần muốn hực hơi.

Cứ mên danh hoa cùng lợi lộc,

Chẳng lo kiếp thác đến gần nơi. (TNHT)

TIẾT 3. TU LUYỆN NHƯ THẾ NÀO

I. THƯỢNG ĐẾ LÀ SỰ THƯƠNG YÊU

Khi đức Jesus dạy rằng 'Thượng đế là sự thương yêu' thì đó không phải chỉ là cách diễn tả thi vị, mà là cách chính xác nhất để diễn tả một chân lý tinh thần.

Tình thương của Thượng đế là tình thương thể hiện ở mức vô hạn và không thể nghĩ bàn với nhân loại; còn tình thương con người là tình thương có giới hạn và do vậy ở mức độ quan niệm được. Ta nên ý thức là tình thương tự nó hoan hỉ, mạnh mẽ ở nội tâm, lành mạnh. Vì nó là một luật căn bản của vũ trụ, nó không thể nào khác hơn; ngược lại, khi con người vi phạm luật căn bản này, thế giới của con người bị bệnh hoạn: bất công, bạo lực, đàn áp và chiến tranh sẽ diễn ra.

Để thể hiện tình thương, phương cách dễ dàng nhất là dùng lời nói: Nếu một ai hiểu được ý nghĩa của lời nói, học cách nói, khi nào nên nói, nói sẽ đạt được việc gì, và chuyện gì xảy ra khi nói, là người đó đang trên đường tới mục đích.

Ai biết dùng lời nói mình đúng cách là người có tiến bộ nhiều nhất. Đây là điều mà tất cả những vị lãnh đạo các phong trào bí truyền nhận biết, thí dụ là đức Pythagoras và trường của ngài tại Crotona, cũng như nhiều trường bí giáo khác ở Âu và Á châu, có luật là tất cả ai mới nhập môn và dự bị không được phép mở lời trong hai năm đầu vào trường; và sau khi học cách giữ yên lặng trong thời gian đó, họ được cho cất lời vì đã học sự nín thinh đặc biệt.

Lời nói tỏ lộ, và chánh ngôn có thể tạo một hình thể nhằm mục đích tốt lành, cũng y như ngôn từ sai lầm có thể sinh ra một hình thể có mục tiêu xấu. Dầu vậy, ta không biết điều ấy và ngày này sang ngày kia ta không ngưng nói một cách vô trách nhiệm; ta dùng chữ, ta tăng bội âm thanh và bao quanh mình với những hình thể do chính ta tạo ra. Vậy chuyện thiết yếu là trước khi lên tiếng ta nên nhớ đến lời chỉ dạy. Lời nói có ba loại:

- Lời nói ích kỷ phát ra với hậu ý mạnh mẽ, tạo nên bức tường chia cách; mà muốn hạ bức tường này thì cần thời gian lâu dài, cũng như cần nhiều thì giờ để bỏ đi tính ích kỷ. Vậy hãy xem xét động cơ trong lòng, và dùng chữ sao cho hòa hợp sự sống nhỏ bé của ta với thiên cơ rộng lớn.
- Lời nói có tính thù ghét gây hại cho ai mà nó nhắm tới, lời ngòi lê đôi mách độc hại được truyền đi vì tạo nên thích thú. Những lời ấy bóp chết tâm hồn, chặn đứng mầm sống, và do đó đôi khi mang lại cái chết cho người bị nhục mạ, nói xấu. Nếu thốt ra với dụng ý làm tổn thương, gây đau khổ và giết hại, chúng sẽ quay về người đã thốt ra lời phỉ báng, vu khống ấy sinh ra tổn hại, giết chóc.
- Tư tưởng tầm phào, ích kỷ, độc ác và ghét bỏ khi phát ra lời sẽ tạo nên nhà tù, làm độc mọi suối nguồn của sự sống, dẫn đến bệnh tật, thiên tai và trì trệ.

Bởi thế, **hãy dùng lời nói một cách dễ thương, chân chính và hữu ích. Hãy giữ sự lặng thinh rồi ánh sáng sẽ tràn vào.**

II. TẬP THƯƠNG YÊU & PHỤNG SỰ

Người có tâm thanh khiết không phải là kẻ không có tình cảm, mà là những người không còn vị ngã, không sống với cái TÔI (NGÃ) quá lớn. Đó là Đạo tu dưỡng, đạo sống chung. Làm sao giao tiếp với người khác? Đây cũng là bài học quan trọng. Người khéo giao tiếp, khéo kết thân với người khác để được xứng ý toại lòng trên đường đời.

Hiểu hoàn cảnh của người, khoan dung người: người đời có kẻ trí, người ngu; có kẻ hiền người dữ nên tập thông cảm, lượng thứ. Tập bao dung, thương yêu giống như bầu trời đã bao dung vạn loại. Con người muốn sống chung hòa bình thì phải nuôi dưỡng tánh độ lượng, đừng chê trách liên miên... . Bởi ta hãy nhớ là ai yêu mến đồng loại mình thường mong ước hiến tặng hiểu biết mà họ có cho kẻ nào hỏi xin. Người chí nguyện cần làm các điều sau:

- Đặt ý tưởng và ao ước riêng của mình sau lợi ích của nhóm. Đừng đặt trọng tâm vào cá nhân mình mà hướng tầm mắt về kế hoạch của Thiên Cơ. Ví dụ: chuẩn bị cho sự giáng lâm của Đức DI LẶC.
- Canh giữ miệng lưỡi để không nói lời tầm phào và chỉ trích, ngồi lê đôi mách và nói bóng gió, Khi lời nói hợp với đạo từ bi và chánh trực thì khó bị sai trái.
- Buồn, giận không lộ ra sắc diện và tuôn lời gây gổ trách mắng kẻ khác. Như thế, đó là người không có đạo TU DƯỠNG. Nếu bị nói xấu thì tối kỵ thừa kiện, trả đũa. Tốt nhất hãy bình tĩnh đối phó rồi thì thị phi tự nhiên sẽ dứt, thế mới là người trí. Vì sao người ghét ta, nói xấu ta? Nguyên nhân phần lớn do ganh tị hoặc oan nghiệt hai bên tạo ra trong kiếp trước. Vì thế, ta càng nên làm nhiều việc thiện, làm lành, làm phước để sớm tiêu trừ nghiệp chướng.
- Người ta không phải là Thánh, ai cũng có lỗi, gây lỗi ít hay nhiều. Biết lỗi, biết sám hối và tìm cách sửa lỗi là một đức lớn trên con đường tu học. **Tam nguyện: xá tội đê tử có ý nghĩa như thế đó.**
- Đọc và **học hỏi giáo lý, Luật và Pháp đạo để việc làm tiến hành một cách thông minh, phù hợp với Thiên cơ.** Đức Phạm Hộ Pháp dạy người tu học phải tạo Tam Lập “LẬP CÔNG, LẬP ĐỨC, LẬP NGÔN”. Nếu tạo lập được ba sự nghiệp mà xưa nay Thánh Hiền đều tôn sùng ấy, chúng ta ngẩng đầu không thẹn trời, cúi đầu không thẹn đất vậy.

Người chí nguyện có thể góp sức vào công việc khó nhọc của những Đấng Cao Cả. Các ngài làm việc mong giảm bớt khổ nạn cho nhân loại, và đảo ngược những điều ác cùng tai ương đang đe dọa con người. Đây là cơ hội cho tất cả, và mỗi người đều

được cần đến dù khả năng ít ỏi ra sao. Khi các nhóm phụng sự làm việc hòa hợp trong tình hữu ái sâu xa với nhau, họ có thể đạt được thành quả đáng kể.

III. CHUYỂN HƯỚNG DỤC VỌNG & CẢM XÚC

Ai mà tư tưởng có sự ganh tị, giận hờn nhỏ nhen, thiếu khoan dung và những tật không đẹp khác hiển nhiên không thể đạt được ý thức rộng lớn hơn. Các khuyết điểm này tựa như bụi trên tấm gương là cái trí, gây trở ngại khiến không có phản chiếu trong trẻo. Chúng cũng là những tật cản trở Tình Thương, vì mục tiêu mà người học đạo chân thành nhắm tới là sự ý thức rõ ràng tình thương.

Tình Thương này không phải là tình cảm vu vơ, là ý niệm mơ hồ, nhưng là một tâm thức rõ rệt mà giá trị của nó chỉ những ai đã kinh nghiệm rồi mới có thể đo lường được. Nó là một trạng thái của tâm trí đối với mọi sinh linh, đạt được nhờ óc tưởng tượng và ý chí muốn thương yêu. Vậy tự nhiên là bước đầu tiên hầu có được lòng yêu thương là ý ham muốn đạt được nó. Thế nhưng làm sao ý ham muốn đó hiện hữu khi nó bị các ham muốn ngược lại đẩy ra? Câu nói hãy “thanh tẩy dục vọng” có nghĩa là chuyển hướng hay thay đổi dục vọng.

Chúng ta không nên chỉ trích và phê phán một cá nhân quá mức. Nếu thực sự nuôi dưỡng thương yêu nên dùng lời hòa nhã để nhắc nhở.

Hòa nhã con tua tập tánh tình.

Dưới đời đừng tưởng một mình lanh.

Một câu thất đức thiên niên đọa.

Nhiều nỗi trầm luân bởi ngọn ngành.(TNHT)

Sự kiện huyền bí là có linh hồn thơ trẻ và linh hồn già dặn hơn, hoặc nói rõ ràng hơn thì có cái tôi non dại và cái tôi trưởng thành. Như vậy, mong đợi người trước cư xử giống người sau là vừa khờ dại và thiếu khoan dung, như mong trẻ con hành xử giống người lớn vậy. Mắng chửi người khác cho sướng miệng, thỏa mãn cái tôi ích kỷ để rồi sau khi chết chính mình bị đọa đày; sao bằng giữ gìn lời nói để tránh KHẨU NGHIỆP.

IV. LUẬT NHÂN QUẢ-NGHIỆP (KARMA)

Luật của con người có thể dùng biện pháp giới hạn mà không có tính trừng trị, nhưng ai tuy tin vào Karma mà vẫn trả thù, và không muốn quên đi thương tổn của mình để **lấy ân đền oán**, thì là kẻ tội phạm và chỉ làm hại mình. Bởi Karma chắc chắn sẽ trừng phạt kẻ đã làm quấy với anh; còn khi tìm cách trừng phạt kẻ thù của mình thay vì để Karma lo liệu việc quân bằng ân oán, anh đã thêm vào đó phần của mình, và do vậy

sinh ra nguyên do khiến trong tương lai chính anh bị phạt. Luật điều chỉnh không sai chạy và ảnh hưởng mỗi kiếp sau theo tính chất của kiếp trước, cùng dựa theo tổng số công và tội những kiếp đã qua.

Ta có thể mô tả Karma như là luật điều chỉnh, luôn có khuynh hướng tái tạo sự quân bình bị xáo trộn trong các cõi; Karma không luôn luôn tác động theo cách này hay cách kia, mà nó luôn luôn tác động để lập trở lại sự hòa hợp, và duy trì sự quân bằng.

Sự thực là không một tai nạn nào trong đời ta, không một xui xẻo, hay điều bất hạnh lớn nào mà không thể truy ngược trở lại chuyện ta đã làm trong kiếp này hay kiếp xưa.

Khi bạn đi tới chỗ họp, nơi học đạo (Thánh Thất, Chùa, nhà thờ...), tập đừng nói chuyện vô bổ mà hãy để chúng ở ngoài cửa khi bước vào phòng. Hãy nói những chuyện đẹp đẽ, có tư tưởng cao thượng để giữ bầu không khí nơi ấy được trong sạch. Tất cả chỉ là năng lực, vậy hãy cố gắng làm thánh thiện hóa nơi học tập bằng lời kinh và sự tham thiền.

Nay ta đi tới kết luận là cần phải có tư tưởng trong sạch, tình cảm thanh cao. Nếu bạn giận dữ, nói hành nói xấu ai, đừng để trí óc tạo nên hình tư tưởng vì như thế là làm ô nhiễm chính hào quang của bạn.

TIẾT 4. HỌC VÀ LÀM THEO LỜI DẠY CỦA ĐỨC CHÍ TÔN

1. Muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ-độ chúng-sanh

5 Mars 1927

Ngọc-Hoàng Thượng-Đế Viết Cao-Đài Giáo Đạo Nam Phương

Trong các con có nhiều đứa lầm tưởng hễ vào Đạo thì phải phé hết nhơn sự; nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng một điều rất thấp thỏi là vào một chỗ u-nhàn mà ẩn-thân luyện Đạo.

Thầy nói cho các con biết: **nếu công quả chưa đủ, nhơn sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong.** Vậy, **muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ-độ chúng-sanh mà thôi.**

Như không làm đặng thế này, thì tìm cách khác mà làm âm-chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao. Các con phải hiểu Thánh-Ý Thầy mà trau dồi chí lớn. Dầu đi lối nào cũng phải cần cái đèn thiêng-liêng chiếu rõ mới đặng vững bước. Làm vua, làm thầy, làm công nghệ, làm đạo-sĩ cũng cần phải có chí lớn mới mong thành tựu đặng. Các nghề dưới thế không có nghề nào là vô dụng mà vô dụng là tại người không chuyên vậy.

2. Bộ thiết giáp đạo đức & nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

...Các con đã sanh ra tại thế này, ở tại thế này, chịu khổ não tại thế này, rồi chết cũng tại thế này. Thầy hỏi: các con chết rồi, các con ra thế nào? Các con đi đâu?

Chẳng một đũa hiểu đặng cơ mầu nhiệm ấy. Thầy dạy: Cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong nơi vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm, loài người phải chịu chuyển kiếp ngàn ngàn, muôn muôn lần, mới đến địa vị nhơn phẩm. Nhơn phẩm nơi thế này lại còn chia ra phẩm giá mỗi hạng. Đứng bậc Đế vương nơi trái địa cầu này, chưa đặng vào bực chót của địa cầu 67, nhơn loại cũng phân ra đẳng cấp dường ấy. Cái quý trọng của mỗi địa cầu càng tăng thêm hoài, cho tới “Đệ nhất cầu”, “Tam Thiên Thế Giới”; qua khỏi “Tam Thiên Thế Giới” mới đến “Tứ Đại Bộ Châu” qua “Tứ Đại Bộ Châu” mới vào đặng “Tam Thập Lục Thiên” : vào “Tam Thập Lục Thiên” rồi phải chuyển kiếp tu hành nữa mới đặng lên đến Bạch Ngọc Kinh, là nơi Đạo Phật gọi là Niết Bàn đó vậy. Các con coi đó thì đủ hiểu các phẩm trật của các con nó nhiều là dường nào, song ấy là phẩm trật Thiên Vị.

Còn phẩm trật Quỷ vị cũng như thế ấy; nó cũng noi chước Thiên cung mà lập thành Quỷ vị, cũng đủ các phẩm đặng đày đọa các con, xử trị các con. Cái quyền hành lớn lao ấy do Thầy ban cho nó nên đặng quyền cấm dỗ các con, xúi biếu các con, giành giật các con, mà làm tay chơn bộ hạ trong vòng tôi tớ nó.

Thầy đã thường nói: hai đầu cân không song bằng thì tiếng cân chưa đúng lý. Luật công bình Thiêng Liêng phải vậy. Thầy lắm phen phải bị mất bị giật con cái của Thầy vì chúng nó.

Thầy đã chỉ rõ hai nẻo tà chánh, sang hèn rồi, vậy Thầy cũng chỉ phương hướng cho các con đi cho khỏi lầm lạc. Các con hiểu rằng: Trong “Tam Thiên Thế Giới” còn có Quỷ mị chuyển kiếp ở lộn cùng các con thay, huống lựa là “Thất Thập Nhị Địa” này sao không có cho đặng? Hại thay! Lũ quỷ lại là phần nhiều; nó bày bố ra mỗi nơi một giả cuộc mà dỗ dành các con.

Vì vậy Thầy đã nói tiên tri rằng: **Thầy thả một lũ hổ lang ở lộn cùng các con, lại hằng ngày xúi biếu nó cắn xé các con, song Thầy cho các con một bộ thiết giáp, chúng nó chẳng hề thấy đặng, là ĐẠO ĐỨC các con.**

Ấy vậy Đạo đức các con là phương phép khử trừ quỷ mị lại cũng là phương diu dắt các con trở lại cùng Thầy. Các con không Đạo thì là tôi tớ quỷ mị. Thầy đã nói Đạo đức cũng như một cái thang vô ngần, bắt cho các con leo đến phẩm vị tối cao, tối trọng, là ngang bực cùng Thầy, hay là Thầy còn hạ mình cho các con cao hơn nữa.

Vậy Thầy lại dặn các con: nếu kẻ không tu, làm đủ phận người, công bình, chánh trực, khi hồn xuất ra khỏi xác thì cứ theo đẳng cấp gần trên mà luân hồi lại nữa, thì biết chừng nào đặng hiệp hội cùng Thầy; nên **Thầy cho một quyền rộng rãi, cho cả**

nhơn loại cần khôn thế giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu đủ trở về cùng Thầy **đặng**; mà hại thay;...mất Thầy chưa đặng hữu hạnh hoan lạc thấy đặng kẻ ấy.

Vậy Thầy dạy: Đạo là nơi các con nên quý trọng đó vậy.

3. Con đường giải thoát là vào Đạo, giữ vững đức tin và Luật, Pháp đạo.

3.1-NHẬP MÔN & MINH THỆ

Môn nghĩa là cái cửa; nhập môn là vào cửa Đạo. Muốn trở thành đệ tử chính thức của tôn giáo Cao Đài, vị đó cần sự giới thiệu của hai người tín đồ để làm thủ tục nhập môn và minh thệ tại Thánh Thất.

3.2-TÙNG THỊ PHÁP ĐIỀU TAM KỲ PHỔ ĐỘ TẮT ĐẮC GIẢI THOÁT.

Trong DI LẶC CHƠN KINH do Đức Phật Thích Ca ban cho, có đoạn như sau:

*“Nhuộc hữu chúng sanh văn ngã ưng đương thoát nghiệp, niệm **Phật**, niệm **Pháp**, niệm **Tăng**, tùng thị **Pháp điều Tam-kỳ Phổ-độ**, tất đắc giải thoát luân hồi, đắc lộ Đa-La Tam-Diệu Tam-Bồ-Đề, thị chi chứng quả Cực-Lạc Niết-Bàn.”*

Tùng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ là sao?

Tam kỳ Phổ Độ là Phổ độ chúng sanh trong thời kỳ thứ ba.

Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ là hệ thống pháp luật của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gồm: PHÁP CHÁNH TRUYỀN, TÂN LUẬT, CÁC ĐẠO LUẬT, VÀ CÁC ĐẠO NGHỊ ĐỊNH.

Từ thời Thượng Ngươn đến nay, Đức Chí Tôn đã cho mở ra ba thời kỳ phổ độ để cứu giúp chúng sanh: Đó là Nhứt Kỳ Phổ Độ, Nhị Kỳ Phổ Độ và Tam Kỳ Phổ Độ:

Nhứt Kỳ Phổ Độ: Vào thời kỳ Thượng Ngươn có các giáo chủ mở các nền tôn giáo như DO THÁI GIÁO (Judaism), BÀ LA MÔN GIÁO & ẮN GIÁO (Hinduism), NHO GIÁO từ thời vua Phục Hy, TIÊN GIÁO do Đức Thái Thượng Lão Quân lập ra.

Nhị Kỳ Phổ Độ: Vào thời kỳ Trung Ngươn, có các giáo chủ xuống thế dạy Đạo như .

- Đức Thích Ca Mâu Ni chấn hưng lại Phật Giáo BÀ LA MÔN.
- Lão Tử chấn hưng Tiên Giáo, lập nên Lão Giáo.
- : Đức Khổng Tử chấn hưng Nho Giáo lập nên Khổng giáo.
- Đức Chúa Jésus Christ mở Thiên Chúa Giáo chấn hưng Do Thái giáo.

Tam Kỳ Phổ Độ: Vào thời kỳ Hạ Ngươn. Đức Chí Tôn dùng huyền diệu Thiêng Liêng giảng cơ mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một Tôn Giáo phổ độ chúng sanh trong thời Hạ Ngươn mật pháp này, với tôn chỉ là “ Qui nguyên Tam Giáo, Phục nhưt Ngũ chi”, chọn lựa tinh túy của các tôn giáo có từ trước và thêm vào đó những giáo lý mới mẻ chưa từng được giảng dạy..

Giải thoát luân hồi : Là cởi bỏ hết mọi sự khổ đau, phiền não đã trói buộc con người ở thế gian, hầu thoát khỏi luân hồi sanh tử.

Đắc lộ Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề thị chi chứng quả Cực Lạc Niết Bàn

Đắc lộ: Đạt được một con đường đi, có nghĩa là đắc Đạo.

Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề 多羅三藐三菩提: còn gọi là Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề do Phạm ngữ Samyak Sambodhi. A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề, đó là Quả vị tối cao của Đức Phật: Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác hay sự giác ngộ chân chánh hoàn toàn viên mãn.

Chứng quả : Người tu nhận thực được cái kết quả của việc tu hành. Đạt được quả vị.

Cực Lạc: Còn gọi là Tây Phương Cực Lạc, Cực Lạc Thế giới, Tây Phương Tịnh Độ hay An Lạc Quốc là một cõi Tịnh độ do Đức Phật A Di Đà giáo hóa. Theo Phật, Cực Lạc là một nơi hoàn toàn trong sạch, đẹp đẽ, an vui và hạnh phúc, không có phiền não, ô uế, thọ mạng dài lâu, trí tuệ cao diệu.

Niết Bàn: Phiên âm từ Phạm là Nirvana, có nghĩa chấm dứt, ra khỏi rừng phiền não. Niết Bàn là cảnh giới giải thoát, cứu cánh của bậc đã giác ngộ. Niết Bàn được diễn tả sự an lạc, thanh tịnh, bất tử, hạnh phúc... Theo Phật, Niết Bàn không phải là một xứ sở, nơi chốn ở ngoài không gian hay thời gian, mà phải hiểu Niết Bàn như là trạng thái an lạc nhờ thoát ra khỏi vòng sinh tử, luân hồi, và không còn chịu sự tác động của nghiệp.

Theo giáo lý nhà Phật, Sanh là một trong bốn cái khổ của con người, gọi là Tứ khổ: SANH, LÃO, BỆNH, TỬ. Hễ có sanh ắt phải có tử. Nhưng phải có sanh ở thế gian này, tức là phải được làm người để tu hành thì chơn linh mới có thể thăng tiến được. Đức Chí Tôn có nói: **“Đầu một vị Đại La Thiên Đế xuống phàm mà không tu, cũng khó trở lại địa vị đặng”**.

SANH là một con đường mà người khách trần mọn để đi lên, hay nói cách khác, con người phải có kiếp sống ở thế gian này nghĩa là phải đầu thai xuống thế giới hữu hình, có xác thân để được tu tâm sửa tánh, lập công bồi đức thì chơn linh mới có thể thăng tiến lên được.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thầy có nói: “*Sự thác (chết) cũng có khi vui mà cũng có lúc buồn. Người thế nếu biết sống, nghĩa là biết dụng mình cho có ích vào xã hội, biết dưỡng tánh tu thân, thì sự thác chẳng qua là sự mong mỏi của kẻ hành trình đã xong trách nhiệm, trở về phục sự đặng lãnh phần thưởng xứng đáng mà thôi*”.

Theo Cao Đài, muốn được an vui, thoát khổ thì người tu tập phải lo tu tâm dưỡng tánh và tạo lập công quả: “ **Thầy lập Đạo kỳ này là mở một trường thi công quả. Các con phải đi tại cửa này mới đến đặng nơi Cực Lạc mà thôi**”.

Thượng Đế hóa sinh ra vạn linh, trong đó con người được phú cho tánh thiện lành, gọi là Thiên tánh hay Phật tánh. Vì nghiệp quả, phải luân hồi sinh tử, nên con người không thấy được nguyên tánh, hay còn gọi là bản lai diện mục. Do vậy, kẻ hành giả phải giác ngộ tu hành để thấy trở lại Thiên tánh của mình, gọi là kiến tánh.

CHƯƠNG HAI

CÁI CHẾT TUY XA MÀ GẦN

TIẾT 1. CÁI CHẾT TUY XA MÀ GẦN

Theo lời giảng của ngài ĐA LAI LẠT MA thứ 14, cái chết là điều nhất định sẽ đến với con người, nhưng khi nào nó giáng xuống thì không biết được. Chúng ta không thể hoàn toàn quả quyết rằng người già sẽ chết trước và người trẻ còn ở lại phía sau.

Điều này cũng ứng dụng cho sự thực hành Pháp: chuẩn bị cho điều tồi tệ nhất vì không ai trong chúng ta biết được khi nào mình chết. Mỗi ngày chúng ta biết tin về cái chết trong báo chí hay cái chết của một người bạn, của người nào đó mà ta biết mang máng, hay của một người thân. Chúng ta vẫn còn bám chặt vào ý tưởng rằng điều đó sẽ không xảy ra cho ta.

Chúng ta nghĩ rằng mình được miễn trừ đối với sự vô thường, và vì thế chúng ta hèn lèn hèn hồi sự tu hành tâm linh, và cho rằng ta sẽ còn thời gian trong tương lai. Khi thời điểm không thể tránh khỏi xảy tới, điều duy nhất chúng ta phải mang đi là niềm hối tiếc. Những thanh thiếu niên trông rất mạnh mẽ và khỏe khoắn nhưng bất ngờ chết trẻ là những vị Thầy thực sự dạy cho chúng ta về sự vô thường. Hầu hết mọi người đều mất quá nhiều năng lực và thời gian chỉ để cố gắng có được một ít thành đạt và hạnh phúc trong đời này. Nhưng vào lúc chết, mọi hoạt động thể tục của ta, như sự chăm sóc những người thân và bằng hữu, và sự đua tranh với những đối thủ, đành phải bỏ lại dang dở. Một trong những mục đích của cuộc tiến hóa là con người phát triển tiềm năng và làm chủ các cõi trong vũ trụ, nói rộng ra là theo đà tiến hóa, con người sẽ dần thức tỉnh ở các cõi, và chẳng những vậy, đạt tới mức duy trì tâm thức khi

đi từ cõi này sang cõi kia. Nó có nghĩa con người khi phát triển tâm linh đầy đủ sau khi từ cõi trần sang ở cõi trung giới (cõi âm quang) sẽ sớm tỉnh thức nơi đây.

Ai quá thiên về thuyết duy vật, không tin vào đời sống sau khi chết thì theo luật, họ sẽ không có đời sống bên kia cửa tử. .

Đời sống sau khi chết được tạo nên bởi ước vọng của họ, và sự phát triển tinh thần sẽ nảy nở ở cõi tinh thần. Đời sống sau khi chết tùy thuộc vào mức tăng trưởng tinh thần của con người, và nó chỉ là cái bổ túc làm cho toàn vẹn đời sống ở cõi trần. Mọi ước ao tinh thần chưa được thỏa mãn, ham muốn về một đời sống thanh cao hơn, những mơ tưởng, nguyện ước thanh cao nhất sẽ kết thành hoa trái trong đời sống tinh thần. Nhưng nếu những ai không có ước vọng, không tin có Thượng đế, không tin có linh hồn, không tin vào đời sống sau khi chết, thì người đó không có vật liệu gì để xây dựng đời sống tinh thần, nên linh hồn như say ngủ và không học hỏi được gì ở cõi Hư linh.. . Theo quan điểm huyền bí học, sự cứng đầu như vậy cho hệ quả rất bất lợi khi họ qua đời. Bỏ phí rất nhiều năm tháng để say ngủ thì rõ rệt là làm chậm trễ sự tiến hóa, mà nhiều người tự tạo điều kiện này cho mình lại không phải là linh hồn chưa phát triển. Họ có thể rất hữu ích nơi cõi cao, thành ra viễn ảnh ngủ mê man là điều nên tránh càng xa càng tốt.

TIẾT 2. PHÉP XÁC CẮT ĐỨT 7 DÂY OAN NGHIỆT

Nếu ta chấp nhận rằng vũ trụ có nhiều cõi giới khác nhau và mỗi thể con người tương ứng với một cõi, thì ta thấy ngay rằng thể xác cấu tạo bằng nguyên tử cõi trần nên chỉ dùng trong cõi này được thôi.

Các thể khác cũng có giác quan riêng của nó và khi giác quan thể vĩa được khai mở, ta có thể quan sát các cõi giới vô hình dễ dàng. Khi từ trần, thể xác tiêu hao, các giác quan không còn sử dụng được nữa thì linh hồn sẽ tập phát triển các giác quan thể vĩa ngay. Nếu biết cách khai mở các giác quan này khi còn sống, ta có thể nhìn thấy cõi âm một cách dễ dàng.

Trên thế gian này, không ai toàn thiện hay toàn ác. Trong mỗi chúng ta đều có các chủng tử xấu, tốt do các duyên, nghiệp từ tiền kiếp để lại; tùy theo điều kiện bên ngoài mà những chủng tử này nảy mầm, phát triển hay thui chột, không thể phát triển. Một người tu thân là một người biết mình, lo vun xới tinh thần để các nhân tốt phát triển, giống như người làm vườn lo trồng hoa và nhổ cỏ dại. Thực ra, khi sống và chết, con người không thay đổi bao nhiêu.

Khi chết các giác quan thể xác đều không sử dụng được nữa, nhưng người chết vẫn theo dõi mọi sự dễ dàng vì các giác quan thể vĩa. Khi mới từ trần, người chết luôn quanh quẩn bên gia đình, bên những người thân nhưng theo thời gian, khi ý thức hoàn cảnh mới, họ sẽ tách rời các ràng buộc gia đình để sống hẳn ở cõi giới của họ.

Sự chết là bước vào một đời sống mới, các sinh lực từ trước vẫn hướng ra ngoài, thì nay quay vào trong, **linh hồn từ từ rút khỏi thể xác bằng một bí huyết trên đỉnh đầu**. Do đó, hai chân từ từ lạnh dần rồi đến tay và sau cùng là trái tim. Lúc này người

chết thấy rất an tĩnh, nhẹ nhàng không còn bị ảnh hưởng vật chất. Khi linh hồn rút lên óc, nó sẽ khơi động các ký ức, cả cuộc đời sẽ diễn lại như cuốn phim. Hiện tượng này gọi là “hồi quang phản chiếu”(Memory projection). Đây là một giây phút hết sức quan trọng vì nó ảnh hưởng rất lớn đến đời sống cõi bên kia. Sợi dây từ điện liên hệ giữa thể xác và thể phách sẽ đứt hẳn. Đây là lúc người chết hoàn toàn hôn mê, vô ý thức để linh hồn rút khỏi thể phách và thể vía bắt đầu lo bảo vệ sự sống của nó bằng cách xếp lại từng lớp nguyên tử, lớp nặng bọc ngoài và lớp thanh nhẹ ở trong.

Trong tôn giáo Cao Đài, phép xác là bí pháp để cắt đứt bảy dây từ điện của bảy bí huyệt chánh. Sự sống của con người do nơi Khí Sanh quang nuôi nấng. Khí Sanh quang nơi mình chúng ta tụ tại 7 khiếu làm nên điện lực. Hễ còn điện lực thì thi hài còn sự sống để di chuyển sinh hoạt, dứt điện lực thì thi hài phải bất động, cứng ngắt.

Kể từ lúc năng lực mòn mỏi cho đến ngày tuyệt khí Sanh quang là một thời gian dài ngắn tùy theo quả kiếp của con người, chẳng một vị tu hành nào đã đạt pháp mà định đặng cái thời gian ấy nổi. Có nhiều kẻ đã chết mà cái năng lực Sanh quang ấy hãy còn, chỉ còn mảy mún mà thôi, nhưng cái mảy mún ấy nó làm cho cái dây điện lực truyền sự đau đớn của thi hài lại với tâm hồn. Sự đau đớn ấy đã quá sức phạm tình để hiểu. Ấy là một quả kiếp đáng ghê sợ. Hễ còn biết đau thì còn tưởng đến mình, tưởng đến mình thì còn nhớ sự đời, nhớ sự đời thì còn thương kiếp sống, thương kiếp sống thì còn chuyển kiếp luân hồi.

Vì Chí Tôn biết lẽ ấy là một lẽ đày đọa cả con cái của Người, nên Người nhưt định dùng diệu pháp cắt 7 cái mối năng lực gọi là Thất khiếu Sanh quang, phàm gọi là 7 dây oan nghiệt, đặng cho chơn thần xa lìa xác tục, rồi cũng dùng diệu pháp mà đưa vào cõi hư linh, mới rõ ràng là cơ tận độ.

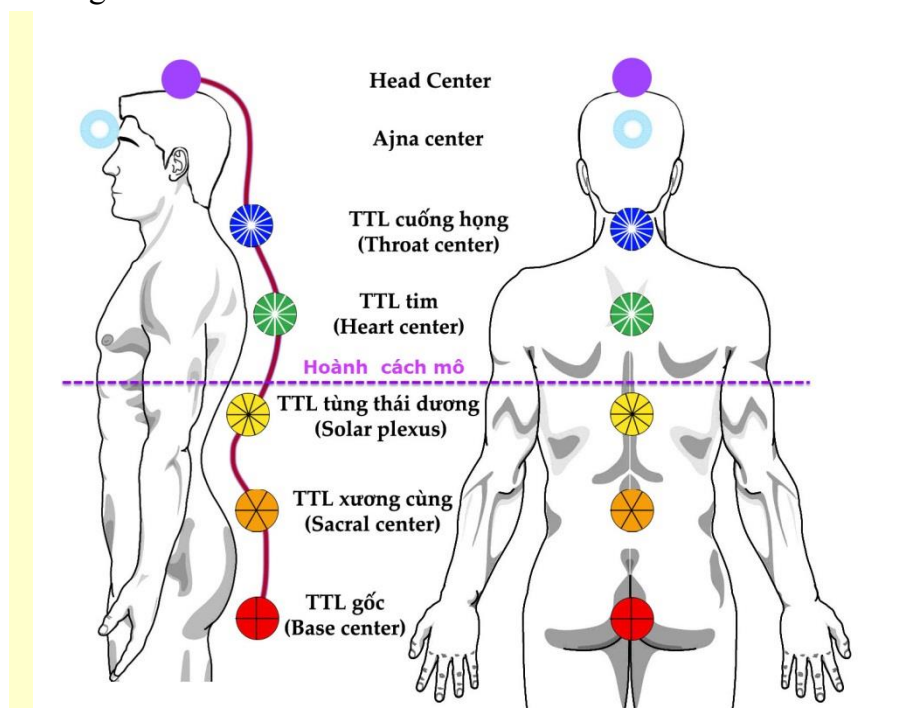
Ấy vậy, làm Phép xác cốt yếu là tám gội xác tục và hồn với giọt nước Cam lồ, cắt đứt 7 dây oan nghiệt cho chơn thần lìa khỏi xác, rồi đưa chơn thần vào cõi Hư linh.

HÀNH PHÉP ĐOẠN CĂN

Xương tụng Bài kinh CẦU HỒN lần thứ nhì, khi Đồng nhi tiếp đọc rồi thì Người Hành Pháp lấy cái kéo cầm như khi nầy, đoạn định Thần cho thấy xác người chết, đi vòng chung quanh cắt bảy dây oan nghiệt ấy ở bảy nơi:

- trên đầu mỏ ác
- ngay trán.
- ngay cổ
- ngay tim
- ngay hông bên trái
- dưới dạ dưới

-dưới xương khu



Hình 7 bí huyết chánh (internet)

TIẾT 3. CỐI TRẦN & CỐI ÂM

Các cõi thật ra ở cùng một nơi chỉ khác nhau ở chiều không gian và thời gian. Sang cõi âm là sự chuyển tâm thức, sử dụng giác quan thể vía để nhận thức chứ không phải đi đến một nơi nào hết. Sở dĩ cõi trần không thấy cõi âm vì nguyên tử cấu tạo nó quá nặng nề, rung động quá chậm không thể đáp ứng với sự rung động nhanh của cõi âm. Quan niệm về không gian cũng khác vì đây là cõi tư tưởng, nghĩ đến đâu là ta đến đó liền, muốn gặp ai chỉ cần giữ hình ảnh người đó trong tư tưởng ta sẽ gặp người đó ngay. Khi di chuyển ta có cảm giác như lướt trôi, bay bổng vì không còn đi bằng hai chân như thể xác.

Cầu siêu cho vong linh là một điều hết sức quan trọng và ích lợi, vì nó chứa đựng một sức mạnh tư tưởng vô cùng mãnh liệt. Oai lực lời kinh và âm hưởng của nó thật là vô cùng ở cõi âm nếu người ta tụng niệm chú tâm, sử dụng hết cả tinh thần. Tiếc thay, người đời chỉ coi tụng niệm như một hình thức. Họ chỉ biết đọc các câu kinh trên đầu môi, chót lưỡi chứ không biết tập trung tinh thần, nên mất đi phần nào hiệu nghiệm.

Đời sống cõi trần chỉ là một phần nhỏ của chu kỳ kiếp sống. Chu kỳ này được biểu hiện bằng một vòng tròn mà sự sống và chết là những nhịp cầu chuyển tiếp giữa hai cõi âm, dương, giữa thế giới hữu hình và vô hình. Trên con đường tiến hoá, còn hằng

ha sa số các chu kỳ, các kiếp sống cho mỗi cá nhân. Linh hồn từ cõi thượng giới cũng phải qua cõi trung giới. Phần ở cõi trần chỉ là một phần nhỏ của một kiếp sống mà thôi. Trong chu kỳ này, phần quan trọng ở chỗ vòng tròn tiến sâu vào cõi trần và bắt đầu chuyển ngược trở lên, đó là lúc linh hồn hết tha thiết với vật chất, mà có ý hướng về tâm linh. Các cổ thư đã vạch ra một đời sống ở cõi trần như sau:

- 25 năm đầu để học hỏi,
- 25 năm sau để lo cho gia đình, đây là giai đoạn tiến sâu vào trần thế,
- 25 năm sau nữa phải từ bỏ việc đời để lo cho tâm linh, đó là thời điểm quan trọng để đi ngược lên, hướng về tâm linh, và
- 25 năm sau chót phải từ bỏ tất cả, chỉ tham thiền, quán tưởng...

Sự phân chia chỉ tương đối, như đạo và thiên đạo không tách ra riêng rẽ mà song song cùng nhau nếu có thể. Trong giai đoạn học hành, ta để một ít thời gian để học giáo lý hoặc đọc những loại sách hướng về tinh thần. Trong giai đoạn lo cho gia đình, chúng ta để chút tiền bạc và thời gian làm công tác thiện nguyện thay vì giải trí. Trong thời điểm lo cho tâm linh, chúng ta để chút thì giờ giảng dạy, viết sách, in ấn kinh sách để truyền giáo v.v.

Tuy cõi trần hư ảo, nhưng nó có những lợi ích của nó, vì con người chỉ có thể tìm hiểu, và phát triển xuyên qua các rung động thô thiên này thôi. Cõi trần có các bài học mà ta không tìm thấy ở đâu khác. Chính các bậc chân tiên, bỏ tất trước khi đắc quả vị đều phải chuyển kiếp xuống trần, làm các công việc vĩ đại như một thử thách cuối cùng. Muốn khai mở quyền năng, con người phải tiếp nhận các bài học ở cõi trần, nhờ học hỏi những bài học này, họ mới trở nên nhạy cảm với các rung động ở cõi trên.

TIẾT 4. HỎA TÁNG

Ma quỷ thường xuất hiện ở nghĩa địa, điều này ra sao? Sự hiện hình ở nghĩa địa chỉ là hình ảnh của thể phách đang tan rã, chứ không phải ma quỷ. Khi ta chết, thể xác hư thối thì thể phách vốn là thể trung gian giữa thể xác và thể vía cũng tan rã theo. Thể phách được cấu tạo bằng những nguyên tử tương đồng với nguyên tử cõi trần. Nhưng trong đó có nhiều nguyên tử ‘dĩ thái’, nên nhẹ hơn, nó thu thập các sinh lực còn rơi rớt trong thể xác, để cố gắng kéo dài sự sống thêm một thời gian nữa. Vì đang tan rã nên thể phách không hoàn toàn, do đó, đôi khi ta thấy trên nghĩa địa có những hình ảnh người cụt đầu, cụt chân, bay là là trên các nấm mồ, người không hiểu thì gọi đó là ma.

Việc thiêu xác tốt đẹp hơn việc chôn cất, vì để thể xác tan rã từ từ làm cho linh hồn đau khổ không ít và thường ở trong một giai đoạn hôn mê, bất động một thời gian rất lâu. Thiêu xác khiến vong linh thấy mình không còn gì quyến luyến nữa nên siêu thoát nhanh hơn nhiều.

Sau khi mất, theo thời gian các nguyên khí cao dần dần được gỡ bỏ ra khỏi Thể Phách, bấy giờ đến lượt Thể Phách trở thành một xác chết dĩ thái, vốn vẫn còn ở gần thể xác, cả hai cùng nhau tan rã. Những hồn ma dĩ thái này thường được nhìn thấy ở nghĩa trang, đôi khi là đám sương mù hoặc ánh sáng màu tím hay màu trắng xanh

xanh, nhưng nó thường biểu diễn thành một hình dáng khó chịu vì phải trải qua đủ thứ giai đoạn phân rã. Một trong những lợi ích lớn của việc thiêu xác là nhờ thiêu hủy được xác phàm cho nên Thể Phách cũng bị mất đi sào huyết của mình và do đó nhanh chóng tan rã. **Một người đã chết hoàn toàn không thể cảm thấy những hiệu lực của lửa đối với cơ thể đã bị vứt bỏ của mình, bởi vì xét về sự chết thì vật chất Thể Vía và Thể Phách đã hoàn toàn tách rời khỏi xác phàm. Người chết không còn cảm nhận đau đớn do sức nóng của lửa nữa.**

Hỏa táng là hình thức an táng người qua đời bằng cách dùng lửa để thiêu xác người chết. Thuật ngữ nhà Phật dùng chữ “trà tỳ” để thay cho từ hỏa táng, do vậy lễ hỏa táng của đức Phật và các đệ tử của Ngài thường được gọi là lễ Trà tỳ. Hình thức lễ táng này theo một bài viết được đăng tải trên tạp chí TIME của Mỹ cho biết, việc hỏa thiêu người chết đang trở thành xu thế mới ở Mỹ và nhiều quốc gia trên khắp thế giới. Ngày xưa thì xác người chết được đốt bằng củi. Sau khi cháy hết, người thân thân nhật tro cốt của người chết rồi rải trên núi rừng, hay thả xuống sông, biển... Ngày nay, xác người chết thường được đem đến lò thiêu đốt bằng gas hay điện, sau đó sẽ thu lấy tro cốt để vào trong một cái hũ, lọ... rồi đem thờ tại chùa, nhà thờ, hay trong nhà, hoặc rải xuống sông biển, hay trên núi rừng... để gieo duyên với vạn loại chúng sanh, hay mang ý nghĩa “xác thân tứ đại trả về với tứ đại.”

Được biết giấy ủy quyền về y tế và hậu sự gọi tắt là **AHCD (Advanced Health Care Directives - Chỉ Thị Trước về Chăm Sóc Sức Khỏe)** hiện được công nhận là văn bản pháp lý cho ước nguyện của người mất lúc còn sống. Không chỉ chuẩn bị cho việc ra đi về đời sống tâm linh, mỗi người còn phải tự soạn cho mình một chúc thư cho gia đình và văn bản **CHỈ THỊ TRƯỚC VỀ SỨC KHỎE** để chuẩn bị cho sự ra đi. Như thế, người chết được ra đi thanh thản bình an và người ở lại không bối rối, lo lắng cho tang lễ.

PHẦN KẾT :

Không ai có đủ thứ nhưng niềm vui hưởng đủ thứ thì vô cùng tận. Điều hòa cuộc sống để cân bằng giữa vật chất và tinh thần, giữa nhơn đạo và thiên đạo là bài học quý giá của một kiếp người. Người có chí tu hành biết lấy đời sống làm đạo trường.

Tu hành không phải mỗi ngày xem đã lạy bao nhiêu lạy, tụng bao nhiêu thời kinh mà chủ yếu ngay trong sinh hoạt hàng ngày chúng ta tu giữa đời thường bằng cách giữ tâm tốt, nói lời tốt, làm việc tốt. Sống biết tôn trọng người khác và tùy hỷ tùy duyên giúp người; Sống hữu ích cho đời; sống sao cho tròn nhơn nghĩa. Đó là cách tu hành tốt nhất cho phần lớn nhân loại. Riêng đối với tín đồ Cao Đài, phải giữ Pháp điều của Đạo như **PHÁP CHÁNH TRUYỀN, TÂN LUẬT, ĐẠO LUẬT NĂM MẬU DẦN.**

Chết không phải hết, linh hồn chúng ta sẽ tiếp tục sinh hoạt trong thế giới vô hình, không cần thể xác. Luật nhân quả, luật tiến hóa và các luật Thiêng liêng khác sẽ tác động đến linh hồn ta, ảnh hưởng đến kiếp sau của ta. Chúng ta hãy tự hỏi “mình sẽ làm gì nếu chỉ còn một ngày để sống?”

Nhạc sĩ Hoài An đã viết nên bài hát rất hay, và đầy ý nghĩa, xin trích một đoạn để chúng ta cùng suy gẫm về cuộc đời và về đạo làm người::

*Nếu chỉ còn một ngày để sống. Làm sao ta trả ơn cuộc đời?
Làm sao ta đền đáp bao người? Nâng ta lên, qua bước đời chênh vênh.
Nếu chỉ còn một ngày để sống. Làm sao ta chuộc hết lỗi lầm?
Làm sao ta thanh thản tâm hồn? Xuôi đôi tay đi giữa hừng đông...
Nếu chỉ còn một ngày để sống. Muôn màng không lời hối lỗi chân thành?
Buồn vì ai? Ta làm ai buồn? Xin bao dung tha thứ vì nhau.
Nếu chỉ còn một ngày để sống. Chợt nhận ra, cuộc đời quá đẹp!
Phải chăng ta có lúc vội vàng. Nên ra đi chưa được bình an...*



PHỤ LỤC 1

NỮ TIÊN ĐOÀN THỊ ĐIỂM DẠY GÌ VỀ ĐỜI SỐNG THẾ GIAN

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN là một tác phẩm đặc biệt trong kho tàng văn chương Việt nam. Tác giả là Nữ sĩ Đoàn thị Điểm, vốn rất nổi tiếng với tác phẩm CHINH PHỤ NGÂM.

Bà Đoàn Thị Điểm mất năm Đinh Mão (1748). Đến khi Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào năm Bính Dần (1926), mở ra thời kỳ Đại Ân Xá, Bà mới có dịp lập công quả bằng cách giảng cơ viết ra tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận (1933) để giáo hóa và cứu độ các tín đồ Nữ phái, nhờ đó, Bà mới được trở về ngôi vị cũ là một Nữ Tiên nơi Diêu Trì Cung. Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo ngày 26-10-Tân Mão (dl 24-11-1951) có nói về Bà Đoàn Thị Điểm như sau: “Khi Bà Đoàn Thị Điểm qui vị, bị ngôi nơi Thanh Tịnh Đại Hải Chúng, nhờ Cô Thất Nương xuống độ Bà về Lôi Âm Tự, rồi nhờ Bà viết ra một cuốn Nữ Trung Tùng Phận, Bà mới siêu thoát được”.

Như vậy, dù nguyên căn là một vị Nữ Tiên nơi Diêu Trì Cung, Bà Đoàn Thị Điểm vì thiếu công quả cứu độ chúng sanh, nên khi qui liễu, Bà không được trở về ngôi vị cũ nơi cõi thiêng liêng. Khi Thất Nương Diêu Trì Cung tạo cơ hội cho Bà lập công quả, Bà mới giảng cơ viết nên tác phẩm NỮ TRUNG TÙNG PHẬN gồm 1401 câu thơ song thất lục bát.

Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giảng cơ viết Nữ Trung Tùng Phận, khởi đầu vào đêm 26-2-Quý Dậu (dl 21-3-1933) tại Giáo Tông Đường Tòa Thánh Tây Ninh.

Sau đó, vào năm 1935, Tiên Nương Đoàn Thị Điểm được lệnh Ôn Trên giảng cơ ban cho Đạo Cao Đài 8 Bài Kinh Thế đạo dùng để tụng trong tang lễ của tôn giáo CAO ĐÀI, kể ra sau đây:

1. Kinh tụng khi Vua thăng hà.
2. Kinh tụng khi Thầy qui vị.
3. Kinh cầu Tổ Phụ đã qui liễu.
4. Kinh tụng Cha Mẹ đã qui liễu.
5. Kinh cầu Bà con Thân bằng Cố hữu đã qui liễu.
6. Kinh tụng Huynh đệ mãn phần.
7. Kinh tụng khi chồng qui vị.
8. Kinh tụng khi vợ qui liễu.

Dưới đây là những trích đoạn trong tác phẩm NỮ TRUNG TÙNG PHẬN nói về Đạo lý sống ở thế gian, sao cho tròn cả Nhơn đạo và Thiên đạo:

1109. **Ngắm thế cuộc chẳng bằng một giắc,
Kiếp phù sinh đặng thất là bao.
Nhặng là đeo thắm chác sâu,
Tóc xanh cho tới bạc đầu cũng in.**

117. **Nào vui gượng do cơn khóc lỡ,
Nào là khi chịu tở làm thầy.
Quyền là chi? Lợi là chi?
Dứt hơi ba tấc có gì gọi hay.**

* Chịu tở làm thầy: Chịu nhịn nhục vì gặp kẻ không ra gì mà lên mặt làm thầy dạy đời.

1125. **Nào chữa đẻ biết bao khổ nhọc,
Nào hơn thua theo học sách đời.
Tang thương lúc biến khi dờn,
Trăm năm e cũng một đời thế thôi.**

- Chữa đẻ: Người phụ nữ có chồng thì có chữa và đẻ ra đứa con. Đó là nhiệm vụ cao quý mà Trời giao phó cho phụ nữ để di truyền nòi giống loài người.
- Sách đời: Cuộc đời ví như một cuốn sách, có đủ các bài học, đủ các môn học thiện ác, chánh tà, từ thấp lên cao.

Các thành ngữ Tang thương, Tang hải, Bể dâu,... là để chỉ sự biến đổi luôn luôn xảy ra trong cuộc đời.

1129. **Nào tranh đấu thắng rồi lại thất,
Của phù du chứa chất gọi giàu.
Thân còn đã quý là bao,
Dứt hơi của cải thế nào không hay.**

1133. **Thiệt thì bỏ, giả vay nên nợ,
Mãn căn sanh chưa mở dây oan.
Kìa là vua, nợ là quan,
Cũng như bọn hát hý tràng bán vui.**

- Căn sanh: Cái số phận của kiếp sông con người. Mãn căn sanh: Hết một kiếp sống.
- Dây oan: Sợi dây oan nghiệt. Mình làm người ta thù giận mình thì sự thù giận ấy tạo thành sợi dây oan nghiệt ràng buộc mình, kiếp này phải đền trả theo đúng luật nhân quả. Khi trả xong thì sợi dây oan nghiệt này mới tiêu mất.
- Hý tràng: Hý trường, rạp hát. Bán vui: Bọn đào kép thì bán vui, người đi coi hát thì mua vui.
- Câu 1133: Người đời thường vô minh, nên cái thiệt thì bỏ đi, lại ham thích cái giả, tìm kiếm cái giả để mà vay mượn nên phải mắc nợ. Vì mắc nợ nên con

người cứ mãi trầm luân trong cõi trần để vay vay trả trả, hết kiếp này sang kiếp khác. Vậy cái nào là Thiệt? Cái nào là Giả?

Đức Chí Tôn dạy rằng: “Việc chi do người đều phàm cả, nó không bền, thường thường bị hư hỏng và tiêu tan ngay sau khi người đã được nó tặng bị cướp mất sự sống. Các con nên tìm phẩm tước nơi cõi thiêng liêng, tước phẩm ấy mới là vĩnh viễn. ... Các con nên tìm sự giàu có trong đức tính của Trời. Chỉ có cách đó mới là vĩnh cửu. Của quý ấy không ai ăn cướp đặng cả. ... Danh quyền nơi Trời là bền như đá, và danh quyền ấy mới chịu đựng nổi bao thử thách”.

Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung bạch: Mấy con phải làm sao mà tìm được phẩm tước, của cải, danh vọng nơi Trời?

Thầy trả lời: TU. (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, trang 136)

1145. **Mạnh hiếp yếu lấy gan hung bạo,
Dữ lẩn hiền gươm giáo là hơn.
Nhặng lo chác oán mua hờn,
Hại nhau chẳng biết nghĩa hơn thế nào.**

1169. **Trương thẳng cánh con thuyền Bát Nhã,
Cởi đau thương giải quả trừ khiên.
Lấy thân rửa thảm lau phiền,
Đem công chuộc khách thuyền quyền lụy tình.**

- Thuyền Bát Nhã: Thuyền Trí huệ.
- Giải quả: Cởi bỏ hết các kết quả xấu do các ác hành đã gây ra trong kiếp trước. Đó là Nghiệp quả xấu cần phải cởi bỏ ra.
- Trừ khiên: Trừ diệt các tội lỗi trong kiếp trước gây ra.
- Lấy thân: Dùng cái tấm thân tu hành này. Đem công: Lấy cái công quả lập được do tu hành.

1177. **Đạp giày cỏ nương cây gậy bá,
Mặc áo tơ nón lá che thân.
Trừ trần cấu, xử phát trần,
Quen bờ biển trí, dựa gần non nhân.**

- Giày cỏ: Chữ Hán là Thảo hài. Thảo là cỏ, hài là giày. Đây là giày của các đạo sĩ thời xưa làm bằng loại cỏ mềm kết lại. Giày cỏ thô kệch, nhưng không tốn tiền mua. Đây là giày của người tu.
- Gậy bá: Cây gậy làm bằng cây trúc.
- Trần cấu: Trần là bụi, cấu là cấu ghét dơ bẩn. Trần cấu là chỉ những xấu xa dơ bẩn nơi cõi trần.
- Phát trần: Phát là quét, trần là bụi. Phát trần là cây chổi Tiên để quét các thứ bụi dơ dáy của cõi trần bám vào Chơn thân, làm cho Chơn thân được trong sạch nhẹ nhàng, có thể bay lên cõi Tiên. Phát trần còn được gọi là Phát chủ, là

bửu bối đặc biệt của các vị Tiên, nên Phát trần được dùng làm Cổ pháp tượng trưng Đạo Tiên (Tiên giáo).

- **Biển trí:** Trí là sự sáng suốt hiểu biết. Biển trí là sự hiểu biết rộng như biển, đó là Trí huệ. Người có trí huệ thì hết mê lầm, tức là giác ngộ, mà giác ngộ thì đắc thành Tiên, Phật. Ở đây, biển trí chỉ cõi Tiên hay cõi Phật. Quen bờ biển trí: Thường đi đến cõi Tiên.
- **Non nhân:** Nhân là lòng thương người mền vật, thương khắp chúng sanh. Non nhân là lòng thương người lớn như núi. Đó chính là lòng từ bi bác ái của Phật. Ở đây, non nhân là chỉ cõi Phật.

Câu 1179: Dùng cây Phát trần để quét sạch các thứ dơ bẩn của cõi trần đã bám vào Chơn thân.

1185. **Gót nhân ái đến nhà kẻ bệnh,
Giọng từ bi thức tỉnh hung tâm.
Giữa cơn náo loạn trời cầm,
Lấy hơi hòa nhã dẹp lần bỉ thô.**

- **Gót nhân ái:** Bước chân của người có lòng nhân ái, luôn luôn muốn cứu giúp chúng sanh. **Giọng từ bi:** Lời nói từ bi.
- **Náo loạn:** Ý nói lúc cang thường điên đảo, đạo đức suy đồi, mạnh ai nấy tranh đua giựt giành danh lợi.

Hai câu 1187-1188: Giữa cuộc đời đang lúc náo loạn, người tu cần phải nói lên lời đạo đức giống như trời lên khúc nhạc hòa nhã để thức tỉnh người đời, dẹp lần điều xấu xa bỉ ổi.

1197. **Câu tư dục biến ra bác ái,
Nghiệp oan khiên đổi lại hồng ân.
Khi kinh Thánh, lúc kệ Thần,
Đoạn trường diệt dứt nợ nần nữ lưu.**

- **Tư dục:** lục dục khiến con người hành động theo cảm xúc: giận hờn, ganh ghét, tham lam, ích kỷ.
- **Nghiệp oan khiên:** Sự hờn giận và tội lỗi do mình gây ra tạo thành cái nghiệp xấu ảnh hưởng lên đời mình, làm cho mình phải chịu nhiều đau đớn sầu khổ.
- **Hồng ân:** Ôn huệ to lớn do Trời ban cho. Theo Giáo lý của Đạo Cao Đài, sau khi nhập môn cầu đạo, người tín đồ được hưởng Phép Giải Oan, cởi bỏ hết các oan khiên nghiệp chướng, lại hưởng được hồng ân của Đức Chí Tôn, mà dốc chí tu hành.

1209. **Nắm huệ kiếm định thân trái chủ,
Mặc đạo y sạch giữ phồn hoa.**

**Nơi bến khổ để bước già,
Xuân xanh nơi dấu xây tòa anh phong.**

1229. **Lấy tâm chánh làm cân đong thế,
Cậy lòng lành làm kế diu đời
Chông gai vạch bước thẳng thời,
Cầm phương cứu khổ độ người trầm luân.**

Câu 1229: Lấy chánh tâm để xác định giá trị thực của những thứ hiện diện trong cõi đời.

Câu 1231: Chỉ cho thấy những neo chông gai của cuộc đời, vạch ra con đường đưa đến cảnh thẳng thời nhân hạ.

1241. **Lánh bợn tục tình thâm cũng tránh,
Trốn đau thương xa cảnh trần gian.
Biển thân hạc nội mây ngàn,
Nắm phan Tiếp Dẫn, mở đàng Lô Âm.**

- Bợn tục: Những thứ dơ bẩn ô trược nơi cõi trần.
- Hạc nội mây ngàn: Ý nói tự do, thung dung tự tại như con hạc ngoài đồng, muốn bay đâu thì bay; như đám mây trên rừng, bay tự do theo gió. Nội là đồng cỏ, ngàn là rừng.

Lý Bạch viết:

Lung kê hữu mẽ than oa cận, Dã hạc vô lương thiên địa khoan.

Nghĩa là:

Con gà trong lồng có lúa đầy bụng mà nội nước sôi kế bên;
Con hạc ngoài đồng túng thiếu lương thực nhưng Trời Đất rộng thênh, mặc tình cao bay xa liệng.

Ý nói chẳng thà làm con hạc ngoài đồng bữa đói bữa no mà được tự do thoải mái, hơn là làm con gà bị nhốt trong lồng, mất tự do mà nội nước sôi kế bên, không biết bị cắt cổ làm thịt lúc nào.

- Phan Tiếp Dẫn: Cây phướn Tiếp Dẫn của vị Phật gọi là Tiếp Dẫn Đạo Nhơn, dùng để hướng dẫn các chơn hồn đắc đạo đến Cực Lạc Thế giới. Nơi kinh đô của Cực Lạc Thế giới có chùa Lô Âm (Lôi Âm Tự), là nơi ngụ của Đức Phật Thích Ca và Đức Phật A-Di Đà. Phan là cây phướn dẫn đường.

Câu 1243: Biến cái thân của mình thẳng thời như con chim hạc ngoài đồng, như đám mây trên rừng, không còn vướng bận việc đời.

Câu 1244: Theo cái phướn Tiếp Dẫn của vị Phật Tiếp Dẫn Đạo Nhơn mở đường để đi đến chùa Lô Âm ở cõi Cực Lạc Thế giới.

1249. **Bế ngũ quan, không kiêng tục tánh,
Diệt lục trần, xa lánh phạm tâm.
Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,**

Đoạt phương tự diệt giải phần hữu sanh.

- Ngũ quan: Năm giác quan của con người: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân (Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Da của thân thể).
- Lục trần: Sáu thứ dơ bẩn nơi cõi trần. Trần là bụi, chỉ cái dơ bẩn. Nhà Phật cho là dơ bẩn vì làm cho cái tâm dơ bẩn, nhưng lại rất hấp dẫn đối với con người đời. Lục trần gồm: Sắc, Thính, Hương, Vị, Xúc, Pháp (Sắc đẹp, Âm thanh, Mùi thơm, Đồ ăn ngon ngọt, Sự tiếp xúc trên da thịt, Ý tưởng).

Lục trần kêu gọi các giác quan của con người, làm con người ham muốn, tạo thành Lục dục tức sáu điều ham muốn. Lục dục gồm: Sắc dục, Thính dục, Hương dục, Vị dục, Xúc dục, Ý dục.

- Mắt nhìn thấy Sắc đẹp thì sanh ra Sắc dục.
- Tai nghe âm thanh êm dịu, lời ngon ngọt thì sanh ra Thính dục.
- Mũi ngửi mùi thơm dễ chịu thì sanh ra Hương dục.
- Lưỡi nếm sự ngon ngọt béo bùi thì sanh ra Vị dục.
- Da thịt tiếp xúc sự mềm mại thì sanh ra Xúc dục.
- Ý tưởng thích được mền khen sanh ra Ý dục.

- Bê ngũ quan: Đóng 5 giác quan lại, không cho lục trần cám dỗ. Không kiêng: Không nể sợ. Tục tánh: Cái tánh tầm thường của người phàm, thích vật chất. Diệt lục trần: Tiêu diệt sự cám dỗ của Lục trần, chớ không thể tiêu diệt được Lục trần, vì Lục trần là ngoại cảnh.
- Phàm tâm: Cái tâm phàm tục, nhiều tham vọng và ích kỷ, thích hưởng thụ vật chất. Trái với Phàm tâm là Thánh tâm.
- Mệnh Thiên: Mệnh Trời, mệnh lệnh của Trời. Đoạt phương tự diệt: Đoạt được phương pháp để tự mình diệt hết cái phàm tâm của mình, để phàm tâm không còn che lấp Thánh tâm, Tâm sáng tỏ, có được trí huệ, đắc đạo.

-Giải phần hữu sanh: Giải là cởi bỏ; phần hữu sanh là phần có sống, tức là phần thể xác của con người. Giải phần hữu sanh là cởi bỏ thể xác, để chơn linh và chơn thân xuất ra đi lên cõi thiêng liêng.

1253. **Linh linh, hiển hiển, khinh khinh khú,
Sắc sắc, không không, sự sự tiêu.
Chơn linh đẹp đẽ mỹ miều,
Xuất dương sớm đã đến triều Ngọc Hư.**

Câu 1254: Sắc và Không chỉ là hai trạng thái nối tiếp của một sự vật. Vật có hình thể là Sắc, lần hồi theo thời gian, vật bị hủy hoại tiêu mất để trở về Không. Rồi từ cái Không, sẽ tạo trở lại vật có hình thể tức là Sắc. Sắc Không cứ thế luân chuyển. Thể xác của con người cũng thế, luân chuyển trong vòng Sắc Không. Khi thể xác già yếu

thì sẽ chết, tức là bị hủy hoại, Chơn linh và Chơn thần xuất ra khỏi thể xác, bay lên cõi thiêng liêng, tức là trở về Không.

Câu 1255: Nhờ tu hành, Chơn linh của người tu đẹp đẽ.

Câu 1256: Chơn linh đi ra khỏi cõi trần, bay lên Ngọc Hư Cung để châu Đúc Chí Tôn.

1257. **Ngũ khí thanh diệt trừ quả kiếp,
Linh quang đầy đặn tiếp hồng ân.
Xác tại thế, đã nên Thần,
Ba mươi sáu cõi đặng gần Linh Thiên.**

Chú thích:

Ngũ khí: Năm chất khí gồm: Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ. Thân thể con người có Ngũ Tạng: Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận. Ngũ tạng sanh ra Ngũ khí, giống như 5 dòng điện.

- Tâm là trái tim, thuộc Hỏa.
- Can là lá gan thuộc Mộc.
- Tỳ là hai lá lách thuộc Thổ.
- Phế là hai lá phổi thuộc kim.
- Thận là hai quả thận thuộc Thủy.

Ngũ Tạng, nếu được nuôi dưỡng bằng thức ăn mặn, tức là cá thịt, thì Ngũ Khí sanh ra ô trược và năm dòng điện phát ra có tần số thấp; trái lại nếu được nuôi dưỡng bằng những thức ăn chay, tức là rau quả, thì Ngũ Khí thanh nhẹ, và năm dòng điện phát ra có tần số cao. (Thanh là trong sạch nhẹ nhàng).

Người tu luyện đạo, luyện cho năm luồng điện này điều hòa hiệp lại làm một trở nên mạnh mẽ, gọi là Ngũ Khí triều nguồn; kế đó luyện cho Tam Huê tụ đỉnh, tức là luyện cho Tinh Khí Thần hiệp nhưt thì đắc đạo thành Tiên Phật tại thế. Muốn luyện cho Ngũ Khí triều nguồn thì phải dụng công phu định cái tâm, gìn cái ý, bế Ngũ quan, thì Ngũ Khí hiệp về. Còn muốn luyện Tam huê tụ đỉnh thì luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hiệp Thần và luyện Thần hườn Hư.

Phép luyện đạo chỉ được truyền dạy trong Tịnh Thất dưới sự chăm nom của một Tịnh Chủ.

- Linh quang: Điểm linh quang của Đúc Chí Tôn ban cho mỗi người để làm Chơn linh.

Câu 1259: Tuy còn mang xác phàm tại thế nhưng đã đắc đạo, thành bực Thần, Thánh, Tiên, Phật tại thế.

1261. **Hiệp Tạng hóa cầm quyền chuyển thế,
Dạy vạn linh dụng thế từ bi.
Sanh ấy ký, tử là qui.
Diệu huyền cơ tạo chẳng gì gọi hơn.**

Câu 1261: Khi đắc đạo rồi thì trở về cõi Thiêng liêng, hiệp cùng Đức Chí Tôn lo cơ chuyển thế.

Câu 1263: Sống gửi thác về. Đây là một triết lý nhân sinh. Cõi thật sự của con người là cõi Thiêng liêng Hằng sống. Con người đầu kiếp xuống cõi trần là để học hỏi và tiến hóa. Khi hết hạn thì trở về cõi Thiêng liêng. Cho nên cõi Trần là nơi tạm mượn, cõi thiệt là ở thiêng liêng.

1273. **Trăm tuổi sống chẳng làm tuổi sống,
Một kiếp sanh chưa trọng kiếp sanh.
Thay thân Tạo hóa là mình,
Nâng niu sanh chúng mới đành chữ Nhơn.**

Câu 1273: Một kiếp sống của con người lâu lắm là một trăm năm, chẳng còn gì để làm lần nữa.

Câu 1274: Trong một kiếp sanh, con người chưa biết quý trọng kiếp sanh của mình. Con người thường phung phí thời giờ vào các cuộc tranh giành danh lợi hay các cuộc vui chơi, chỉ biết lo cho phần thể xác giả tạm, mà quên hẳn phần linh hồn. Đó là chưa biết trọng kiếp sanh của mình. Trái lại, nếu biết trọng kiếp sanh, phải lo trau tâm luyện tánh cho trở nên tốt đẹp, và lo phụng sự Nhơn sanh thì linh hồn mới mau tiến hóa, mới đạt được phẩm vị cao trọng nơi cõi Thiêng liêng.

Câu 1275-1276: Thượng Đế tạo ra con người theo hình ảnh của Ngài, nên Thượng Đế có gì thì người có nấy. Thượng Đế là Đại Thiên Địa thì người là Tiểu Thiên Địa. Cho nên con người nơi cõi Trần là thay thân cho Đấng Thượng Đế, làm anh cả của chúng sanh, dìu dắt chúng sanh, xem chúng sanh là đàn em nhỏ thì mới đúng theo lòng Nhân của Thượng Đế .

1277. **Ngồi yên lặng mà lắng nghe tiếng đờn vô cực,
Phước siêu thăngặng đạt thất nơi ta.
Biết coi thế giới như nhà,
Sống nên Chí Thánh, thác là Thần Tiên.**

- Tiếng đờn vô cực: Tiếng đàn từ cõi xa xăm, ý nói tiếng gọi của Đại Hồn vũ trụ. Tiếng gọi đó cũng chính là tiếng gọi từ chỗ sâu thẳm của tâm hồn con người.
- Thần Tiên: Chỉ chung các Đấng Thiêng Liêng gồm: Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Câu 1277: Ngồi yên lặng mà lắng nghe tiếng gọi thiêng liêng của Đại Hồn (Thượng Đế), kêu gọi các Tiểu Hồn (con người) sớm giác ngộ, quay trở về con đường tu thì mới mong hiệp nhứt với Đại hồn.

Câu 1278: Có phước đức thì được siêu thăng, siêu hay đọa là do nơi mình có tu hay không tu.

Câu 1279: Coi thế giới này như nhà của mình, tức là coi nhân loại là anh em một nhà dù khác tiếng nói hay màu da sắc tóc, vì toàn cả Nhơn loại đều là con cái của Đức Chí

Tôn và Đức Phật Mẫu. Nếu làm được như vậy thì tạo thành nơi mặt thể này một thế giới đại đồng, một Thiên đường tại thế, gọi là đời Thượng nguồn Thánh đức.

1317. **Toan để bút ngăn vòng chồng vợ,
Thì lại e nghịch nợ tiền khiên.
Còn không lưu lại lời hiền,
Muru chi gỡ nỗi thảm phiền đạo thể.**

Hai câu 1317-1318: Tính viết ra một bài để khuyên đừng nên kết hôn, thì lại sợ rằng điều ấy đi ngược lại sự vay trả nợ nần từ kiếp trước.

Hai câu 1319-1320: Còn nếu không viết ra để lưu lại lời hiền thì không có cách chi để thoát khỏi những nỗi sầu thảm phiền não trong việc vợ chồng tạo lập gia đình: sanh đẻ nặng nhọc đau đớn, nuôi con, dạy con, gặp nhảm chồng hay vợ không ra gì, con bất hiếu...

1393. **Rán quá sức cần phong thí nhận,
Dường say mê lơ lảng tinh thần.
Sấn tay thêm một chữ: THÂN,
Để dành gỡ khổ đoạn tràng hồng nhan.**

Câu 1395-1396: Tác giả, Đoàn Tiên Nương với ý chí mạnh mẽ, viết thêm một chữ THÂN để lưu ý phải nhớ kỹ rằng: Tự mình mới có thể cứu được mình chớ không ai cứu được mình, tự mình giải khổ cho mình chớ không ai giải khổ giùm mình, tự mình tu hành để giải thoát chớ không ai tu giùm mình được, tự mình bước lên nấc thang tiến hóa để lên địa vị cao thượng chớ không ai bồng ẵm mình lên được.

1397. **Buông ngọn viết vào làn mây trắng,
Hễ có thương nhớ dạng là hơn.
Cảnh Thiên gợi tác hương hồn,
Đề câu tiết nghĩa vĩnh tồn hậu lai.**

1401. **Đời đời danh chói Cao Đài.**

- Vào làn mây trắng: Ý nói linh hồn siêu thăng, bay vào làn mây trắng, lên các tầng Trời để đến cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.
- Đề câu: Viết ra một câu.
- Tiết nghĩa: Lòng ngay thẳng trong sạch và sự ăn ở phải đạo.
- Vĩnh tồn: Tồn tại lâu dài.
- Hậu lai: Thời gian từ đây về sau.

Câu 1397: Bà Đoàn Thị Điểm giảng cơ viết xong tác phẩm Nữ Trung Tòng Phận thì Bà liền được siêu thăng, linh hồn Bà được đi lên cõi Thiêng liêng, như lời Đức Phạm Hộ Pháp nói: “Thuở xưa, Bà Điểm qui liễu nhưng chưa siêu thoát được vì Bà thiếu công quả. Nay Bà ra được cuốn Nữ Trung Tòng Phận rồi, tức nhiên Bà lập được công quả trong buổi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Nhờ vậy Bà mới siêu thoát và trở về Tiên Cảnh.”

Câu 1399: Gởi linh hồn nơi cõi Trời. Ý nói đắc đạo, linh hồn được lên ở cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

PHỤ LỤC 2

CON THẦN LẦN CHỌN NGHIỆP

Hồ Hữu Tường (1910-1980)

Giữa một đường trường thăm thẳm, vắng vẻ và âm u, không một xóm nhà, ít người qua lại, có một cái am nhỏ. Am ấy mới cất, độ non ba năm thôi. Trong am chỉ có một sư cụ già, thui thui một mình, quanh năm chẳng được ai thăm viếng. Trước am, nơi giữa sân, chất sẵn một đống củi, vừa lớn, vừa cao ngất, củi sắp vuông vắn, thẳng thắn, dường như được săn sóc chẳng khác gì một vườn kiềng do một vị lão trưởng giả chăm nom. Một hôm, trời đã tối rồi, nhà sư vừa lên đèn được một chập, thì có hai người khách đến trước ngưỡng cửa, vái mà thưa rằng:

- Bạch sư cụ, nhờ ngọn đèn dắt dẫn, chúng tôi mới dũi đến đây. Mong nhờ sư cụ cho tá túc một đêm, sáng mai chúng tôi sẽ lên đường.

Nhà sư ung dung, chấp tay đáp:

- Mô Phật, cửa thiền bao giờ cũng mở rộng cho người lỡ bước. Rồi dừng một chút, dường như để trấn tĩnh nỗi vui đương sôi nổi trong lòng, nhà sư tiếp: Ngót ba năm nay, tôi mở am nơi này, không được một ai đến viếng. Ngày nay là ngày ước nguyện, may được hai ngài quá bước, ghé nghỉ chân. Âu cũng là duyên trước...

Nói xong, nhà sư dọn cơm chay cho khách dùng, và câu chuyện không đề, vô tình dẫn khách đến câu hỏi:

- Bạch sư cụ, chẳng hay sư cụ thích tụng kinh nào?

Vui sướng, vì như gặp bạn tri âm, nhà sư đáp:

- Tôi quy y Phật pháp từ thuở bé, rừng thiền có thể nói rằng đã viếng khắp nơi. Cách ba năm nay, lòng huệ được mở ra... Và từ ấy, tôi chỉ tụng kinh Di Lặc.

Một người khách hỏi:

- Sư cụ có thể cho biết duyên cớ vì sao chẳng?
- Mô Phật. Chỉ có lời nói mà độ được người, tôi làm sao dám tiếc lời? Vậy tôi xin vui lòng nói cho hai ngài rõ. Bởi tôi đọc qua các kinh sách, thấy rằng Phật Thích Ca khi đắc đạo, có dạy: Hai ngàn năm trăm năm về sau, Phật Pháp sẽ đến chỗ chia ly, ấy là hồi mạt pháp. Di Lặc sẽ xuống trần mà cứu độ chúng sanh và chính đạo lại. Nay cũng đã gần đến kỳ hạn. Chắc là Phật Di Lặc đã xuống trần mà độ kẻ thành tâm tu hành. Bởi ấy tôi có nguyện tụng đủ một nghìn lần kinh Di Lặc. Nếu lời nguyện được ý, ấy là tôi sẽ đắc đạo.

Người khách thứ hai hỏi:

- Sư cụ đã tụng được bao nhiêu lần rồi?
- Đã được chín trăm chín mươi chín lần rồi. Bây giờ, chỉ còn lần thứ một nghìn, lần tụng của đêm nay. Chắc hai ngài trước có duyên lành, đêm nay đến mà chứng kiến tôi tụng lần thứ một nghìn ấy...

Đến đây, bữa cơm chay đã mãn. Khách mệt mỏi, xin ngã lưng. Nhà sư dọn dẹp trong am cho thanh khiết, rồi bước tới trước bàn Phật, khêu bắc đèn dầu, mở kinh ra mà khởi sự tụng. Tiếng tụng kinh chậm rãi, như nện vào không gian. Thỉnh thoảng một tiếng chuông ngân lên, đánh dấu chuỗi tiếng mõ dài dằng dặc... Trước khi nhắm mắt ngủ, hai người khách còn trao đổi vài câu:

- Tôi nghiệp thay cho sư cụ già, **quá mê tín, mất sáng suốt, mà không giác ngộ. Phật Pháp lập ra đã hai nghìn năm trăm năm về trước, tránh sao cho chẳng có chỗ lỗi thời.** Nhân thấy chỗ lỗi thời, các môn đệ ắt phải lo tài bồi, phát triển mới đạo. Thế là có tư tưởng này, học thuyết nọ, rồi sanh ra môn ra phái. Ấy là nguồn gốc của sự chia ly. Nay rừng thiền đã hơn tám mươi bốn ngàn cội khác nhau, ấy là lẽ dĩ nhiên vậy.
- Tôi cũng đồng ý với anh về chỗ đó, và nghĩ thêm rằng: **Nếu bây giờ có một vị Di Lặc xuống trần, thì vị ấy có trọng trách cất nhắc Phật Pháp cho kịp với mọi sự tiến hóa của mọi sự việc từ hơn hai nghìn năm nay. Và trách nhiệm của mỗi tín đồ của Phật là dọn mình cho sẵn, để đón rước cái PHÁP mới sắp ra đời.** Chớ mê mải trong việc gõ mõ tụng kinh, há chẳng phải là phụ lòng mong của Thích Ca chăng?

Lời nói của hai người khác giữa cái am vắng vẻ, không dè có kẻ trộm nghe. Kẻ nghe trộm này là một con thần lẩn, đến ở am khi am vừa mới dựng lên, và đã từng nghe 999 lần kinh, nên có linh giác, nghe được tiếng người, biết suy nghĩ và phán đoán. Câu phê bình của hai người khách đã giúp cho con thần lẩn giác ngộ. Nó vốn biết nguyện vọng của nhà sư: là hết tụng xong lần thứ một nghìn, thì nhà sư sẽ lên đàn hỏa mà tự thiêu... Rồi nó nghĩ: nhà sư lòng còn mê tín, chưa được giác, phỏng có thiêu thân, thì làm sao nhập được Niết Bàn? Hay là ta tìm thế ngăn người, đừng để cho người thiêu thân, đợi chừng nào người được giác ngộ rồi sẽ hay? Rồi con thần lẩn quyết định: phải ngăn ngừa, đừng để nhà sư tụng xong lần thứ một nghìn. Nó nghĩ được một kế: ấy là bò lên bàn Phật, đến đĩa đèn dầu, ráng sức mà uống cạn đĩa dầu. Bắc sẽ lụn, đèn tắt, nhà sư không thấy chữ mà tụng nữa.

Một sức mầu nhiệm đã giúp cho con thần lẩn đạt được ý nguyện: chỉ trong một hơi mà đĩa dầu đã cạn, bộ kinh chỉ tụng được quá nửa mà thôi. Đèn tắt, nhà sư ngạc nhiên, nhưng nghĩ: hai người khách là kẻ phàm tục, không được duyên lành chứng giám việc đắc đạo của mình.

Âu là xếp kinh, nghỉ, chờ ngày mai khách lên đường, sẽ tụng lần thứ một nghìn ấy. Nhưng sau đó đêm nào cũng vậy, buổi đọc kinh chưa xong mà đèn lại tắt đi. Nhà sư có lúc tính tụng kinh lần này vào khoảng ban ngày, nhưng nhớ lại khi xưa đã có lời nguyện tụng kinh vào lúc khuya, tĩnh mịch, nên không dám đổi. Và một đêm kia, dẫn lòng không được, tuy tụng kinh mà mắt chốc chốc nhìn lên đĩa dầu để xem sự thể thế nào, nhà sư bất gặp con thần lằn kê mổ mà uống dầu. Nổi giận xung thiên, nhà sư dùng gõ mõ, mắng rằng:

- Loài nghiệt súc! Té ra mi ngăn ngừa không cho ta được đắc đạo!

Rồi cầm ngay dùi mõ, nhà sư nhắm ngay đầu con thần lằn mà đập mạnh. Con thần lằn bị đánh vỡ đầu, chết ngay. Hôm ấy, nhà sư tụng xong lần kinh, bước lên đàn hỏa, tự châm lửa mà thiêu mình.

Và cũng đêm ấy, hai linh hồn được đưa đến trước tòa sen của Phật. Uy nghiêm, Ngài gọi nhà sư mà dạy:

- Nhà người theo cửa thiên từ thuở bé, mà chẳng hiểu bài học vỡ lòng của pháp ta là thế nào! **PHÁP ta đã dạy phải trừ hết dục vọng thì mới đắc đạo, mà người dục vọng lại quá nhiều: bởi việc muốn đắc đạo để được thành Phật kia cũng là một cái dục vọng.** Có dục vọng ấy là THAM, bởi tham nên giận mắng con thần lằn, ấy là SÂN; bởi sân nên tưởng rằng trừ được con thần lằn thì tha hồ tụng kinh, rồi đắc đạo, ấy là SI. Có đủ Tham Sân Si tất phải phạm tội sát sanh, thì dầu ăn chay trường trọn đời, cũng chưa bù được.

Tội người lớn lắm, phải ráng tu luyện thật nhiều mới mong chuộc được. Vậy ta truyền cho Kim Cang, La Hán hốt cho hết đồng tro do xác người thiêu mà hóa ra, rồi đem tro ấy tung khắp bốn phương trời. Mỗi một hột tro đó sẽ biến sanh thành một người. Chừng nào mọi người ấy đắc đạo, đám chúng sanh ấy sẽ được quy nguyên, trở lại hiệp thành một, thì nhà người sẽ đến đây mà thành chánh quả.

Rồi Phật cho gọi hồn con thần lằn mà dạy: Nhà sư chưa được giác mà làm tội, tội ấy đáng giá là một mà thôi. Còn nhà người, được giác một phần rồi, mà làm tội, thì tội đáng kể là mười.

Con thần lằn lay mà thưa rằng: Bạch Phật Tổ, lòng của đệ tử vốn là muốn độ nhà sư, dầu nát thân cũng không tiếc. Chẳng hay đệ tử có tội chi?

Phật phán: Muốn độ người, kẻ thiếu chi cách, sao người ngăn đón việc tụng kinh của người? Đã đành rằng việc tụng làm của nhà sư là một việc mê tín, nhưng dầu là mê tín, song vẫn là một tín ngưỡng. Cõi Phật vốn là cõi tự tại. **Nếu phạm đến tự do tín ngưỡng, gọi là để dấn người vào, thì làm sao cho được.** Bởi người không dùng phương pháp tự do, người là kẻ mất tự do, thì cả hai làm sao được vào cõi tự tại?

Một lần nữa, con thần lằn được giác, quỳ lay mà xin tội: Xin Phật Tổ mở lòng từ bi, cho đệ tử hóa sanh một kiếp nữa, để dùng phương pháp tự do mà độ vô số chúng sanh do những hột tro mà các vị Kim Cang, La Hán vừa tung ra đó.

Phật đáp: Ta cho người được toại nguyện.

Hồn con thần lẩn vừa muốn lạy Phật mà đi đâu thai, thì sực nhớ lại, nên bạch rằng:

- Xin Phật Tổ dạy đệ tử phải hóa sanh làm kiếp chi?

Phật đáp: Nhà ngươi đã gần bến giác, phải tự mình chọn hình thể mà hóa sanh. **Tự do chọn lựa mới có thể luyện mình để bước vào cõi tự tại.**

Hồn con thần lẩn từ ấy trôi theo mây gió, không biết trụ vào đâu để có thể vừa dùng phương pháp tự do mà độ người, vừa có thể độ được đông người, số người đông như số hạt tro do một cái xác thiêu ra. Thật chưa hề có lúc nào có một linh hồn bị trừng phạt phải đau khổ đến thế. Một hôm trong hội xiêu bạt, hồn con thần lẩn thấy bóng của một trong hai người khách đã đến am thuở nọ, mà câu chuyện nghe lóm đã làm duyên cho mình mấy năm đau khổ. Thần lẩn vội vã bay theo vái chào và kể nỗi niềm đau đớn:

- Ngài đã giúp cho tôi giác ngộ được một ít, có hay đâu tôi phải mang cái nghiệp vô định này. Đã trót làm ơn, xin độ cho tôi đến bờ bến.

Hai ông khách đáp: Chúng tôi đâu dám lên mặt thầy mà dạy người, huống chi lại dám đèo bồng mang lại một giải pháp cho một vấn đề nan giải. Nhưng đã lỡ gieo trong trí người một ý nghĩ làm cho người phải khổ như bây giờ, thì phải góp ý kiến để cho người suy xét mà gỡ rối. Ấy gọi là chuộc lỗi. Hồn con thần lẩn gật đầu, cảm ơn trước. Một người khách nói:

- Chúng tôi đây là bọn chơi văn giỡn chữ, quanh năm **chỉ lấy việc đem ý hay lời đẹp mà làm cho vui lòng kẻ đọc mình, rồi lấy sự vui của người làm sự sung sướng của mình, cho đó là sự "đắc đạo" của mình.** Nếu phải mong muốn điều gì, thì cố gắng trình bày cho bóng bẩy, văn hoa; được thì tốt, bằng không thì thôi. Chớ chẳng hề khi nào phạm đến tự do của người...

Nghe đến đó, một điểm linh quang bắt đầu hiện trong trí con thần lẩn.

Người khách thứ hai nói tiếp:

- Xưa nay, trong bọn chúng tôi cũng được một vài tay lỗi lạc, kể một chuyện lý thú, hát một bài thơ hay, chuyện ấy thơ này được truyền ở hàng triệu triệu miệng. Vậy, nếu người có lòng muốn độ hằng sa sa số chúng sanh, thì cố gắng trau dồi văn tài cho tương xứng, văn người tung ra là có thể cảm hóa triệu triệu người... Rồi, cũng **phải luyện văn tâm, để cho văn người có thể nhen nhúm được trong lòng mỗi người một điểm lửa thiêng.** Lửa bắt cháy, văn của người như dầu rót thêm vào, làm cho ngọn lửa sáng lên...

Hồn con thần lẩn gật đầu ba cái để tạ ơn và nói rằng: Con đường ấy khó đi cho đến hết được, song chắc chắn là đi cùng đường, ắt có thể đến trước tòa sen mà châu Phật Tổ. Vậy tôi xin cố gắng...

SÁCH THAM KHẢO

PHƯƠNG TU ĐẠI ĐẠO
TỰ ĐIỂN CAO ĐÀI
TỰ ĐIỂN CAO ĐÀI
TỰ ĐIỂN PHẬT HỌC VIỆT ANH
NỮ TRUNG TÙNG PHẬN DẪN GIẢI
CHÚ GIẢI DI LẶC CHƠN KINH
CON THẦN LẦN CHỌN NGHIỆP
CÁC BÀI GIẢNG CỦA HỘI TTH
CONFUCIANISM

PHẠM CÔNG TẮC
NGUYỄN VĂN HỒNG
NGUYỄN THỦY

NGUYỄN VĂN HỒNG
QUÁCH VĂN HÒA
HỒ HỮU TƯỜNG
DK, ANNIE BESANT, A. BAILEY
D.K.GARDNER

CHÂN THÀNH BIẾT ƠN QUÝ TÁC GIẢ, SOẠN GIẢ TRÊN

